

N H I Ê U T Á C G I Á

358.180 959 7

ĐC

C 125 CH

Câu chuyện
về
**Người
Lính
Xe tăng**



HA XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

**CÂU CHUYỆN VỀ
NGƯỜI LÍNH XE TĂNG**

NHIỀU TÁC GIẢ

CÂU CHUYỆN VỀ
NGƯỜI LÍNH XE TĂNG



2021/ĐC/VV 001785

Nhà xuất bản Hồng Đức

Các truyện in trong cuốn sách Câu chuyện về người lính xe tăng là những câu truyện cảm động, có nội dung sâu sắc, của nhiều tác giả, đã in trên nhiều báo và tạp chí khác nhau do do QĐ sưu tầm, tuyển chọn. Hiện nay QĐ đã liên hệ được với một số tác giả, còn một số tác giả chưa liên hệ được do chưa có thông tin. Vậy mong các tác giả thông cảm và thứ lỗi. Xin kính mời các tác giả liên hệ với QĐ theo số điện thoại 0913 534 604 để nhận sách và nhuận bút. Xin trân trọng cảm ơn.

LỜI NÓI ĐẦU

Ra đời và trưởng thành trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ đội Tăng - Thiết giáp được Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân giáo dục, rèn luyện, chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân. Ngay từ ngày đầu thành lập, cán bộ, chiến sĩ Binh chủng Tăng - Thiết giáp đã không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, sẵn sàng cùng với quân và dân cả nước chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, được sự thương yêu, đùm bọc của nhân dân và sự phối hợp, hiệp đồng chiến đấu của các đơn vị trong toàn quân, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ với tinh thần chủ động, sáng tạo, vượt khó và ý chí tiến công ngoan cường, vừa

cùng cố, kiện toàn tổ chức, tích cực huấn luyện kỹ, chiến thuật, tham gia chiến đấu và chiến đấu giành nhiều thắng lợi.

Chính từ chiến thắng này đến những chiến thắng khác như: Chiến thắng Tà Mây - Làng Vây, cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và giành thắng lợi giòn giã ở Quảng Trị, Bắc Tây Nguyên... Trong cuộc tiến công và nổi dậy Mùa xuân năm 1975, đã tham gia đánh trận mở màn Buôn Ma Thuột, góp phần hoàn thành thắng lợi chiến dịch giải phóng Tây Nguyên. Sau đó, tham gia tiến công Huế, Đà Nẵng, Phan Rang, Phan Thiết và các tỉnh miền Đông Nam Bộ... Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, với sức mạnh tiến công Thần tốc - Táo bạo - Quyết thắng, Bộ đội Tăng - Thiết giáp đã dẫn đầu đội hình các binh đoàn chủ lực trên cả 5 hướng tiến công vào sào huyệt cuối cùng của chế độ ngụy quyền Sài Gòn, góp phần làm nên chiến thắng huy hoàng của dân tộc. Hình ảnh những chiếc xe tăng 390 và 843 dũng mãnh húc đổ cánh cổng sắt của Dinh Độc Lập trưa ngày 30-4-1975 đã đi vào lịch sử dân tộc như một biểu tượng sức mạnh chiến thắng, là niềm tự hào chung của toàn dân và toàn

quân ta.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Bộ đội Tăng - Thiết giáp cùng với quân dân cả nước hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc; đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng. Những thành tích đó đã xây dựng nên truyền thống vẻ vang của Bộ đội Tăng - Thiết giáp “Đã ra quân là đánh thắng”.

Để đất nước hòa bình, thống nhất như ngày hôm nay, chúng ta đã có hàng triệu người con ưu tú ngã xuống. Nhiều cán bộ chiến sỹ Bình chủng Tăng - Thiết giáp được công nhận, (truy tặng) Liệt sỹ và phong tặng, (truy tặng) danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân do đã có nhiều thành tích xuất sắc, hy sinh, xương máu của mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta kính cẩn nghiêng mình trước các “Anh”.

Đề tri ân và tưởng nhớ công lao to lớn của các “Anh”; Nhà xuất bản Hồng Đức cùng với Công ty TNHH DV TM Văn hóa Phương Đông phối hợp xuất bản cuốn sách **Câu chuyện về người lính xe tăng.**

Những câu chuyện về người lính xe tăng có rất nhiều, rất thú vị, rất cảm động, những câu chuyện nêu trong cuốn sách này chỉ là một số ít câu chuyện mà chúng tôi sưu tầm, tuyển chọn được, nên không có sự so sánh nào đó về những chiến công của các cán bộ, chiến sĩ và các đơn vị trong Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

Trong quá trình biên tập cuốn sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, do khả năng hiểu biết có hạn, cũng như sự hạn chế về tư liệu của người sưu tầm, tuyển chọn. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của các độc giả cũng như của các cán bộ, chiến sĩ Binh chủng Tăng - Thiết giáp, để bổ sung cuốn sách được hoàn thiện hơn khi xuất bản lần sau.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc!

CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG

Lính xe tăng và câu chuyện ngày trở về

Có mặt trong đội hình xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập trưa ngày 30/4/1975 lịch sử, nhiều người lính sau khi rời quân ngũ trở về đời thường sống một cuộc sống giản dị, chăm chỉ lao động và chưa khi nào đòi hỏi cho mình bất cứ điều gì.

Hoàn thành nhiệm vụ cao cả của người lính

Ngày 22/4/2016, những cựu lính xe tăng trong chiến dịch Hồ Chí Minh đã có cuộc hội ngộ tại nhà của cựu chiến binh Trần Bình Yên (nguyên là lái xe tăng 846, Đại đội 5, Tiểu đoàn 2) ở thôn 5, thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, Hà Nam. Cuộc hội ngộ có đầy đủ các cựu chiến sĩ của xe tăng 846: pháo thủ số 1 Nguyễn Ngọc Quý (hiện ở xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải

Phòng), chỉ huy xe tăng Lê Quang Hòa (La Khê, Hà Đông, Hà Nội); pháo thủ số hai Nguyễn Bá Tứ (Hà Nội). Xe tăng 846 là chiếc xe tăng trong bức ảnh nổi tiếng của tác giả Trần Mai Hường “Xe tăng quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập trưa ngày 30/4/1975”.

Cuộc hội ngộ còn có cựu lái xe tăng 844 Đặng Xuân Trường, lái xe tăng 915 Lương Văn Đồng; cựu phóng viên chiến trường Trần Mai Hường, Chu Chí Thành, cùng cán bộ Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Hội cựu chiến binh của thị trấn... và nhiều bà con lối xóm.

Buổi sáng, trời trở gió mùa, mưa càng về trưa càng to. Hai dãy bàn kê ở ngoài sân được căng bạt bên trên hứng từng cơn gió mạnh, mưa hắt cả vào trong. Nhưng gió mưa không làm cho câu chuyện của những người lính bị ngắt quãng, ngược lại càng lúc càng sôi nổi, hào hứng. Ký ức về trận đánh cuối cùng tràn về, từ những ngày giằng co với địch ở căn cứ Nước Trong (từ 26 - 29/4/1975) - trường sĩ quan thiết giáp lớn nhất Miền nam, cho đến lúc có mặt tại Dinh Độc Lập trưa ngày 30/4/1975.

Chỉ huy Nguyễn Ngọc Hòa kể xe 846 đã

nổ phát súng đầu tiên chiến đấu ở căn cứ Nước Trong ra sao, Đại đội 5 có 8 xe tăng thì 5 xe tăng bị địch bắn cháy, sau đó phải sáp nhập với đại đội 4 của đồng chí Bùi Quang Thận thế nào. Pháo thủ số 1 Nguyễn Ngọc Quý kể lại niềm hạnh phúc khi sáng 29/4, được lệnh nổ súng vượt qua rừng cao su, phát súng đầu tiên ông đã bắn cháy một chiếc M48. Tiếp sau ông lại bắn cháy một M41 và 2 GMC trong xe có 50 tên lính ngự và nhiều mục tiêu khác. Trong buổi lễ mừng công sau này, ông Quý là chiến sĩ duy nhất vinh dự được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất. Cự chiến binh Lương Văn Đồng kể xe tăng 915 do ông lái bị địch bắn cháy, đồng đội hy sinh, ông thoát chết trong gang tấc và phải chuyển ra tuyến sau để điều trị vết thương, không có mặt trong ngày giải phóng miền nam chỉ còn tính bằng giờ đồng hồ...

Mỗi người lính khi đó tuổi còn rất trẻ, hầu hết mới ngoài hai mươi, trong đội hình tăng của Lữ đoàn Tăng - Thiết giáp 203 anh hùng của Quân đoàn 2, đơn vị đánh mũi thọc sâu vào Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đã cùng nhau chiến đấu trong trận đánh lớn cuối cùng và hoàn thành

tốt nhiệm vụ của mình. Họ đã có mặt tại thời khắc lịch sử trọng đại trưa ngày 30/4/1975, là nhân chứng lịch sử và cũng là những người góp phần vào chiến thắng chung của toàn dân tộc.

Cuộc sống đời thường giản dị

Điều đáng trân trọng là, sau khi giải phóng miền nam, những người lính tăng năm xưa, có người tiếp tục công tác trong quân ngũ, người trở về cuộc sống đời thường, sống một cuộc sống giản dị, làm những công việc rất đời bình thường. Có người, đến bây giờ cuộc sống vẫn còn khó khăn, người thì bệnh tật. Nhưng tất cả đều vui sống, lao động hết mình, chưa khi nào chất lính trong họ phai nhạt.

Ông Nguyễn Ngọc Quý năm nay 64 tuổi, do sức khỏe yếu nên đã xuất ngũ năm 1980 và được giải quyết chế độ một lần. Trở về cuộc sống đời thường, kinh tế gia đình rất khó khăn. Hai vợ chồng đều không có lương, thu nhập trông cả vào cây lúa, chăn nuôi lợn gà, có lúc để có tiền cho con ăn học (vợ chồng ông có 4 người con), cũng phải đi vay mượn. Nhưng cùng với vợ mình, người lính năm xưa chăm chỉ lao động, tích cực tham gia công tác đoàn thể.

Nói chuyện cùng ông, chúng tôi luôn thấy ông cười vui, lạc quan. “Mình đã hoàn thành xong nghĩa vụ với Tổ quốc, xuất ngũ trở về cũng khó khăn nhưng là khó khăn chung của đất nước, nhiều người còn khó khăn hơn. Được gặp lại đồng đội là vui rồi, mỗi người một hoàn cảnh, nhưng hễ cứ gặp nhau là ôm nhau thật chặt”, ông Quý cười hiền nói. Ông Nguyễn Quang Hòa xuất ngũ năm 1983, sáu 14 năm trong quân ngũ, khi trở về cũng rất trần trụi sẽ làm gì để kiếm tiền nuôi gia đình. Cả nhà trông vào vài ba sào ruộng, bốn đứa con còn nhỏ, vợ lại đau ốm luôn. Vốn là lính nên ông chẳng nề hà việc gì, làm đủ mọi nghề, từ chạy máy kem, máy đá đến chẻ que kem, rồi mua các loại trứng gia cầm về bán. Hàng ngày, 5 giờ sáng ông đã ra khỏi nhà, đi thu mua trứng gia cầm ở huyện Chương Mỹ cách nhà khoảng 30 km để kịp buổi chợ sáng cho người ta lấy buôn và vợ bán lẻ tại nhà. Bây giờ, ông Hòa đã ở tuổi xưa nay hiếm.

Mười năm nay ông lại mắc bệnh tiểu đường nên sức khỏe kém. Năm ngoái ông phải phẫu thuật tim, trước đó ông bị tai biến, nay sức khỏe đã ổn định hơn nhưng khi ông nói vẫn còn có

một số từ không tròn tiếng, nhiều lúc bị hụt hơi. Hai lần bị thương (lần một tại mặt trận B5 năm 1972 và lần 2 tại chiến dịch Hồ Chí Minh 1975).

“Với tôi, phần thưởng cao quý nhất khi rời quân ngũ là mình còn nguyên vẹn trở về, đồng đội hy sinh nhiều, họ thiệt thòi hơn mình rất nhiều”, ông Hòa nói. Cựu pháo thủ số hai Nguyễn Bá Tứ hiện cuộc sống cũng còn nhiều khó khăn. Cách đây hơn 5 năm, ông đã phẫu thuật cắt bỏ thanh quản do căn bệnh ung thư thanh quản. Bây giờ khi giao tiếp với ai, ông đều “nói chuyện” bằng cách ghi ra giấy. Hiện nay, hàng ngày ông phụ vợ bán xôi sáng. Tuy vậy, chưa khi nào người lính này tỏ ra bi quan hay nản chí, ông viết ra giấy: Mình đã khỏe nhiều rồi, có thể phụ vợ kiếm tiền được! Còn lái xe Trần Bình Yên, sau 8 năm trong quân ngũ, năm 1980 ra quân hưởng chế độ phục viên. Khi mới ra quân, gia đình cũng rất khó khăn, một năm 3 tháng giáp hạt phải đào củ từ quanh nhà để ăn. Nhưng nhớ bài học chính trị ngày còn đi bộ đội “kỹ thuật là then chốt”, vì vậy ông luôn suy nghĩ xem trồng cây gì, nuôi con gì, vận dụng khoa học kỹ thuật ra sao. Nhận thấy, vùng đất Ba Sao có chất đá gio, chất vôi thích hợp với cây na vì đất không chua, cây

trồng không bị bó rế, từ đó ông vỡ đất hoang quanh nhà dưới chân núi để trồng na. Nhanh nhẹn, sức vóc, cần cù chịu khó, rồi được Hội cựu chiến binh, anh em đồng đội trợ giúp vốn, sau hơn mười năm, giờ đây gia đình ông đã có khoảng 1.000 gốc na, mỗi năm doanh thu khoảng 70 - 80 triệu đồng, sau khi trừ chi phí được khoảng 35 - 40 triệu đồng. Ngoài ra, gia đình ông còn trồng cỏ, nuôi bò để có thêm thu nhập. “Tôi tình nguyện vào bộ đội và đã hoàn thành nhiệm vụ của người lính. Khi ra quân, tôi may mắn hơn nhiều anh em là đến bây giờ sức khỏe vẫn tốt. Trong cuộc sống, luôn phấn đấu lao động hết mình, sống là phải vui. Tôi còn tham gia phong trào thể thao và rất thích làm thơ về mùa xuân vì đây là mùa cây trái đâm trồi nảy lộc, ra hoa kết trái, trước mùa xuân con người cũng thư thái”, ông Yên vui vẻ nói.

Xuân Phong

Câu chuyện của những chiến sĩ lái xe tăng

Giờ những trang hồi ký của những người lính lái xe tăng trên chặng đường chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, mặc dù chiến tranh đã lùi xa, nhưng trên từng con chữ, những khoảnh khắc sống, chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc vẫn còn in đậm trong tâm trí họ và sống động trên từng trang giấy. Rất nhiều câu chuyện được kể bởi những con người đã đi qua cuộc chiến, mỗi câu chuyện là một giai đoạn lịch sử, một hoàn cảnh lịch sử, một vùng đất và một con người khác nhau. Nhưng tất cả đều chung một lý tưởng, một khao khát đó là hòa bình - thống nhất. Chuyện về người lính xe tăng rất nhiều, rất thú vị, không kể hết. Nhân kỷ niệm ngày giải phóng miền Nam, thống

nhất đất nước chúng tôi xin giới thiệu một vài câu chuyện của những người lính xe tăng của Binh chủng Tăng - Thiết Giáp trong mùa xuân năm ấy.

Mùa xuân ra trận, đánh trước rồi ăn Tết sau

“Ngày 5 tháng 2 năm 1975, Đoàn A.75 lên đường vào thời điểm nhân dân tung bừng đón xuân Ất Mão. Mọi biện pháp bảo mật, nghi binh được thực hiện để đánh lạc hướng địch. Ra trận giữa lúc năm hết Tết đến đã góp thêm yếu tố bất ngờ. Đây cũng là một nét truyền thống của dân tộc Việt Nam, kể từ Tết Kỷ Dậu với trận Ngọc Hồi - Đống Đa (1789) và Tết Mậu Thân với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy 1968. Vui xuân không quên đánh địch. Đánh trước, rồi ăn Tết sau. Đánh địch cũng là nổ pháo mừng xuân. Cốt sao giành thế bất ngờ. Anh Văn Tiến Dũng và Đoàn A.75 lên đường với khí thế và quyết tâm như vậy”.

Cũng hành quân trong không khí mùa xuân năm ấy, Đại tá Nguyễn Chí Tam - nguyên phó Tư lệnh Kỹ thuật Quân đoàn 26 - Phó tham mưu trưởng Binh chủng Tăng - Thiết giáp nhớ lại những ngày tháng đi cùng Lữ đoàn xe tăng 203

trong mùa xuân đại thắng. Ông kể: “Tháng 2 năm 1975, đang làm hiệu phó trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp, tôi được gọi về Bộ tư lệnh Thiết giáp giúp đỡ kiểm tra và chuẩn bị cho Lữ đoàn 215 đi làm nhiệm vụ..... cán bộ đơn vị đến báo cho biết phải về đơn vị ngay để cùng đi với Bộ tư lệnh binh chủng và một số cán bộ vào mặt trận Quảng Đà. Chuẩn bị hành trang lên đường chiến dịch gồm tăng, võng, bạt, quần áo, lương khô.

Đi cùng đoàn có đại diện Bộ tư lệnh binh chủng gồm hai người là Đào Huy Vũ, Tư lệnh Ủy viên Thường vụ Đảng ủy và Đào Văn Xuân, Phó chính Ủy, Phó Bí thư Đảng ủy và cán bộ của 4 cơ quan: Tham mưu, chính trị, kỹ thuật, hậu cần. Sáng ngày 7/3/1975, đoàn cán bộ lên đường, không ai nghĩ rằng đây là lần đi chiến trường cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ”.

Để đảm bảo bí mật: Phải thật cần thiết thì mới sử dụng xe tăng

Nhớ lại những ngày tháng khi nhận nhiệm vụ chỉ huy đoàn cán bộ Binh chủng Tăng - Thiết giáp vào Nam giúp các đơn vị khôi phục sửa chữa xe tăng - thiết giáp và tập huấn cán bộ

tăng về cách đánh hiệp đồng có xe tăng tham gia. Những chi tiết đặc biệt được Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp Lê Xuân Kiện kể lại: “Chiều ngày 20/9/1974, hết giờ làm việc, tôi về nghỉ tại trạm 66 thuộc Bộ Quốc phòng thì gặp anh Phạm Viễn, cán bộ Tuyên huấn phòng chính trị Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Phạm Viễn vui vẻ nói: “Theo lệnh của Bộ, anh thu xếp công việc ở Hà Nội về ngay Binh chủng để chuẩn bị đi công tác miền nam”. Đúng 8 giờ ngày 21/9/1974, tôi vào cơ quan Bộ Tổng tham mưu được anh Văn Tiến Dũng tiếp rất thân tình và giao nhiệm vụ cho tôi: “Cậu chỉ huy một đoàn cán bộ và thợ sửa chữa các loại về xe tăng - thiết giáp vào miền nam để giúp các đơn vị khôi phục, sửa chữa xe tăng - thiết giáp và tập huấn cán bộ xe Tăng - Thiết giáp về cách đánh hiệp đồng binh chủng có xe tăng tham gia từ Quảng Trị đến miền Đông Nam Bộ (B2) và chuẩn bị cho hoạt động Đông Xuân 1974 - 1975”.

Ngày 5/10/1974, tại Núi Đanh đoàn cán bộ hành quân bằng hai xe con chở cán bộ và hai xe ô tô đại xa chở thợ sửa chữa kỹ thuật. Trong

hơn 2 tháng, đoàn công tác đã làm nhiệm vụ sửa chữa xe tăng và tập huấn cán bộ đánh hiệp đồng binh chủng cho các đơn vị Tăng - Thiết giáp từ Quảng Trị, Nam Lào, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, đến đầu tháng 1/1975 đoàn quay trở lại chiến trường Tây Nguyên theo lệnh của đồng chí Vũ Lăng. Trung tuần tháng 2/1975, Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên tổ chức cuộc họp báo với Thượng tướng Tổng tham mưu trưởng kế hoạch chiến dịch và quyết tâm chiến đấu trận tiến công tiêu diệt chi khu Đức Lập và thị xã Buôn Ma Thuột. Thiếu tướng Lê Xuân Kiện may mắn được tham dự: “Tham mưu phó mặt trận B3 báo cáo xong, Thượng tướng Văn Tiến Dũng hỏi: Các anh trong Bộ Tư lệnh B3 có phát biểu bổ sung thêm không? Anh Hoàng Minh Thảo nói: Kế hoạch chiến dịch và quyết tâm chiến đấu tiến công chi khu Đức Lập và thị xã Buôn Ma Thuột, chúng tôi đã thông qua thống nhất như đã báo cáo với Thủ trưởng Bộ. Anh Văn Tiến Dũng hỏi: Các binh chủng có ai có ý kiến cần bổ sung thì phát biểu. Hội nghị một phút im lặng, anh Dũng chỉ vào tôi vào nói: Kiện đại diện cho xe tăng

phát biểu đi. Tôi giờ tay xin nói:....Về sử dụng lực lượng trong chiến dịch, tôi đồng ý như kế hoạch của B3 đã chuẩn bị, Sư đoàn bộ binh 10 được tăng cường một đại đội xe tăng T54 làm lực lượng dự bị để tiến công tiêu diệt Chi khu Đức Lập, nhưng lưu ý phải thật cần thiết thì mới điều đại đội tăng vào chiến đấu ở Đức Lập vì phải đảm bảo bí mật bất ngờ khi ta sử dụng hiệp đồng với bộ binh tiến công Buôn Ma Thuột. Lực lượng xe Tăng - Thiết giáp của B3 sẽ sử dụng tất cả để tiến công Buôn Ma Thuột, mỗi trung đoàn đánh vào đây sẽ được tăng cường một đại đội tăng T54 và tổ chức một mũi thọc sâu do một tiểu đoàn tăng và đại đội thiết giáp chở bộ binh trên xe thọc sâu đánh chiếm sở chỉ huy Sư đoàn 23 của địch. Sau khi Đức Lập bị tiêu diệt, đại đội tăng dự bị của Đức Lập sẽ làm dự bị cho Buôn Ma Thuột”.

Quá trình tiến công Đức Lập, Sư bộ binh 10 đã đánh chiếm được một số mục tiêu quan trọng, nhưng còn một số mục tiêu chưa được giải quyết xong, Sư trưởng Sư 10 gọi điện cho đồng chí Vũ Lăng đề nghị cho sử dụng đại đội xe tăng dự bị vào chiến đấu, đồng chí Vũ Lăng đã hỏi ông Lê

Xuân Kiện: “Có nên sử dụng xe tăng vào dứt điểm Đức Lập không?, ông Kiện trả lời: “Đề nghị anh gọi điện cho sư trưởng là đề đảm bảo bí mật cho xe tăng khi đánh Buôn Ma Thuột, đại đội tăng dự bị chưa sử dụng, sư đoàn kiểm tra xem sư đoàn bộ binh dự bị và DKZ đã sử dụng hết chưa? Nếu chưa thì sử dụng lực lượng dự bị vào đánh các mục tiêu còn lại, nếu lực lượng dự bị không giải quyết được mục tiêu Đức Lập thì mới sử dụng xe tăng dự bị, may mắn khi Sư 10 điều lực lượng dự bị đã chiếm được các vị trí quan trọng”.

Đêm 10/3/1975, bộ đội Tây Nguyên tiến công thị xã Buôn Ma Thuột, khi pháo binh chiến dịch chuẩn bị bắn, xe tăng tốc độ cao tiếp cận mục tiêu, khi pháo binh bắn chuyển làn chi viện xung phong, các đại đội tăng cường cho các trung đoàn bộ binh nhanh chóng tiến lên hiệp đồng với bộ binh xung phong đánh chiếm từng mục tiêu trong thị xã. Tiểu đoàn Tăng - Thiết Giáp chờ bộ binh nhanh chóng thọc sâu vào khu trung tâm thông tin để phát triển đánh chiếm sở chỉ huy Sư đoàn 23 địch. Địch chống cự quyết liệt, mũi thọc sâu phải dừng lại cùng cố, các

trung đoàn bộ binh và đại đội tăng chiếm các mục tiêu trong thị xã cũng dừng lại để củng cố. Ngày 11/3, lực lượng bộ binh và xe tăng, đặc công tiếp tục tiến công đợt II, 11h cùng ngày toàn bộ địch trong thị xã Buôn Ma Thuột đã bị tiêu diệt, bộ đội ta làm chủ chiến trường. Thất bại ở Tây Nguyên chỉ huy địch quyết định rút bỏ Tây Nguyên, ngày 20/3 toàn bộ lực lượng địch ở Pleiku hơn ba vạn tên và vợ con rút theo đường 14 xuống ngã ba đường 7 đi Cheo Reo, Củng Sơn. Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên dự kiến đúng tình hình đã điều Sư đoàn 320 được tăng cường một Tiểu đoàn Tăng - Thiết Giáp nhanh chóng đến thị xã Cheo Reo tiến công tiêu diệt địch. Toàn bộ lực lượng rút lui của địch một phần bị tiêu diệt, một phần bị bắt làm tù binh, còn vợ con của họ được Bộ chỉ huy mặt trận cho ở tạm Cheo Reo một vài ngày, sau đó động viên họ trở về quê cũ.

Thời gian cấp bách: Dùng máy bay vận chuyển đạn pháo từ miền Bắc vào Tây Nguyên.

Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng

lợi, tạo đột biến về chiến dịch và chiến lược, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng Miền nam. Từ Tây Nguyên, công tác chuẩn bị cho giải phóng Sài Gòn được Tư lệnh mặt trận gấp rút chuẩn bị. Thiếu tướng Lê Xuân Kiện nhớ lại buổi làm việc nhanh chóng với Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng về vấn đề pháo xe tăng chuẩn bị cho giải phóng Sài Gòn: 14 giờ 30 phút, Văn phòng Bộ Tư lệnh Tây Nguyên gọi điện cho tôi sang làm việc với Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng, Đại tướng nói: Anh Sáu Thọ (Lê Đức Thọ) ở Hà Nội sẽ vào Tây Nguyên, chúng ta phải khẩn trương giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa. Xe tăng của B3 khả năng chiến đấu tiếp có khó khăn gì không?

Tôi đáp Toàn bộ xe Tăng - Thiết giáp của B3 qua hai trận chiến đấu tiêu diệt Buôn Ma Thuột và Cheo Reo đều tốt... khí tài kỹ thuật, dầu ma dút, dầu nhớt còn đủ. Khó khăn lớn nhất của lực lượng xe tăng là thiếu đạn pháo 100 ly không đủ một xe hai cơ số đạn. Đánh Sài Gòn; mỗi xe cần có 2 - 2.5 cơ số đạn.

Đại tướng hỏi tiếp: cậu đã đi các kho vũ

khí của B3 kiểm tra chưa?

Tôi: Trước khi mở chiến dịch, tôi đã đi các kho B3 xem đạn pháo, đạn 12,7 ly, đạn súng máy trên xe tăng, thì đạn pháo 100 ly đã hết”.

Đại tướng lo lắng: Bây giờ làm thế nào để có đạn pháo xe tăng để đánh Sài Gòn?;

Tôi: “Đề nghị thủ trưởng điện cho Tổng cục Hậu cần chở đạn pháo 100 ly từ miền Bắc vào Tây Nguyên”.

Đại tướng: Thời gian gấp lắm rồi, chúng ta phải giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa năm nay.

Tôi: Nếu đạn pháo chở bằng ô tô từ miền Bắc vào Tây Nguyên thì không kịp, mùa mưa ở miền nam bắt đầu từ tháng 5, từ nay đến tháng 5 ta còn 1 tháng, tôi đề nghị Tổng tham mưu trưởng điện cho Tổng cục Hậu cần, lấy đạn pháo 100 ly ở Kho Bộ Tư lệnh Tăng - thiết giáp đưa về Gia Lâm dùng máy bay IL - 18 chở khoảng 2000 viên thì trong thời gian 1 tuần sẽ đảm bảo cho mỗi xe tăng 2 - 2.5 cơ số đạn ly 100.

Bàn bạc xong Đại tướng bảo: “Kiện sang cơ quan tham mưu làm việc với anh Lê Ngọc Hiền và bảo anh Hiền điện cho Tổng cục Hậu cần

dùng máy bay vận tải IL - 18 chở đạn pháo cho Tây Nguyên hạ cánh xuống sân bay Hòa Bình ở phía nam Buôn Ma Thuột khoảng 8 km”.

Chuẩn bị cho giải phóng Sài Gòn, ở thời điểm hiện tại miền nam có thể tập trung được khoảng trên 400 xe trên tất cả các hướng đánh vào Sài Gòn - Gia Định, so với lực lượng thiết giáp của địch là khoảng gần 1700 - 1800 xe tăng, do đó Bộ chỉ huy đã điều 2 tiểu đoàn tăng T-54 của Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp tăng cường cho B2 bổ sung cho Quân đoàn I, đảm bảo sức đột kích cho quân đoàn.

Thượng tuần tháng 4, Bộ tư lệnh chiến dịch thông qua kế hoạch chiến dịch và quyết tâm chiến đấu của các quân đoàn trên 5 hướng tiến công vào Sài Gòn - Gia Định. Từ ngày 25 đến 30/4 trên các hướng tiến công của các quân đoàn đã nổ súng tiến công địch, tạo điều kiện nhanh chóng đánh thẳng và tiêu diệt các mục tiêu chủ yếu là Dinh Độc Lập, trụ sở Bộ Tổng tham mưu chính quyền Sài Gòn và các mục tiêu quan trọng là sân bay Tân Sơn Nhất, Quân Cảng Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Cảnh sát. Đặc biệt trên hướng đông

nam Sài Gòn, Lữ đoàn tăng 203 được tăng cường một trung đoàn bộ binh, tiểu đoàn pháo binh, tiểu đoàn pháo cao xạ đã nhanh chóng tiến công vào Dinh Độc Lập, buộc Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng vô điều kiện lúc 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975.

Ngã xuống trước giờ toàn thắng

Chiến tranh kết thúc, người lính trở về với đời thường, nhưng hồi ức của họ về đồng đội đã ăn sâu vào tiềm thức. Nhớ về đồng đội đã ngã xuống trên đường phố Sài Gòn trước giờ toàn thắng, người lính tăng - thiết giáp hôm nay vẫn nhớ như in tên và cách mà đồng đội mình ngã xuống. Đó là anh Nguyễn Xuân Trường chính trị viên Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn xe tăng 273, khi chỉ huy xe tăng của mình vọt lên dẫn đầu đội hình đại đội, anh mở cửa, nhô mình ra ngoài tháp pháo vẫy tay ra hiệu cho trung đội 1 khẩn trương tiến lên thì bị trúng đạn hi sinh. Hay như anh Ngô Văn Nhữ, nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1, Trung đoàn Xe tăng 203 hi sinh khi nhô người ra cửa tháp pháo quan sát, hay như chiếc xe tăng K63 - 85 số hiệu 707 của Lữ đoàn

203 đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và hy sinh đến người chiến sĩ xe tăng cuối cùng khi đánh chiếm căn cứ Thủ Đức (trường Cây Mai) trong ngày 30/4/1975... Các anh cùng với triệu triệu thanh niên khác đã mãi mãi nằm xuống vì độc lập dân tộc, đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng vì lý tưởng cao đẹp.

Viết về chuyện của những chiến sĩ xe tăng trong mùa xuân đại thắng như một nén tâm nhang thành kính tri ân các anh - những người lính đã ngã xuống hoặc phải bỏ lại một phần cơ thể của mình trên chiến trường, hay những người đã cống hiến cả tuổi xuân cho dân tộc, vì độc lập - tự do của Tổ quốc, quê hương.

Thu Nhuận

Chuyện vui lính xe tăng trên đường hành quân chiến đấu!

“Ăn pháo thủ, ngủ pháo hai, lái nhài xe trưởng, vất vương lái xe” - Đó là câu thành ngữ vui vui mô tả về một kíp xe tăng trong hành quân chiến đấu thời kháng chiến chống Mỹ.

Cho đến giờ vẫn không biết ai là tác giả song nó cũng phần nào phản ánh được những nét rất đặc trưng của từng thành viên chứ không phải chỉ là “thuận miệng” cho vắn.

Biên chế kíp chiến đấu của xe tăng có từ 3 đến 5 người. Tuy nhiên, xét cho cùng thì đó là sự phân công công việc để thực hiện 4 chức năng chính là: chỉ huy, điều khiển xe, ngắm bắn, nạp đạn cho pháo và súng máy.

Đối với loại xe chủ yếu của bộ đội xe tăng Việt Nam thời đó là T-54, T-59 thì 4 chức năng

này phân công cho 4 thành viên: chỉ huy là của trưởng xe, điều khiển xe tất nhiên là do lái xe đảm nhiệm, ngắm bắn là việc của pháo thủ và nạp đạn là chức trách của pháo thủ số hai (pháo hai).

Đối với xe PT-76 kíp xe chỉ có 3 người thì trưởng xe phải đảm nhiệm cả 2 công việc là chỉ huy và ngắm bắn. Còn kíp xe T-34 có 5 người thì nhiệm vụ điều khiển xe sẽ do 2 người lái chính và lái phụ chia nhau.

Mỗi vị trí có chức trách nhiệm vụ khác nhau, nội dung công việc khác nhau nên dẫn đến thói quen sinh hoạt, tác phong tính cách... cũng có những điểm khác nhau. Và những đặc điểm đó đã được một tác giả khuyết danh nào đó tổng kết trong cái thành ngữ vui trên.

Tại sao lại là “Ăn pháo thủ”?

Thực ra, mới nghe thì câu này hơi vô lý bởi trong quân đội, tiêu chuẩn ăn của các thành viên xe tăng là như nhau. Muốn ăn nhiều hơn cũng chẳng được vì “lính tráng có suất”.

Riêng pháo thủ trong tiêu chuẩn đi chiến đấu thường được nhiều hơn các thành viên khác mấy lọ dầu cá để cho tỉnh mắt hơn mà ngắm bắn thật đấy nhưng như thế cũng chưa phải là nhất về ăn.

Tuy nhiên, nếu tìm hiểu kỹ về công việc, sinh hoạt của bộ đội xe tăng trong trường hợp hành quân chiến đấu thì lại thấy hoàn toàn hợp lý.

Trong hành quân chiến đấu thì nhiệm vụ của pháo thủ thường là nhẹ nhàng nhất. Nếu như trường xe phải thức chỉ huy xe, lại phải tham gia họp hành, hội ý sau mỗi chặng hành quân; lái xe thì vất vả nhất rồi, ngoài việc điều khiển xe còn phải chăm lo công tác kỹ thuật; pháo hai ngoài việc trực bắn 12,7 ly thì xe dừng nghỉ phải lo công tác hậu cần, ăn uống cho kịp xe thì pháo thủ có vẻ như nhàn hạ nhất, ít mệt mỏi nhất. Đơn giản là vì nếu không có sự cố gì cần huy động thì chàng ta chỉ có ngủ mà thôi. Vì vậy, nếu các anh chàng kia có quá mệt mỏi, kém ăn đi một chút thì còn lại bao nhiêu pháo thủ ta sẽ “gánh” tất.

Chính vì vậy, theo kinh nghiệm của anh em chiến sĩ xe tăng thì sau mỗi đợt hành quân, trong khi các thành viên khác rạc cả người đi thì pháo thủ thường là lại lên cân. Thế thì chả là “Ăn pháo thủ” thì còn là gì nữa!

Vì sao mà “Ngủ pháo hai”?

Có lẽ câu này xuất phát từ đặc điểm pháo hai có chỗ ngủ rộng rãi nhất, thoải mái nhất trong xe!

Như chúng ta đều biết, để thu hẹp diện tích mục tiêu, các xe tăng thường tận dụng đến mức tối đa không gian trong xe. Vì vậy, vị trí nào cũng hẹp, đựng đâu cũng là thép.

Trong khi đó, riêng không gian hoạt động của pháo hai thì lại rộng rãi nhất vì đó là vị trí của nạp đạn. Khi chiến đấu, pháo hai phải lấy đạn từ các giá ra rồi đưa lên nạp vào buồng đạn. Với xe T-54, T-59 thì mỗi quả đạn có khối lượng 30 - 32 kg nên cần phải có một không gian đủ rộng mới thực hiện được các thao tác đó.

Chính vì vậy, buồng pháo hai khá rộng và mỗi khi dừng nghỉ thì vị trí đó trở thành một chỗ ngủ lý tưởng, có thể nằm duỗi chân duỗi tay thoải mái, dưới lưng là tấm đệm cao su dày rất êm.

Trong thực tế, khi hành quân xe tăng thường có thêm các thành phần khác đi cùng như: thành viên dự bị hoặc y tá, thợ sửa chữa đi cùng. Vị trí pháo hai lúc đó có thể ngủ được 3 người: 2 người nằm dưới sàn và 1 người mắc võng lơ lửng ở trên.

Trong khi đó, lái xe thì còn ngả lưng ghé ra mà nằm chứ trường xe với pháo thủ chỉ có ngủ ngồi mà thôi. Có lẽ vì đặc điểm đó mà tác giả đã

tổng kết “ngủ pháo hai” chẳng?

“Lài nhài xe trưởng” là nghĩa làm sao?

Chức trách chủ yếu của trưởng xe là chỉ huy xe. Vì vậy, theo quy định khi hành quân đêm các thành phần khác - tất nhiên là trừ lái xe - được đi ngủ, còn trưởng xe phải thức cùng lái xe để chỉ huy xe.

Đứng trên vị trí cao nhất ở cửa, trưởng xe có điều kiện quan sát tốt cả dưới mặt đất lẫn trên không cũng như các ký tín hiệu chỉ huy... trưởng xe có trách nhiệm chỉ huy lái xe điều khiển xe đi đúng đường và bảo đảm an toàn cao nhất.

Vì vậy, anh ta thường xuyên phải nhắc nhở lái xe: sang phải, sang trái, tăng tốc độ, giảm tốc độ... Thực tình, có lái xe bị nhắc nhở nhiều quá đâm chán tai nên đã lén rút “phích” cắm mũ công tác khỏi “công tắc ngực”.

Thấy lái xe không theo lệnh của mình các đồng chí trưởng xe càng “lài nhài” nhiều. Thế là được định danh luôn! Nhẽ ra phải là “lài nhài” nhưng để cho nó vắn, cánh lính xe tăng thích cái từ “lài nhài”, nghe êm hơn!

Không chỉ thế! Để giữ bí mật ý định cũng như hành động của quân ta thì trong chiến đấu

khi liên lạc qua vô tuyến điện không được nói rõ mà phải dùng “mật ngữ chỉ huy” và “chữ đúc nghiệp vụ”. Bảng mật ngữ chỉ huy có cả trăm nhóm số mật, còn bảng chữ đúc nghiệp vụ cũng khá nhiều.

Để đảm bảo tốc độ liên lạc các trường xe phải thuộc như cháo chày 2 cái bảng này. Vì thế, cứ rồi rãi một chút là các đồng chí trường xe lại lắm nhâm học thuộc lòng. Nghe đồn rằng có đồng chí lúc ngủ nằm mơ vẫn lải nhải: “01 triển khai, 02 cửa mở, 03 xung phong...”.

Vậy thì đích thị “Lải nhải xe trường” rồi chứ còn gì nữa!

Thế còn “Vất vương lái xe”?

Có lẽ trong các tổng kết trên thì câu này là đúng nhất, chính xác nhất về mọi khía cạnh. Trong trường hợp hành quân chiến đấu thì lái xe là người vất vả nhất, bận bịu nhất, bản thiêu nhất và mệt mỏi nhất đến mức... vất vương!

Để đối phó với không quân Mỹ thời đó bộ đội ta thường phải hành quân đêm.

Trong khi pháo thủ, pháo hai được ngủ, trường xe thì tiếng là phải thức song cũng có quyền gà gật thì lái xe phải căng mắt ra quan sát

đường dưới ánh sáng của đèn “hạn chế ánh sáng”, hai tay thì liên tục giật cần lái với lực kéo 35 - 40kg, chân phải thì phải giữ ga, chân trái thì phụ trách bàn đạp ly hợp mỗi khi sang số.

Vị trí ngồi thì thấp nhất, lá chắn bùn thường thường sau vài chặng hành quân đường rừng núi đều rách hoặc bay mất nên bao nhiêu bụi đất từ băng xích cứ hất cả lên mặt như mưa rào.

Mỗi khi nghỉ giải lao lại phải tranh thủ kiểm tra kỹ thuật, điều chỉnh đai hãm, bổ sung dầu mỡ nước v.v... cho đúng tiêu chuẩn mới có thể tiếp tục hành quân được.

Cuộc hành xác cứ thế kéo dài có khi hết đêm. Ấy thế mà ban ngày lại phải lo chuẩn bị kỹ thuật cho chặng hành quân trong đêm tiếp theo. Xe mới thì còn đỡ chứ xe đã cũ nát thì hỏng vặt xảy ra như cơm bữa.

Thế là hì hà, hì hục suốt mấy tiếng đồng hồ ngoài buồng truyền động. Mặt mũi, quần áo, chân tay... lúc nào cũng đen sì, cáu bẩn dầu mỡ và bụi bặm. Mà cái giống dầu mỡ xe tăng nó bắt bụi kinh khủng lắm.

Bộ quần áo công tác cùng phát một đợt

nhau nhưng chỉ qua vài ngày hành quân nhìn của lái xe ai cũng nhận ra ngay bởi nó đã thành một bộ “giáp trụ” dày bịch, nặng trĩu và hôi mù.

Các thành viên khác trong xe thường cũng rất thương, rất quý lái xe, song họ cũng chỉ giúp được những công việc đơn giản như điều xích, bổ sung dầu mỡ nước... chứ đừng đến kiểm tra kỹ thuật hoặc sửa chữa họ có muốn giúp cũng chịu.

Quá tải như vậy cho nên lúc nào cánh lái xe cũng vật vạ, vật vờ. Hở ra một cái là bả đầu cũng lặn ra ngủ được. Và có lẽ không còn từ nào khái quát hơn khi nói về cánh lái xe tăng trong hành quân chiến đấu ngoài hai từ: “Vật vờ”!

Nhắc lại câu chuyện vui vui của những người lính xe tăng để cho các thế hệ sau hiểu hơn về một thời gian khổ hy sinh nhưng lãng mạn, trong sáng và hết mình vì lý tưởng cao cả. Và hy vọng truyền thống đó sẽ được tiếp nối, phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

Theo Soha News

Xe tăng 555

Vật xích và những chiến công

Trên đường tiến công, khi đã vượt qua được ngầm thứ 3 thì xe tăng 555 đi đầu đội hình và xe tăng 551 bị sa lầy, phải tổ chức cứu kéo, đến gần sáng ngày 24 - 1 mới thoát lầy. Ngay sau đó, cả 2 xe tăng đã tăng tốc lên Đường 9, xông thẳng đến cứ điểm địch, trong lúc bộ binh của ta đã áp sát hàng rào đồn Tà Mây và đang bị hỏa lực dày đặc của địch kìm chân:..

Đây là chiếc xe tăng xuất hiện trong trận hiệp đồng quân binh chủng đầu tiên của QĐND Việt Nam có sử dụng xe tăng tham gia đánh vào căn cứ phòng ngự của địch và giành thắng lợi giòn giã, đó là trận đánh Tà Mây - Làng Vây, trong chiến dịch tiến công Đường 9 - Khe Sanh.

Từ trận đánh này, chiếc xe tăng PT-76, mang số hiệu 555 và các xe tăng khác đã góp phần viết nên truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng” của Bộ đội Tăng - Thiết giáp.

Từ Tà Mây - Làng Vây...

Chiến dịch tiến công Đường 9 - Khe Sanh diễn ra từ ngày 20 - 1 đến 15 - 7 - 1968. Đây là một chiến dịch tiến công hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn, đánh vào tuyến phòng thủ vững chắc của quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn trên Đường 9, trong đó khu vực Khe Sanh là hướng chính, nhằm thu hút quân cơ động Mỹ; tiêu diệt bộ phận, vây hãm giam chân địch tạo điều kiện cho các chiến trường khác trên toàn miền nam, trực tiếp là Trị Thiên - Huế.

Trong chiến dịch này, xe tăng PT-76 số hiệu 555 thuộc Trung đội 3, Đại đội 3, Tiểu đoàn 198 (Trung đoàn xe tăng 203), với kíp lái: Lê Xuân Tấu, Trung đội trưởng (trưởng xe); Nguyễn Đức Miêng (lái xe) và Nguyễn Văn Tuấn (pháo thủ).

Ngày 23 - 1 - 1968, Đại đội 3 nhận lệnh phối thuộc cho Trung đoàn 24 (Sư đoàn 304), tiêu diệt địch ở Tà Mây (nằm trong cụm cứ điểm Huội

San - Lào). Đây là vị trí then chốt đồng thời cũng là sở chỉ huy địch. Tiêu diệt được địch ở vị trí này, chúng ta mới mở được đường đưa lực lượng lớn của chiến dịch vào đánh làng Vây.

22 giờ 30 phút đêm 23 - 1 - 1968, từ vị trí tập kết cách Huội San 8km, toàn Đại đội 3 xuất phát tiến công Huội San. Trên đường tiến công, sau khi vượt qua được ngầm thứ 3 thì xe tăng 555 đi đầu đội hình và xe tăng 551 bị sa lầy, phải tổ chức cứu kéo, đến gần sáng ngày 24 - 1 mới thoát lầy. Ngay sau đó, cả 2 xe tăng đã tăng tốc lên Đường 9, xông thẳng đến cứ điểm địch, trong lúc bộ binh của ta đã áp sát hàng rào đồn Tà Mây và đang bị hỏa lực dày đặc của địch kìm chân. Được xe tăng 551 yểm trợ, Trung đội trưởng Lê Văn Tấu lệnh cho xe tăng 555 tăng tốc độ vọt lên, xông thẳng vào cổng chính, húc đổ vật cản, đánh thẳng vào bên trong cứ điểm, dẫn bộ binh đánh vào trung tâm, diệt sở chỉ huy địch. Lần đầu tiên thấy xe tăng ta xung trận, quân địch hoàn toàn bất ngờ, bỏ chạy tán loạn. 8 giờ sáng ngày 24 - 1 - 1968, ta hoàn toàn làm chủ Tà Mây.

Theo kế hoạch tác chiến, sau khi chiếm Tà Mây, Đại đội 3 và Đại đội 9 tiếp tục tiến công cứ

điểm làng Vây. Đây là một vị trí quan trọng nằm trong hệ thống phòng ngự của địch ở Khe Sanh, có một tiểu đoàn thám báo ngụy đóng trên 2 cao điểm 320 và 230.

23 giờ 45 phút ngày 7 - 2 - 1968, xe tăng của ta trên các hướng bắt đầu xuất kích. Từ hướng Tây, xe tăng 555 do Trung đội trưởng Lê Xuân Tàu chỉ huy, dẫn đầu đội hình Trung đội 3 tiến công vào cứ điểm địch, dùng hỏa lực chi viện cho bộ binh đánh chiếm vị trí đầu tiên ở điểm cao 230. Địch chống cự yếu ớt rồi bỏ chạy về cao điểm 320. Sau khi công binh mở được cửa mở, xe tăng 555 nhanh chóng tiến lên đè bẹp sức đề kháng của địch, cùng các lực lượng của Trung đội 3 đánh chiếm khu đại đội biệt kích ngụy số 103, rồi phối hợp với đơn vị bạn, tiến vào sở huy địch, tiêu diệt gọn căn cứ làng Vây.

...đến Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào diễn ra từ ngày 30 - 1 đến 23 - 3 - 1971. Đây là chiến dịch phản công chống lại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của quân đội ngụy Sài Gòn, có hỏa lực Mỹ yểm trợ.

Trong chiến dịch này, xe tăng 555 nằm trong đội hình Đại đội 9, Tiểu đoàn 198 (Trung đoàn xe tăng 203), có nhiệm vụ đánh chiếm điểm cao 543, nơi đóng sở chỉ huy Lữ đoàn dù 3 ngụy Sài Gòn, với 1 tiểu đoàn dù, 1 tiểu đoàn pháo binh thiếu, 1 đại đội công binh.

Trong trận đánh này, kíp xe tăng gồm: Nguyễn Văn Duyên (trưởng xe), Đặng Văn Đoàn (lái xe), Nguyễn Thoảng (pháo thủ).

11 giờ 30 phút ngày 25 - 2 - 1971, Đại đội 9 được lệnh xuất kích. Xe tăng 555 dẫn đầu đội hình tăng tốc húc đổ những cây to, tiến lên cao điểm 543. Thấy xe tăng của ta xuất hiện, địch tập trung hỏa lực, sử dụng cả pháo binh, máy bay đánh vào đội hình tiến công của bộ binh và xe tăng ta. Được 2 xe tăng khác chi viện, xe tăng 555 vừa bắn vừa tiến vào khu vực trận địa pháo và xông thẳng vào khu trung tâm truyền tin, nghiền nát các ồ đề kháng của địch, cùng bộ binh đánh chiếm Sở chỉ huy Lữ đoàn dù 3, bắt sống Đại tá Nguyễn Văn Thọ, Lữ đoàn trưởng và toàn bộ Ban tham mưu Lữ đoàn dù 3.

Với những thành tích xuất sắc trong chiến

đầu, năm 1971, xe tăng PT-76 số hiệu 555 được đưa ra miền Bắc tham dự triển lãm “Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào” tại Văn Hồ - Hà Nội. Kết thúc triển lãm, xe được đưa về trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam và là hiện vật gốc của Bảo tàng từ đó đến nay.

Hoàng Hà

**“Bí ẩn” và “bất ngờ”
về xe tăng mãnh hổ của Việt Nam!**

Trận Làng Vây thắng lợi giòn giã, làm nên truyền thống “Đã ra quân là chiến thắng” của Bộ đội Tăng - Thiết giáp Việt Nam. Tuy nhiên, xung quanh trận đánh này còn nhiều điều “bí ẩn”.

Tại sao lại là Làng Vây?

Mùa Xuân Mậu Thân 1968, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh để phối hợp với cuộc Tổng tiến công chiến lược nổ ra ở hầu khắp các đô thị miền nam. Lúc này, Tiểu đoàn xe tăng 198 đã có mặt tại nam, bắc Đường 9 sẵn sàng chiến đấu.

Khu vực đóng quân của đơn vị nằm quanh khu vực Bản Đông. Vấn đề đặt ra lúc đó là chọn mục tiêu nào để thực hành trận đánh hiệp đồng

binh chủng đầu tiên có xe tăng tham gia. Cuối cùng Bộ Tư lệnh Mặt trận đã quyết định chọn Làng Vây với mấy lý do sau:

Làng Vây là căn cứ tiền tiêu phía tây của căn cứ Khe Sanh - Cồn Tiên, nằm án ngữ QL9, nên nếu diệt được nó sẽ có ý nghĩa chiến thuật rất lớn.

Địa hình, hệ thống công sự vật cản... cũng như lực lượng địch ở Làng Vây cho phép thử nghiệm được cách đánh và rút ra được những bài học kinh nghiệm cần thiết. Tiện cơ động “tiếp cận” mục tiêu cũng như “rời khỏi” sau trận đánh.

Kết quả trận đánh cho thấy đây là một lựa chọn hoàn toàn chính xác.

Bất ngờ lớn nhất

Cứ điểm Làng Vây nằm trên 2 điểm cao 230 và 320, trông xa như một con voi nằm phủ phục án ngữ QL9. Sở chỉ huy cứ điểm ở trên đỉnh điểm cao 320.

Phía Bắc và phía Đông có địa hình là sườn núi rất dốc, phía nam được con sông Sê Pôn bao bọc hình thành nên một vật cản thiên nhiên lợi hại.

Chỉ có phía Tây - hướng QL9 chạy từ Lao Bảo về là khá bằng phẳng và dốc không cao. Với

đại đa số mọi người, chắc rằng cả các cố vấn Mỹ và chỉ huy cứ điểm - đều cho rằng nhất định Quân Giải phóng sẽ tiến công từ hướng Tây lại.

Nhưng thật không ngờ, quân ta lại chọn hướng Nam làm hướng tiến công chủ yếu, còn hướng Tây chỉ là thứ yếu. Đây là một bất ngờ lớn dành cho đối phương và là một trong những nhân tố quyết định, giúp trận đánh thắng lợi giòn giã.

Chương ngại thiên nhiên thành đường cơ động

Bao bọc phía Nam cứ điểm Làng Vây là sông Sê Pôn. Từ thượng nguồn đến đây con sông chảy dọc theo biên giới Việt - Lào, đến chân điểm cao 320 (làng Troài) thì quặt về phía tây và đổ vào sông Sê Băng Hiêng.

Sông rộng trung bình 40 - 50 mét, độ sâu không đều, nhiều chỗ có đá ngầm, mùa mưa nước chảy xiết, còn mùa khô nước chảy chậm. Có thể coi đây là một chương ngại thiên nhiên bảo vệ mặt nam cho Làng Vây.

Khi chọn hướng tiến công chủ yếu từ phía Nam, Chỉ huy trận đánh đã quyết định lợi dụng dòng sông làm đường cơ động cho xe tăng (Tiểu đoàn 198 trang bị xe tăng bởi PT-76). Tuy nhiên,

để thực hiện ý định này, bộ đội công binh đã phải làm việc rất vất vả, nguy hiểm.

Họ đã phải trình sát kỹ lòng sông để xác định đường cơ động, lợi dụng lúc địch thả bom, bắn pháo để phá các ghềnh đá... Ngày diễn ra trận đánh chính các chiến sĩ công binh phải ngâm mình trong dòng nước lạnh buốt cầm lộ tiêu chỉ đường cho xe đi.

Nhờ lao động sáng tạo và dũng cảm của bộ đội công binh và xe tăng, con sông chướng ngại thiên nhiên đã trở thành đường cơ động của xe tăng đánh vào nơi hiểm yếu nhất của địch.

Đặc biệt, các phóng viên chiến trường đã tặng cho xe 555 biệt danh “Mãnh hổ Đường số 9” bởi những chiến tích huy hoàng của nó, đặc biệt là 2 lần “đơn thương độc mã” tung hoành trong cứ điểm địch, lập nên những chiến công chói lọi đi vào Lịch sử Bộ đội Tăng - Thiết giáp Việt Nam.

Giấu mình gần 2 tuần cách địch chỉ 6 km

Theo kế hoạch ban đầu, ta sẽ nổ súng vào ngày 26 tháng 1, nên Đại đội xe tăng 9 đã phải cơ động vào vị trí tập kết chiến đầu tại đồi Pê Sai từ đêm 24.01.1968. Đó là một đồi cỏ tranh chỉ có ít lùm cây bụi và chỉ cách Làng

Vây 6 km về phía nam.

Tuy nhiên, do kế hoạch thay đổi, Đại đội 9 phải ém quân tại đó 12 ngày đêm trong điều kiện máy bay trinh sát và thám báo địch ngày đêm lùng sục. Cán bộ, chiến sĩ trong đại đội phải đan sọt rồi đánh từng bè cỏ tranh đặt lên thân xe để ngụy trang.

Đồng thời, mọi hoạt động khác được tiến hành hết sức bí mật, cảnh giác. Do vậy, địch đã không phát hiện ra và sau đó chúng hoàn toàn bị bất ngờ.

“Gùi xe tăng vào trận”?

Thời gian nằm chờ ở Pê Sai, Đại đội 9 phải tiến hành nhiều nội dung công tác kỹ thuật cho xe tăng. Một trong những khó khăn của đơn vị là xích bị hỏng nhiều, bình điện cũng yếu phải nạp bổ sung...

Do vậy, cần phải vận chuyển một khối lượng lớn xích, đạn pháo... từ Ha Sin - Ta Sinh cách đó khoảng 30 km về bổ sung, đồng thời đưa bình điện về đó đổi. Đơn vị xe tăng lại ít người, nên đã phải nhờ bà con Vân Kiều ở địa phương giúp đỡ.

Với những chiếc gùi thô sơ, những cây

đòn khiêng vốn dùng trong lao động sản xuất, bà con Vân Kiều đã vận chuyển cho bộ đội hàng trăm mắt xích, hàng trăm viên đạn pháo và hàng chục bình điện.

Từ câu chuyện này, một số báo đã giật tít “Gùi xe tăng vào trận” và làm cho nhiều bạn đọc hiểu lầm là “để đưa xe tăng vào chiến trường, quân ta đã tháo rời từng bộ phận ra gùi vào đó rồi lắp lại”. Ấu cũng là một sự hiểu lầm rất đáng yêu!

May mắn ngẫu nhiên?

Theo những tài liệu thu thập được từ phía bên kia cho biết: “Sau khi thấy xe tăng ta xuất hiện tại Tà Mây, các chỉ huy thủy quân lục chiến tại Khe Sanh đã cung cấp khoảng 100 súng chống tăng LAW (M-72) cho Trại Làng Vây để đề phòng”.

Tuy vậy, không hiểu vì những nguyên nhân gì mà “toán diệt chiến xa do Trung Tá Schungel đích thân thành lập, đã bắn nhiều rất nhiều đạn, nhưng một tỷ lệ rất cao (đến 90%) đã không nổ, số còn lại tuy bắn trúng chiến xa nhưng không gây thiệt hại.

Đây là điều rất đáng ngạc nhiên, vì LAW được chế tạo để bắn hạ chiến xa hạng

trung như T-54 có vỏ thép dày hơn PT-76 nhiều. Sau này, có dư luận cho rằng vì LAW được thả bằng đường hàng không nên không hữu hiệu”.

Phải chăng đây cũng là một may mắn ngẫu nhiên trong chiến tranh? Và đó cũng là một điều “bí ẩn” của trận Làng Vây oanh liệt!

Theo Trí Thức Trẻ

Câu chuyện của người lính xe tăng qua tấm hình "Quảng Trị hè đỏ lửa 1972"

Tháng 7 năm 2007, dưới cái nắng gay gắt làm xạm da của miền đất Đồng Nai, trên chiếc xe Jeep chiến lợi phẩm của Trường Hạ sĩ quan xe tăng 1, luồn lách qua những con đường đất đỏ mù mịt với những lô rừng tràm, keo lá khô quắt, đỏ quạch vì nắng gió và bụi đường, đoàn cán bộ sưu tầm Bảo tàng Lực lượng Tăng - Thiết giáp đến gặp một nhân chứng lịch sử có bề dày thành tích và đóng góp không nhỏ đối với Binh chủng Tăng - Thiết giáp tại đường Phi Trường, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, là đồng chí Đỗ Đình Bỏ - nguyên Hiệu phó Trường hạ sĩ quan xe tăng 1.

Tiếp đoàn công tác, người cán bộ xe tăng năm xưa rất vui vẻ, hồ hởi. Khi được hỏi về quá trình công tác, đôi mắt ông bừng sáng, với chất

giọng Quảng Ngãi, ông hào hứng kể cho đoàn công tác về cuộc đời mình:

“Tôi sinh năm 1940, quê Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống cách mạng trong vùng địch chiếm đóng. Cha mất sớm, cả nhà tôi vẫn một lòng theo cách mạng. Mẹ tôi hy sinh năm 1969, em tôi hy sinh năm 1970, ba anh em tôi còn lại đều là thương binh. Năm 1964, mẹ dẫn tôi vào rừng tham gia phục vụ chiến đấu cùng với Quân giải phóng ở khu vực Ba Làng An. Thời gian ấy ở đây ngày nào nhân dân cũng bị lính Mỹ, lính Nam Triều Tiên đàn áp, tàn sát khốc liệt. Trong thời gian chiến đấu, tôi đạt danh hiệu Dũng sĩ diệt lính Nam Triều Tiên và Dũng sĩ quyết thắng. Năm 1969, tôi được ra miền Bắc an dưỡng, học văn hóa, sau học tại Học viện Chính trị khóa 1970 - 1971. Ra trường tôi được phân công về Bộ tư lệnh Tăng Thiết giáp, nhận nhiệm vụ ở Trung đoàn xe tăng 201 đóng quân ở tỉnh Hòa Bình. Ở đây, tôi học lái, bắn súng trên xe tăng. Từ một anh bộ đội địa phương, tôi trở thành bộ đội chủ lực, người chỉ huy xe tăng từ đó”.

Đến đây, giọng ông bỗng chùng lại, nét mặt thoáng buồn, ông đứng dậy vào nhà trong rồi cầm ra

một tấm hình: *“Tài sản cả cuộc đời quân ngũ tôi chỉ giữ lại được có tấm hình này, nó được chụp ngày 18/7/1972 trong những ngày tham gia bảo vệ Thành cổ Quảng Trị. Tất cả huân huy chương, giấy tờ đã bị bọn trộm vào nhà lấy đi hết”.*

Đó là tấm hình đen trắng chụp một một cán bộ xe tăng to cao đứng chống nạnh oai vệ, xa xa phía sau là chiếc xe tăng được ngụy trang ẩn mình trong rừng cây xơ xác, lá bị héo quắt do lửa đạn. Trên tấm hình có hàng chữ *“Quảng Trị hè đỏ lửa 1972”* màu đỏ. Mặc dù ảnh đã cũ, mốc và phai màu, nhưng vẫn còn nhận ra khuôn mặt rắn rỏi của người trong ảnh cũng như dấu tích của bom đạn xung quanh.

Im lặng ngắm nghĩa tấm hình hồi lâu, hít một hơi dài như lấy lại cảm xúc, ông kể tiếp:

“Tấm hình này là do một đồng chí phóng viên mặt trận chụp và gửi tặng cho tôi sau khi kịp xe tăng 868 của chúng tôi chốt giữ tuyến phòng thủ ở làng Như Lệ, Tích Tường và cùng với các đồng chí bộ binh Sư đoàn 304 lập công xuất sắc. Dòng chữ này là do tôi nhờ thợ ảnh in vào hộ để ghi nhớ những ngày tháng khốc liệt không bao giờ quên.

Tháng 2-1972, tôi được biên chế về Trung

đoàn tăng 203 với chức vụ Chính trị viên Đại đội 8, Tiểu đoàn 1- Trường xe tăng 868, hành quân vào Nam chiến đấu. Tháng 6-1972, đơn vị xe tăng chúng tôi tham gia chiến đấu ở mặt trận Thành Cổ Quảng Trị. Những tháng, năm chiến đấu đầy gian khổ và khốc liệt ở mặt trận Thành Cổ, bộ đội xe tăng của ta đã góp phần không nhỏ vào thành tích chung của quân và dân ta giải phóng Quảng Trị. Xe tăng 868 một thời được báo chí ca ngợi là “con hổ xám Quảng Trị”, tập thể xe được tặng Huân chương Chiến công hạng nhất, cá nhân mỗi chiến sĩ được tặng Huân chương Chiến công hạng hai và hạng ba. Tôi được thay mặt đơn vị đi báo cáo điển hình ở Bộ Tư lệnh tăng thiết giáp...”

Khi được hỏi về những thành tích trong chiến dịch năm 1972, ông khẽ nói: “Thành tích là của cả tập thể, tôi không nhận là của riêng mình. Các đồng chí cứ đọc sử, tài liệu về trận đánh là biết. Tôi xin tặng lại các đồng chí tấm hình này”.

Tạm biệt người cán bộ Tăng - Thiết giáp đáng kính, đoàn công tác trần trở phải tìm hiểu thật kỹ về trận đánh này. Qua các tư liệu lịch sử, lời kể của các đồng đội năm xưa, chúng tôi mới thấy được ý nghĩa quý giá của tấm hình đối với cựu

chiến binh Đỗ Đình Bô.

Vào thời điểm mùa hè năm 1972, Thành cổ Quảng Trị là trọng điểm có ý nghĩa quan trọng đối với cả ta và địch về chính trị, quân sự, ngoại giao. Địch cố chiếm lấy, ta kiên quyết giữ, vì vậy khu vực thành cổ và vùng phụ cận diễn ra nhiều trận chiến đấu giằng co quyết liệt nhất. Để bảo vệ thành cổ, các đơn vị của ta phải chốt giữ vòng ngoài từ phía Đông sang Tây, nhất là tuyến đồi Tích Tường - Như Lệ.

Ngày 8/7/1972, chấp hành mệnh lệnh của Tiểu đoàn, đồng chí Đỗ Đình Bô chỉ huy 02 xe tăng lên phục kích ở làng Như Lệ - Tích Tường. Trên đường vận động, 1 xe bị hỏng phải nằm lại, chỉ còn xe 868 do Đỗ Đình Bô chỉ huy đến vị trí phục kích lúc 01 giờ sáng. Kíp xe khẩn trương tiến hành đào hầm cho xe, ngụy trang kín đáo chờ giặc tới. 9 giờ sáng ngày 11/7/1972, một tiểu đoàn lính dù Ngụy tổ chức tấn công vào thành cổ. Nằm trong trận địa phục kích, xe 868 phát huy hỏa lực súng, pháo và vũ khí cá nhân của thành viên kíp xe bắn mãnh liệt vào đội hình địch ở cự ly 25 mét. Quân địch hoảng loạn rút lui ra xa, sau thời gian trấn tĩnh và phát hiện vị trí xe 868, địch lại lên tấn công, tập trung các loại hỏa lực bắn như đồ đạn vào vị trí

phòng thủ. Đồng chí Đỗ Đình Bô lệnh cho xe xuất kích, xe 868 gầm lên, tăng hết tốc lực lao tới, tung hoành trong đội hình địch, sử dụng cả xích sắt, tiểu liên AK, lựu đạn chiến đấu tiêu diệt địch, làm chúng hoảng loạn. Sau khi bị xe 868 tiêu diệt 73 tên, địch buộc phải rút chạy về hướng Thừa Thiên - Huế. Rút về tuyến phòng thủ, kịp xe khẩn trương bắt tay vào khôi phục xe, pháo, bổ sung đạn dược để sẵn sàng chiến đấu đánh bật những đợt tấn công tiếp theo của địch.

Ngày 17/7/1972, địch lại tổ chức tấn công vào chốt phòng ngự của xe 868 và bộ phận bộ binh Sư đoàn 304 ở đây. Phát hiện địch đang đến gần, Đỗ Đình Bô ra lệnh cho pháo thủ lấy thước ngắm 70m, chờ địch đến gần mới nổ súng. Tiểu liên AK của bộ binh, súng 12,7mm trên xe tăng nổ xối xả vào quân địch. Ở các hướng khác, bộ binh Sư đoàn 304 cũng nổ súng tiêu diệt địch khiến chúng trở tay không kịp. Phát hiện thấy tổ bộ binh đang bị địch bao vây, Đỗ Đình Bô lệnh cho xe 868 nổ máy xông lên, dùng súng máy trên xe và xích sắt tiêu diệt địch, giải vây cho các chiến sĩ bộ binh... Qua 5 ngày chiến đấu, xe 868 cùng bộ binh Sư đoàn 304 đã tiêu diệt 2 đại đội lính dù Ngụy, làm tan rã 1

tiểu đoàn địch, bắt tù binh và thu được nhiều vũ khí. Bức ảnh được các phóng viên mặt trận chụp sau trận đánh ngày 18/7/1972 và được ông cất giữ như một báu vật.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, trên cương vị Chính trị viên Tiểu đoàn 3 - Lữ đoàn xe tăng 203, đồng chí Đỗ Đình Bô cùng đơn vị “thần tốc” trong đội hình của Quân đoàn II, tổ chức đánh địch dọc ven biển miền Trung vào Sài Gòn. Sáng ngày 30/4/1975, trong đội hình tiến công của Lữ đoàn 203, xe của đồng chí Đỗ Đình Bô đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, góp phần cùng đơn vị dập tắt các tuyến phòng thủ, đột kích vào Dinh Độc lập và góp phần làm nên chiến thắng lịch sử 30/4/1975.

Thấm thoát đã mấy chục năm sau ngày giải phóng. Cứ đến những ngày 30-4, ngày thương binh - liệt sĩ 27-7 hàng năm lại gợi nhớ trong người lính già nhiều cảm xúc. Ông lại lấy tấm hình ngắm nhìn, trầm ngâm suy nghĩ, hồi tưởng lại.

“Trên đường từ Sài Gòn về Biên Hòa, nơi những trận chiến đấu ác liệt mới xảy ra, những đồng đội của tôi đã anh dũng hy sinh trước giờ toàn thắng. Các anh đang nằm rải rác từ cầu Đồng Nai đến cầu Sài Gòn. Trong khi cả khắp nơi đang

vui mừng chiến thắng, tôi cùng mấy chiến sĩ trong tiểu đoàn lâm lũ quy tập, chấp nối thân thể các anh không còn nguyên vẹn. Có người không còn balô, quần áo rách nát, chúng tôi lấy quần áo của mình thay cho các anh, huy động thanh niên đến đào hố chôn cất. Những người còn giấy tờ trong túi áo, tôi lấy ra ghi tên, quē quán bỏ vào lọ peniciline chôn cùng, nhờ vậy sau này việc quy tập các anh đều có tên. Những người không còn giấy tờ bây giờ là liệt sĩ chưa biết tên đang yên nghỉ ở các nghĩa trang liệt sĩ TP. Hồ Chí Minh và Đồng Nai. Để có hòa bình, độc lập, tự do, đất nước đổi mới và phát triển như hôm nay đã có bao nhiêu thế hệ thương binh - liệt sĩ đã anh dũng hy sinh, hy sinh cho đến phút cuối cùng trước giờ toàn thắng”.

Trân trọng với kỷ vật cuối cùng của đồng chí Đỗ Đình Bô, Bảo tàng Lực lượng Tăng - Thiết giáp đã lập hồ sơ tấm hình với số đăng ký GI321-1186 và gửi bản sao của tấm hình cùng những ghi chép chi tiết về các trận đánh có liên quan đến người cán bộ xe tăng, đặc biệt là trận đánh của xe tăng 868 đã làm nên biệt danh “*con hổ xám Quảng Trị*”./.

Tuấn Trung

**Trận đấu tăng của kíp xe 377 anh hùng
trong chiến dịch Bắc Tây Nguyên
Xuân hè 1972**

Phối hợp với các chiến trường trong cuộc tiến công chiến lược Xuân hè 1972, Mặt trận Tây Nguyên đã mở chiến dịch giải phóng Đắk Tô - Tân Cảnh (Bắc Tây Nguyên). Chiến dịch được triển khai trên một địa bàn rộng thuộc Tỉnh Kon Tum với nhiều lực lượng tham gia. Trong đó, tinh thần chiến đấu dũng cảm, bất khuất của kíp xe tăng T-54 số hiệu 377 thuộc Đại đội 7, Tiểu đoàn xe tăng 297 (Mặt trận Tây Nguyên) đã đi vào trang sử vàng, trở thành biểu tượng cao đẹp về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong chiến đấu.

Để giải phóng được Đắk Tô - Tân Cảnh, ta phải tiêu diệt được hai mục tiêu quan trọng

nhất là căn cứ 42 và căn cứ Đắc Tô 2. Từ ngày 30 tháng 3 đến 23 tháng 4 các đơn vị phối thuộc tiến công tiêu diệt các cứ điểm của địch bố trí vòng ngoài.

Lúc 4 giờ 30 phút ngày 24/4/1972, bộ đội ta nổ súng tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Đắc Tô - Tân Cảnh, sau 30 phút nổ súng tiến công, căn cứ địch chìm trong khói lửa, rung lên trong ánh chớp và tiếng nổ vang rền của đạn cối, pháo. Trên các hướng tiến công bộ binh nổ mìn định hướng và bộc phá vào những hàng rào cuối cùng. Sau khi diệt các lô cốt, hỏa điểm của địch ở sát cửa mở, xe tăng ta yểm trợ vượt lên dùng hỏa lực chi viện, dẫn dắt bộ binh xung phong tiêu diệt đánh chiếm các mục tiêu bên trong căn cứ.

Trung đội xe tăng 3 thuộc Đại đội 7, Tiểu đoàn xe tăng 297, Mặt trận Tây Nguyên (nay là Tiểu đoàn 3, Trung đoàn xe tăng 273, Quân đoàn 3) do Trung đội trưởng Nguyễn Nhân Triển chỉ huy, được giao nhiệm vụ phối hợp tiến công trên hướng Tây Bắc - hướng thứ yếu. Khi nổ súng, xe tăng T-54 số hiệu 377 và 352 tập trung bắn vào khu tháp nước, làm sập đài quan sát của chúng. Tiếp sau đó Trung đội xe tăng 3 cùng bộ binh tổ

chức xung phong.

Kíp xe 377 không quan sát rõ đã chạy quá cửa mờ, phải tạm dừng, dùng hỏa lực chi viện, kíp xe số hiệu 352 vượt lên cùng chiến sỹ bộ binh Đại đội 5, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 66 xung phong. Bất chấp sự kháng cự quyết liệt của địch, Trung đội tăng 3 tập trung hỏa lực diệt 3 xe tăng và nhiều hỏa điểm, ụ súng của địch, nhanh chóng đánh vào khu cố vấn Mỹ, tiến sát vào Sở chỉ huy Sư đoàn 22 nguy, phát triển sang khu nhà lính Tiểu đoàn 4 và khu nhà sỹ quan nguy. Xe tăng 377 như một mũi tên thép lướt qua công sự chiến hào, vật cản của địch đánh vào trung tâm Sở chỉ huy Trung đoàn 42 nguy.

Trên các hướng khác, xe tăng phối hợp với bộ binh tiến công và lần lượt làm chủ trên các mục tiêu được phân công. Đến 8 giờ, ta cơ bản làm chủ khu vực căn cứ Đắc Tô - Tân Cảnh, Bộ tư lệnh Mặt trận chủ trương điều một trung đội xe tăng vận động theo đường 18 phối hợp với Trung đoàn 1, Sư đoàn 2 tiêu diệt địch ở căn cứ Đắc Tô 2.

Qua đài vô tuyến điện, đại đội trưởng giao nhiệm vụ cho Trung đội tăng 3 tiến công, mặc dù không có thời gian chuẩn bị nhưng Trung

đội trưởng Nguyễn Nhân Triển đã chấp hành nghiêm mệnh lệnh, vừa cơ động, vừa quan sát nắm địch, đồng thời dẫn đầu một trung đội cơ động với tốc độ cao, dũng cảm vượt qua các trận địa, ngăn chặn không cho các máy bay địch đến Đắc Tô 2 trước thời gian.

Thấy xe tăng của ta ít, quân địch điều 10 xe tăng M41 chia làm hai mũi ra bao vây. Do đi đầu đội hình, nên kíp xe tăng 377 đi vào tình thế rất hiểm nghèo, bị lọt vào giữa vòng vây của địch. Một mình giữa bầy xe tăng địch, nhưng các chiến sỹ kíp xe tăng 377 vẫn bình tĩnh lợi dụng từng bức tường, từng ụ đất, cơ động từ vật che khuất này đến lá chắn tại chỗ khác đối đầu với xe tăng địch. Trung đội trưởng Nguyễn Nhân Triển mưu trí, dũng cảm chỉ huy xe 377 tả xung hữu đột, lao thẳng vào đội hình xe tăng địch bắn cháy liên tiếp 7 xe M41, làm rối loạn đội hình của địch.

Hai xe tăng số hiệu 354 và 369 trên đường cơ động, khi biết xe tăng 377 gặp khó khăn chờ chi viện đã cố gắng chạy với tốc độ cao nhất lao lên trận địa. Tuy nhiên, một xe tăng địch xuất hiện phía Nam sân bay lén nhả đạn trúng xe

tăng 377. Xe bốc cháy, các thành viên trong xe đã anh dũng hy sinh. Đó cũng là lúc xe tăng, bộ binh ta dũng mãnh tiến lên tràn vào diệt địch, làm chủ Đắc Tô 2.

Đối với bộ binh và xe tăng, đây là trận đầu ra quân đánh thắng ở chiến trường Tây Nguyên với địa hình rừng núi phức tạp. Tập thể xe tăng 377 đã lập được kỷ lục về hiệu xuất chiến đấu cao: 1 xe tăng 377 tiêu diệt 7 xe tăng địch trong một trận chiến đấu, đã nêu tấm gương sáng về bản lĩnh chính trị kiên cường, điển hình về tinh thần kiên quyết tiến công tiêu diệt địch, nêu cao tinh thần chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu.

Đồng đội tìm thấy xe 377 đang bốc cháy giữa ngổn ngang xác xe tăng địch, cả kíp xe 4 người đã anh dũng hy sinh, hóa thân vào chiến thắng. Bên cạnh thi thể của những người lính xe tăng anh hùng, chỉ còn lại những nắm cơm đã cháy thành than mà kíp xe chưa kịp ăn giữa hai trận đánh. Thương tiếc khôn nguôi, đồng đội đã để các anh nằm lại với đất mẹ Tây Nguyên, với Đắc Tô - Tân Cảnh, nơi kíp xe tăng 377 đã chiến đấu và anh dũng hy sinh.

Trận đánh kết thúc thắng lợi, ta đánh sập hoàn toàn tuyến phòng ngự mạnh nhất của địch ở Bắc Tây Nguyên. Xóa sổ một lực lượng lớn quân địch, gồm: Sở chỉ huy Sư đoàn 22, Trung đoàn 42, Trung đoàn 47, Trung đoàn thiết giáp 14, Tiểu đoàn dù 9, Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 41), 1 tiểu đoàn pháo binh địch và toàn bộ cơ quan hành chính quận lỵ Đắc Tô và quận lỵ Đắc Sút lưu vong...

Sau này, nhiều cuộc tổng kết, hội thảo của Mặt trận Tây Nguyên và Quân đoàn 3 đều thống nhất đánh giá: Trận tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Đắc Tô - Tân Cảnh là trận đánh linh hoạt, táo bạo, quyết đoán của người chỉ huy binh chủng hợp thành và người chỉ huy phân đội xe tăng. Đặc biệt, Trung đội xe tăng 3 và tập thể kíp xe tăng 377 dưới sự chỉ huy của Trung đội trưởng Nguyễn Nhân Triển, trong hoàn cảnh không có thời gian chuẩn bị vẫn nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh một cách sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, chủ động tiến công tiêu diệt địch và lập công xuất sắc, lập kỷ lục cao nhất về hiệu suất chiến đấu của bộ đội xe tăng: 1 xe tăng ta tiêu diệt 7 xe tăng địch trong một trận đánh. Nêu

tâm gương sáng ngời về tinh thần kiên quyết tiến công tiêu diệt địch, thể hiện cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong chiến đấu.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, miền nam hoàn toàn giải phóng, xe tăng mang số hiệu 377 của Tiểu đoàn 297 Mặt trận Tây Nguyên đã được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum tổ chức trưng bày tại vị trí trang trọng nhất tại trung tâm huyện, nằm trên đường Hồ Chí Minh, cách vị trí lập công khoảng 2 km.

Hiện nay, một số hiện vật về kíp xe tăng 377 anh hùng được lưu giữ tại Bảo tàng Tăng - Thiết giáp, tiêu biểu là: Bì đông và sổ học tập chính trị của Trung đội trưởng Nguyễn Nhân Triền; Lá thư cuối cùng của liệt sĩ Nguyễn Đắc Lượng gửi người anh trai; Nòng súng tiểu liên AK của thành viên kíp xe; đặc biệt là nắm cơm chưa kịp ăn của thành viên kíp xe bị cháy thành than khi xe tăng 377 bị trúng đạn,...

Xe tăng 377 trở thành tượng đài đặt ở giữa trung tâm thị trấn Đắk Tô, mảnh đất mà các anh đã hiến dâng trọn vẹn tuổi thanh xuân của mình cho quê hương, đất nước. Chiến công và sự

hy sinh anh dũng của những Liệt sĩ thành viên
kíp xe, đã để lại dấu ấn không bao giờ phai mờ
trong lòng quân và nhân dân Tây Nguyên cũng
như các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Bình chủng Tăng
- Thiết giáp./.

Danh Hiệp

Trận quyết chiến Buôn Ma Thuột

Đề bảo đảm bí mật, bất ngờ cho trận quyết chiến Buôn Ma Thuột, Bộ Tư lệnh chiến dịch chỉ đạo các sư đoàn quân binh chủng hợp thành đánh và ém ở Kon Tum. Tuyến đường 19 có Sư đoàn 10; từ Thanh An đến Pleiku có Sư đoàn 320 cùng chính quyền, dân công các huyện 30, 40, 70, 80 rầm rộ đi làm đường, mở đường vào thị xã Kon Tum. Trung đoàn 198, một đơn vị đặc công đánh kho xăng Pleiku bốc cháy đen cả bầu trời. Dịch bị đánh lừa, hết điều quân xuống giữ Kon Tum rồi lại điều quân giữ Pleiku. Khi quân ta đánh cắt đứt đường 19, địch đã huy động quân giữ bằng được Pleiku và Kon Tum; như vậy, Buôn Ma Thuột chỉ còn sư đoàn bộ binh 23, trung đoàn 53, liên đoàn biệt động 21, 1 tiểu đoàn thiết giáp, 1 tiểu đoàn pháo binh. Ngày 4/3/1975, Thường vụ Đảng ủy Bộ

Tư lệnh chiến dịch đã nhận định: Địch bị điều khiển theo ý đồ của ta và hạ phương án tác chiến. Ta hạ quyết tâm chiến đấu và quyết chiến Buôn Ma Thuột. Quân ta bí mật mở đường các ngả vào Buôn Ma Thuột. Các chiến sĩ Lữ đoàn 7 công binh đêm đêm cưa sẵn 3/4 gốc cây để mở đường cho xe tăng, pháo binh vào trận địa, đi ém địch bí mật, đi không dấu, nấu không khói, sử dụng thành thạo bếp Hoàng Cầm, đi đánh dấu trên từng cây rừng để không bị lạc hướng... Khi Sư đoàn 10 pháo kích vào Kon Tum, Sư đoàn 968 pháo kích vào Pleiku, Trung đoàn 149 của Sư đoàn 316 nhanh chóng ém quân vào phía Nam Buôn Ma Thuột. Trung đoàn 95B cho tiểu đoàn đánh chặn ở bản Đôn. Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 24 chuẩn bị đánh Mê Van. Pháo, hỏa tiễn của ta ém sẵn, sẵn sàng đánh sân bay Hòa Bình, cắt đứt phía địch đổ quân tăng cường cho Buôn Ma Thuột.

Sáng ngày 5/3/1975, Trung đoàn 25 đánh cắt đứt đường 21, ta làm chủ Chư Cúc, phía Đông Buôn Ma Thuột. Trung đoàn 9, Sư đoàn 320 cắt đường 14, đoạn Ia H'Leo. Ngày 8/3/1975, Trung đoàn 48, Sư đoàn 320 tấn công chi khu quân sự Thuận Mãn. Trên quốc lộ 14, ngày 9/3/1975,

Trung đoàn 64, Sư đoàn 320 làm chủ Buôn Hồ, cách Buôn Ma Thuột 50km về phía Bắc, Sư đoàn 10 tấn công chi khu Đức Lập, tiêu diệt căn cứ Núi Lửa và căn cứ 53 nguy.

Các quân binh chủng hợp thành được kiểm tra lần cuối cùng đã sẵn sàng chiến đấu. Sư đoàn 316 vào vị trí tập kết an toàn, Trung đoàn Tăng - Thiết giáp 273 chờ lệnh tấn công, pháo mặt đất, trung đoàn 675, pháo binh 40 đang trong giờ chờ lệnh. Pháo phòng không 232, 234 sẵn sàng bắn máy bay địch, hiệp đồng rất nhịp nhàng, bí mật; đồng bào, dân quân du kích Tây Nguyên giúp bộ đội kéo pháo vào trận địa, vui mừng phấn khởi không quản ngại hy sinh gian khổ. Bộ đội đặc công 198 đã vào vị trí chiến đấu, sẵn sàng chờ lệnh.

Tướng Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh chiến dịch thấy rõ được yếu tố bất ngờ, bí mật đã quyết định tiến công thị xã Buôn Ma Thuột. 1 giờ 55 phút ngày 10/3/1975, cuộc tiến công vào mục tiêu then chốt Buôn Ma Thuột bắt đầu.

Trung đoàn đặc công 198 đánh vào sân bay, sân bay Hòa Bình mở toang cửa ngõ phía Đông Bắc, Tây Bắc để mở đường tiến công vào Buôn Ma Thuột. Trung đoàn 95B đánh vào ngã 6,

Sư đoàn 316 đánh tiêu diệt hàng loạt căn cứ vòng ngoài. Tất cả các đơn vị đều đồng loạt nổ súng, đạn lửa ngút trời. Trung đoàn Tăng - Thiết giáp 273, pháo mặt đất 675, pháo binh 40, pháo phòng không 232, 234 đồng loạt nổ súng tiến công, quân ta chiếm kho pháo binh, thiết giáp, hậu cứ tiểu đoàn 1 trung đoàn 53 ngụy...

5 giờ 30 phút ngày 11/3/1975, các trận địa pháo của ta từ 4 hướng mở đợt tấn công hàng loạt vào sào huyệt của địch. Trung đoàn 95B và đại đội xe tăng của ta từ tiểu khu Đắc Lắc tiến công sang hậu cứ của sư đoàn 23 ngụy. Xe tăng 980 do Đại đội trưởng Đoàn Sinh Hường chỉ huy dẫn đường cùng bộ binh đánh vào cổng chính, Bùi Mạnh Hùng, Phạm Hồng Vách cùng bộ đội đột phá vào sở chỉ huy 23. Bộ đội ta ào lên, các đơn vị phối hợp nhịp nhàng, chi viện cho nhau kịp thời, tiến công mạnh mẽ, kiên quyết. Hai tiểu đoàn bộ đội địa phương của Đắc Lắc, du kích trong thành Buôn Ma Thuột phát triển vào khu phố truy quét bọn tề điệp ác ôn, bảo vệ an ninh thị xã, phát loa gọi lính nộp vũ khí ra hàng. Trong cơn tuyệt vọng, quân địch dồn hết sức chống đỡ. Hai xe bọc thép M113 liều mạng xông ra chốt chặn trước cổng sở chỉ huy

lập tức bị xe tăng của ta bắn cháy. Xe tăng 978 do Nguyễn Tự Chính chỉ huy húc sạt công chính rồi xông thẳng vào bên trong mở đường cho bộ binh và xe tăng của ta tấn công. Tiểu đoàn 4 chia làm 2 mũi đánh thẳng vào sở chỉ huy sư đoàn 23 nguy.

Đến 11 giờ ngày 11/3/1975, các mũi thọc sâu của binh chủng hợp thành của Sư đoàn 10, Trung đoàn 95B, Trung đoàn 174, Sư đoàn 316 đã hợp quân tại sư đoàn bộ của nguy. Tổ cấm cờ của Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 24 đã 4 lần truyền nhau lá cờ, người trước ngã, người sau xông lên, cuối cùng 3 chiến sĩ của Đại đội 1, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 24 là Phạm Văn Vi, Đàm Duy Tộ, Nguyễn Văn Thắng đã cầm lá cờ quyết thắng thấm máu của Sư đoàn 10 lên trung tâm chỉ huy sư đoàn 23 nguy.

Cuộc tiến công vào mục tiêu then chốt Buôn Ma Thuột đã thành công. Đây là trận then chốt lần thứ nhất của chiến dịch, tạo đà cho các trận đánh về sau của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Ngay tối ngày 12/3/1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng đại diện Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh gửi điện khen: “Toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên, anh chị em công nhân viên đã nêu cao tinh thần quyết thắng, anh

dũng, mưu trí, sáng tạo, táo bạo và khấn trương, dành nhiều thắng lợi to lớn ngay trong những ngày đầu chiến dịch. Cần kịp thời nắm thời cơ thuận lợi giành thắng lợi to lớn hơn nữa”.

Mở màn chiến dịch, thắng lợi Buôn Ma Thuột là thắng lợi của hiệp đồng binh chủng khoa học, của tinh thần dũng cảm chiến đấu ngoan cường; là thắng lợi của công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác cán bộ. Thắng lợi Buôn Ma Thuột đã tạo ra thời cơ mới, thúc đẩy nhanh việc tiến công thần tốc, táo bạo, nhanh chóng hoàn thành giải phóng Tây Nguyên, góp phần giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất đất nước.

Để đáp ứng yêu cầu cấp bách, tất yếu khách quan của chiến tranh cách mạng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ra Quyết định thành lập Quân đoàn 3 từ các đơn vị chủ lực của Sư đoàn 10, Sư đoàn 320, Sư đoàn mặt trận B3 chuyển thành. Theo Quyết định, ngày 26/3/1975 là ngày Quân đoàn 3 ra đời. Từ đây đánh dấu một chặng đường mới, Quân đoàn 3 cùng các đơn vị tiến công giải phóng Tây Nguyên, giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất đất nước.

Nhâm Xuân Chúc

Từ binh pháp “Nở hoa trong lòng địch” đến “Lấy xe tăng địch đánh địch”

Nở hoa trong lòng địch

Đoàn Sinh Hưởng nhập ngũ năm 1966, khi vừa tròn 17 tuổi, được biên chế về Đại đội 9, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 273, Quân đoàn 3. Chiến dịch đầu tiên trong đời lính của ông là chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh, trận chiến vẫn được mệnh danh là "Điện Biên Phủ thứ hai" của Việt Nam. Sau chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, ông là Đại đội trưởng xe tăng, thuộc Binh chủng tăng thiết giáp, được điều động vào chiến trường Tây Nguyên, bắt đầu mở màn chiến dịch Tây Nguyên.

Những trận chiến đấu ở chiến dịch Tây Nguyên (3/1975) và đặc biệt là trận đánh ở Buôn Ma Thuật đã làm nên tên tuổi của vị tướng Đoàn Sinh Hưởng.

Chiến dịch Tây Nguyên mở màn bằng trận đánh thẳng vào mặt trận thị xã Buôn Ma Thuột nhằm gây cho địch bất ngờ. Nếu đúng theo kế hoạch tác chiến từ Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 của ta, Đại đội 9 được lệnh di chuyển đánh xuống thị xã Gia Nghĩa. Vì Buôn Ma Thuột là địa bàn trọng yếu của Tây Nguyên, địch tổ chức phòng thủ tầng tầng lớp lớp từ xa đến gần, quan trọng nhất là Sư bộ 23.

Lúc này Đoàn Sinh Hường đang là Đại đội trưởng Đại đội 9 xe tăng thuộc Lữ đoàn 273, Quân đoàn 3 được giao nhiệm vụ đánh thọc sâu vào Sư bộ 23. Ông cho biết, theo nghệ thuật quân sự, đây là kiểu đánh “Nở hoa trong lòng địch”.

Trước trận đánh, nhiệm vụ trinh sát để tiếp cận mục tiêu, tìm hướng vào được thực hiện trong nhiều tháng trước đó.

Địch bố trí hỏa lực mạnh với nhiều tầng, nhiều lớp, chót chặt, được canh gác 24/24 giờ, nhưng những chiến sĩ trinh sát của ta vẫn có thể tiếp cận vào sát được hàng rào mà địch không hề hay biết. Kể cả đêm 29 Tết, đêm giao thừa, trinh sát vẫn xâm nhập nắm bắt tình hình địch.

Đúng giờ G, Đại đội 9 xe tăng được lệnh tấn công tiến đánh thị xã Buôn Ma Thuột. Trong

địa bàn thị xã có nhiều mục tiêu quan trọng, trong đó có kho Mai Hắc Đế nằm trên hướng tấn công của Đại đội 9.

Lúc này kho Mai Hắc Đế đã bị đặc công của ta tiến đánh, nhưng bị địch phản công ghìm lại. Đến khi Đại đội 9 tiến vào mới đánh bật sự phản kháng của địch, chiếm lại quyền kiểm soát kho Mai Hắc Đế đồng thời giải nguy cho lực lượng đặc công.

Ngay sau chiến thắng đầu tiên này Đại đội 9 phát triển đánh thẳng vào Sư bộ 23 thì bị lạc hướng do đường đi nhiều, lại thêm mù mịt bom đạn trong sự chống trả của địch. Nhưng khi quyết định quay lại, thì địch chống cự mạnh hơn do có lực lượng tiếp viện với hỏa lực mạnh.

Bộ Chỉ huy quyết định dùng đạn pháo, xe tăng tập trung tất cả hỏa lực chiếm lại vị trí chiếm đóng ban đầu. Khi Đại đội 9 cùng bộ binh Sư đoàn 10 chiếm lại được vị trí cũ, các trinh sát mới biết Sư bộ 23 của địch chỉ cách khoảng 1 km. Trên đường tấn công vào Sư bộ 23, Đại đội 9 xe tăng đã bắn cháy 2 chiếc M113 và bắt sống Đại tá Luật - Tỉnh phó tỉnh Đắk Lắk và gần 100 tên địch.

Tiếp đó quân ta tiến đánh khu truyền tin,

khu Bộ tham mưu, đánh thẳng vào cơ quan đầu não của Sư bộ 23. Đúng 11h30 ngày 11/3/1975, quân đội ta cắm cờ chiến thắng lên nóc chỉ huy Sư bộ 23 của địch.

Sau đó lực lượng phát triển tiếp đánh xuống khu vực ngã 5. Tại đây gặp sự phòng ngự của địch khá mạnh vì lúc này địch có sự bổ sung xe tăng, đạn pháo. Giằng co suốt buổi sáng ngày 11/4/1975, Đại đội 9 cùng bộ binh tiêu diệt toàn bộ địch phòng ngự khu vực ngã 5 rồi tiếp tục tiến đánh xuống khu vực ngã 6, san phẳng ổ kháng cự của địch tại khu vực này, cùng các cánh quân khác giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột.

Trong trận đánh đó xe số hiệu 980 do Đoàn Sinh Hường chỉ huy đã nhiều lần lập công xuất sắc. Chiếc xe tăng 980 đã theo ông cùng đoàn quân giải phóng thu về bao chiến thắng lấy lòng trên chiến trường Tây Nguyên. Sau giải phóng, thành phố Buôn Ma Thuột đã dựng tượng đài chiến thắng ở Ngã Sáu và lấy mô hình xe tăng 980 làm biểu tượng cho khí thế tiến công và vinh danh tinh thần chiến đấu anh dũng của quân và dân ta.

Lấy xe tăng địch để đánh địch

Trung tướng Đoàn Sinh Hường bồi hồi

chia sẻ rằng trong đời binh nghiệp của ông có nhiều khoảnh khắc sinh tử đáng nhớ song trận tiến đánh vào Sài Gòn, giải phóng miền nam, thống nhất đất nước là trận tử chiến đáng nhớ nhất.

Sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, quân ta tiến xuống giải phóng Phú Yên. Sau Phú Yên, Đại đội xe tăng do Đoàn Sinh Hường chỉ huy hành quân theo đường chiến lược vòng về phía tây vào Sài Gòn.

Từ Tây Ninh tiến về Sài Gòn chỉ có một con đường độc đạo, quân chủ lực của ta phải qua cứ điểm ở khu vực cầu An Hạ (giáp ranh giữa hai huyện Hóc Môn và Củ Chi nằm trên Quốc lộ 22 ngày nay). Đại đội 9 xe tăng thuộc Lữ đoàn 273 vừa có nhiệm vụ đánh chiếm cầu, đồng thời giữ vững cầu này. Nếu cầu An Hạ bị địch phá gãy, quân ta có thể chậm trễ, đánh mất thời cơ lịch sử.

Sáng ngày 29/4/1975, sau khi chiếm được cầu An Hạ, trong đội hình Đại đội 9 xe tăng chỉ còn 4 chiếc, ngay sau đó phải đối mặt với thiết giáp đoàn gồm 24 chiếc của đối phương.

Trước thế “ngàn cân treo sợi tóc” khi 1 chọi 6, những người lính đều xác định quyết tử. Lúc này, Đoàn Sinh Hường tự nhủ, cần phải bình

tĩnh, giữ vững sự sắc sảo của người chỉ huy.

Do còn 4 chiếc xe tăng, Đoàn Sinh Hường chỉ huy anh em dồn đội hình lại, chiếm giữ vị trí, địa hình có lợi nhất. Chờ cho đoàn xe của địch đi qua hết cầu rồi mới nhả loạt đạn đầu tiên, chiếc xe đi đầu bốc cháy. Loạt đạn tiếp theo bắn cháy chiếc cuối cùng. Cái đầu và cái cuối bị cháy đã gây tắc đường giam chân địch ngay trong tầm bắn của mình làm “tắc” khả năng chống đỡ của chúng.

Sau gần 1 giờ chiến đấu, 4 xe tăng của ta đã bắn cháy 12 thiết giáp của địch. Địch hoảng loạn không còn khả năng chiến đấu, các chiến sĩ Đại đội 9 xông ra áp sát đoàn xe của địch tiêu diệt những tên còn lại tịch thu 12 chiếc xe tăng của địch để bổ sung vào cho chính mình.

Với lòng dũng cảm, chiến thuật quân sự hợp lý, Đại đội 9 đã tiêu được 1 thiết đoàn, và áp dụng ngay chiến thuật “lấy xe tăng địch để đánh địch”. Đây là trận đánh mà tỉ lệ ta - địch là 1 - 6, chưa có tiền lệ, được các giáo sư của Liên Xô đánh giá là trường hợp “độc nhất vô nhị” trong chiến tranh.

Đến 13h30 ngày 29/4, 4 xe của Đại đội 9 do Đoàn Sinh Hường chỉ huy đã vượt qua ngã ba

Bà Queo, cách ngã tư Bảy Hiền khoảng 3 cây số. Ông cùng cố đội hình và chuẩn bị tiến vào Dinh Độc Lập, nhưng do yêu cầu nhiệm vụ, Chính ủy Quân đoàn Đặng Vũ Hiệp giao nhiệm vụ cho Đại đội 9 chờ lực lượng phía sau để đánh vào Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu nguy.

Sáng 30/4, xe tăng Đại đội 9 cùng với các đơn vị bộ binh và các đơn vị xe tăng của Sư đoàn 273 tung hoành ngang dọc đánh sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu nguy.

Lúc 11h30 ngày 30/4, xe tăng Đại đội 9, lực lượng bộ binh Sư đoàn 10, xe tăng Đại đội 5, Lữ đoàn 273 và Tiểu đoàn 1 của Lữ đoàn 273 cùng các đơn vị bạn chiếm được toàn bộ trụ sở tòa nhà Bộ Tổng tham mưu nguy.

Xe tăng 982 do chính trị viên Đại đội tăng 5 chỉ huy đã tiến thẳng lên ngôi nhà chính trụ sở Bộ Tổng tham mưu nguy để yểm trợ cho bộ binh lên tầng gác hạ lá cờ ba sọc xuống, kéo cờ giải phóng lên.

Vào thời điểm lịch sử đó, Đoàn Sinh Hưởng đã chỉ huy Đại đội tiếp tục yểm trợ cho bộ binh Trung đoàn 28 kiểm soát các tòa nhà, chiếm trụ sở của Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng tham

mưu trường quân lực Việt Nam Cộng hòa, thu toàn bộ con dấu, kiếm và gậy chỉ huy. Lúc này, các cánh quân cũng đã chiếm được Dinh Độc Lập và các mục tiêu quan trọng ở Sài Gòn. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất đất nước.

Khi kể về những chiến công, chiến thắng hào hùng của ông và đồng đội, Đoàn Sinh Hương tràn đầy năng lượng và tự hào. Nhưng khi được hỏi về cảm xúc và suy nghĩ của ông trong thời khắc độc lập, non sông thu về một mối, từ khóe mắt của vị tướng già nước mắt bỗng lăn dài.

Ông xúc động, bùi ngùi kể rằng đêm đầu tiên của ngày chiến thắng, không ai trong các ông có thể ngủ vì hạnh phúc tột cùng và cũng dành một khoảng lặng để nghĩ về đồng chí, đồng đội thân yêu của mình đã ngã xuống trong từng trận đánh, trên những nẻo đường tiến về giải phóng Sài Gòn, đặc biệt những đồng đội đã hy sinh trong cuộc Tổng tiến công mùa xuân năm 1975, đã ngã xuống ngay cửa ngõ Sài Gòn trước ngày toàn thắng...

Nhật Nam

Kỷ ỨC của người lính xe tăng

1. HÉ LỘ NHỮNG ĐÔI TAI TỈNH TƯỜNG CỦA LÍNH XE TĂNG

Thông tin liên lạc kịp thời, chính xác, bí mật, an toàn là một yêu cầu quan trọng trong chiến tranh hiện đại. Đối với xe tăng điều đó cũng không có ngoại lệ.

Những đôi tai không thể thiếu

Đối với tác chiến xe tăng điều đó cũng không có ngoại lệ: các xe tăng cần phải liên lạc với nhau, liên lạc với bộ binh... Người chỉ huy xe tăng cần phải chỉ huy được các xe tăng trong phân đội mình. Bởi vậy, trên xe tăng nhất thiết phải có các phương tiện thông tin liên lạc.

Không chỉ thế, ngay trong từng chiếc xe tăng, các thành viên kíp xe cũng phải thường xuyên liên lạc với nhau để hiệp đồng chiến đấu đạt

hiệu quả cao nhất. Trong điều kiện tiếng ồn rất lớn do động cơ, pháo súng gây nên cũng cần phải có phương tiện thông tin liên lạc nội bộ.

Tóm lại, thiết bị thông tin liên lạc là phương tiện không thể thiếu trên xe tăng và nó được ví von là "những đôi tai của xe tăng".

Thực ra, trong những chiếc xe tăng đầu tiên thường không có phương tiện thông tin liên lạc chuyên biệt. Họ liên lạc với nhau chủ yếu qua ký tín hiệu đơn giản hoặc hiệp đồng qua hành động mà thôi. Chẳng hạn, trong tác chiến hiệp đồng thì các xe quan sát hành động của xe chỉ huy để hành động sao cho phù hợp.

Còn trong mỗi xe, người ta cũng quy ước với nhau các ký tín hiệu đơn giản để liên lạc với nhau. Chẳng hạn đối với lái xe: kéo vai bên nào thì chuyển hướng về bên đó, đập vào lưng là dừng lại v.v... Với xe tăng sau này, cách liên lạc này cũng được vận dụng trong những trường hợp thiết bị thông tin liên lạc bị hỏng.

Nói chung, với cách liên lạc này người ta cũng có thể chiến đấu được nhưng nhiều khi cũng dẫn đến những sự hiểu lầm và phát sinh nhiều tình huống "dở khóc dở cười", ảnh hưởng không nhỏ

đến chất lượng hoàn thành nhiệm vụ.

Để khắc phục tình trạng đó, hầu hết các xe tăng từ thế hệ 2 trở đi đều được lắp đặt các phương tiện thông tin liên lạc. Thông thường, các thiết bị này gồm 2 phần: liên lạc với bên ngoài và liên lạc nội bộ.

Thiết bị thông tin liên lạc với bên ngoài thường là một máy thu phát vô tuyến điện dùng anten cần. Do khoảng cách giữa các xe trong một trận đánh không xa nhau lắm - chỉ khoảng vài km - nên người ta thường chọn loại đài "điều tần, sóng ngắn" để lắp lên xe tăng.

Đây là loại đài tương đối gọn nhẹ, có cấu trúc đơn giản, giá thành thấp và sử dụng dễ dàng. Đài thường có ba chế độ làm việc:

- "Thu canh" là chế độ chỉ thu một chiều, thường sử dụng khi hành trú quân, cần giữ bí mật, các xe trong phân đội cần "im hơi lặng tiếng" nhưng lúc nào cũng phải sẵn sàng đợi lệnh. Khi đặt ở chế độ này, nếu có "nhỡ tay" bóp vào công tắc "Phát" thì điện đài vẫn không phát được.

- "Đơn công" là chế độ có sử dụng cả thu và phát, được điều khiển qua công tắc ngực (công tắc trên dây nối với mũ công tác, thường treo trước

ngực, là loại công tắc bập bênh, dễ bình thường là thu, khi bóp về chế độ phát thì sẽ phát).

- "Song công" là chế độ tự động phát theo tín hiệu âm thanh. Dễ bình thường là thu; còn đài sẽ tự động chuyển sang phát khi người sử dụng nói (chế độ này sử dụng khi thành viên bận cả hai tay, không bóp công tắc được - chẳng hạn trường xe kiểm pháo thủ xe tăng bởi PT-76).

Những thế hệ máy thu phát đầu tiên thường dùng đèn điện tử nên tiêu tốn điện năng khá nhiều mà công suất phát lại thấp.

Càng về sau, cùng với sự tiến bộ khoa học công nghệ, thiết bị thu phát trên xe tăng ngày càng được cải tiến và hiện đại hơn rất nhiều. Các bộ điện đài hiện tại có thêm rất nhiều tính năng, độ bảo mật lại cao trong khi rất tiết kiệm điện năng.

Ngoài ra, đối với các xe chỉ huy có thể lắp thêm một bộ điện đài có khả năng liên lạc ở khoảng cách xa hơn, bảo đảm cho người chỉ huy có thể giữ vững liên lạc với cấp trên cũng như cấp dưới khi tác chiến trên một địa bàn rộng. Chẳng hạn như đối với xe tăng T-90S, ngoài các xe tiêu chuẩn thì thường có thêm cả xe tăng T-90SK (biến thể xe chỉ huy).

Đề liên lạc nội bộ trong xe thường có một bộ máy nói hữu tuyến nối các thành viên với nhau. Nguyên lý làm việc của bộ máy nói này như một bộ tăng âm đơn giản và được nối với nhau bằng dây dẫn chống nhiễu.

Các máy nói lẻ được đặt ở gần vị trí ngồi của các thành viên. Khi vào vị trí, thành viên sẽ cắm mũ công tác của mình vào máy nói thông qua công tắc ngược.

Khi các máy nói đều được đặt ở chế độ "Nội bộ" thì toàn bộ hệ thống máy nói sẽ thường xuyên thông suốt với nhau và các thành viên có thể liên lạc với nhau mà không cần một thao tác nào cả.

Trường hợp máy nói của một thành viên nào đó - thường là trưởng xe đặt ở chế độ "Liên lạc bên ngoài" thì nó sẽ bị tách ra khỏi mạng nội bộ, muốn liên lạc được với thành viên này hoặc ngược lại thì các thành viên phải bấm công tắc ngược về chế độ "báo gọi".

Ngoài các yêu cầu về mặt kỹ thuật như các phương tiện liên lạc khác thì điện đài, máy nói trên xe tăng còn phải đáp ứng yêu cầu là có kết cấu chắc chắn, có khả năng chống rung xóc

tốt, chịu nhiệt độ cao và có khả năng làm việc thời gian dài...

Một trong những thành phần không thể thiếu của các phương tiện thông tin liên lạc trên xe tăng là chiếc mũ công tác. Ngoài tác dụng chống va đập, bảo vệ đầu của các thành viên xe tăng thì mũ công tác cũng là nơi lắp tai nghe và ống nói để phục vụ cho việc liên lạc trong điều kiện tiếng ồn lớn.

Có điều rất phấn khởi là hiện nay, một số doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng Việt Nam đã chế tạo được các loại điện đài, máy nói và mũ công tác khá hiện đại để thay thế dần các loại thiết bị thông tin liên lạc trong các xe tăng đời cũ.

Thiết bị là không thể thiếu nhưng quyết định là ở người sử dụng

Để đảm bảo thông tin liên lạc trong phân đội cũng như trong mỗi xe tăng được thông suốt, bí mật ngoài việc bảo đảm tốt kỹ thuật các thiết bị thông tin thì còn phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy tắc, quy ước liên lạc, đồng thời phải thuộc và sử dụng thành thạo mật ngữ chỉ huy và bảng chữ đúc nghiệp vụ.

Quy tắc liên lạc là những quy định chung

của Binh chủng Thông tin liên lạc, của toàn quân về mặt thông tin liên lạc nhằm đảm bảo liên lạc "kịp thời, chính xác, bí mật, an toàn".

Quy ước liên lạc là những quy ước nội bộ đơn vị, thường do người chỉ huy phân đội định ra. Trong đó quy định cụ thể về tần số sử dụng (chính và dự bị), thứ tự ưu tiên trong liên lạc, khóa mật ngữ, mật hiệu nhận nhau v.v...

Bảng chữ đúc nghiệp vụ và mật ngữ chỉ huy có thể coi là loại mật mã đơn giản để giữ bí mật thông tin khi liên lạc với nhau. Mục đích là để kẻ địch có thu được tin thì cũng không hiểu được nội dung. Thường là quy định một hành động nào đó thành một con số, khi sử dụng người ta ghép các con số đó lại với nhau.

Nhưng dù thiết bị có hiện đại đến đâu, quy ước có chặt chẽ đến đâu mà con người không tích cực rèn luyện, học hỏi để sử dụng cho thành thục thì cũng không phát huy được hiệu quả của chúng.

2. Những đôi mắt tinh tường của xe tăng

Khí tài quan sát, ngắm bắn là những đôi mắt tinh tường của xe tăng bởi nếu không có chúng, các chiến sĩ bên trong xe chẳng khác gì người mù.

Những đôi mắt tinh tường, sáng láng

Việc quan sát và ngắm bắn từ trong xe ra khá là đơn giản và không cần đến khí tài hỗ trợ. Người ta quan sát và ngắm bắn từ trong xe ra thông qua những khe hở hẹp được khoét trên thành xe hoặc tháp pháo.

Tuy nhiên, đó là một việc nguy hiểm và dễ bị thương vong bởi đạn súng bộ binh hoặc mảnh đạn vẫn thường xuyên lọt qua các khe quan sát đó.

Thực tế đó đòi hỏi các nhà chế tạo phải nghiên cứu cải tiến tìm giải pháp khắc phục. Với sự tiến bộ của kỹ nghệ quang học, người ta đã tìm ra. Đó là sử dụng các loại kính tiềm vọng làm kính quan sát cho các thành viên trong xe.

Kính tiềm vọng thường gồm một lăng kính trên, một lăng kính dưới đặt cách nhau một khoảng chừng 15 - 20 cm.

Các lăng kính này có tác dụng khúc xạ ánh sáng đi một góc 90 độ. Ánh của vật thể tới lăng kính trên, được lăng kính khúc xạ đi 90 độ chiếu xuống lăng kính dưới. Đến lượt lăng kính dưới khúc xạ 90 độ một lần nữa sẽ đến mắt người quan sát như ảnh ban đầu.

Với sự có mặt của kính tiềm vọng, khi đạn

trúng vào lăng kính trên nó chỉ làm vỡ lăng kính mà không gây nguy hiểm cho người quan sát. Ngoài ra, việc thay thế cũng hết sức dễ dàng, người sử dụng chỉ việc rút lăng kính hỏng xuống rồi thay cái mới vào mà hoàn toàn không phải ra khỏi xe.

Bởi vậy, kính tiềm vọng nhanh chóng được áp dụng cho hầu hết các loại xe tăng dù theo trường phái nào.

Đối với những loại khí tài quan sát cần thiết phải phóng đại (như kính của trường xe chẳng hạn) thì các thấu kính được sắp xếp như một ống nhòm song được đặt vào phía sau lăng kính dưới để thu ảnh của hiện vật và vẫn bảo đảm an toàn cho người quan sát.

Để mở rộng thị trường quan sát, các kính quan sát thường được gắn trên các ụ xoay 360 độ, đồng thời trên thân của nó có thể có thêm một "ụ quay" ở ngang thân để có thể lắc kính lên xuống khoảng 20 - 30 độ.

Riêng đối với kính ngắm cho pháo cũng như các loại vũ khí khác thì tình hình phức tạp hơn nhiều. Để bắn trúng mục tiêu, khẩu pháo ngoài việc phải quay được 360 độ theo tháp pháo còn phải quay lên xuống (về tầm) quanh ngỗng trục của

nó - thông thường từ - 5 độ đến +20 độ.

Bởi vậy, kính ngắm cũng phải có sự "cơ động" tương ứng. Mặt khác, yêu cầu đối với kính ngắm không chỉ là nhìn thấy mục tiêu mà còn là công cụ điều chỉnh vị trí của pháo sao cho đầu đạn bắn ra từ nó phải trúng mục tiêu.

Để đáp ứng yêu cầu về tính cơ động, thường có 2 kiểu kính ngắm: kính ngắm kiểu bản lề và kính ngắm có gương đầu di động.

Kính ngắm kiểu bản lề thực chất là một kính viễn vọng bao gồm một hệ thấu kính cho phép phóng đại ảnh của vật thể lên vài lần. Tuy nhiên, kính đó lại được chia làm hai phần là đầu kính và thân kính.

Đầu kính được cố định với thân pháo, còn thân kính cố định với tháp pháo. Hai phần này nối với nhau qua một bộ "bản lề", cho phép đầu kính và thân kính có thể quay tương đối với nhau.

Điều đặc biệt là tại bộ bản lề có một hệ lăng kính để đảm bảo trục quang của kính không bị ảnh hưởng bởi mọi góc quay của đầu kính. Nhờ vậy, khi đầu kính di động theo góc quay lên xuống của thân pháo trong khi thân kính đứng yên thì người bắn vẫn nhìn thấy mục tiêu.

Còn để đáp ứng yêu cầu ngắm bắn chính xác thì trong cấu tạo của kính có một tấm kính khắc các vạch thước ngắm cho từng loại đạn (xuyên, nổ liều nguyên, nổ liều giảm, lõm, súng máy v.v..) cùng với đầu ngắm lớn và các đầu ngắm phụ.

Kính này cho phép pháo thủ lấy thước ngắm tương ứng với khoảng cách bắn và cho phép bắn trúng mục tiêu với nhiều loại đạn khác nhau.

Nhìn chung, đây là kiểu kính có độ chính xác khá cao nên được sử dụng phổ biến trong các dòng xe tăng của trường phái Nga - Liên Xô, lập nên một loại kính ngắm TSh (Tê Sa) khá là đông đúc.

Tuy nhiên, kiểu kính này có nhược điểm là khá cồng kềnh (thường dài hơn 1 mét, nặng khoảng hơn 20 kg), thay thế lắp đặt khó khăn và đặc biệt là khi ngắm bắn phải có thao tác "lấy thước ngắm" làm chậm tốc độ bắn.

Nhược điểm này được khắc phục khi người ta sử dụng kiểu kính ngắm có gương đầu di động. Thực chất kiểu kính này tương tự như một kính quan sát tiềm vọng có phóng đại. Tuy nhiên, thay vào vị trí lăng kính trên là một "gương đầu".

Giương đầu cũng có tác dụng nhận ảnh và khúc xạ tia sáng đi 90 độ như lăng kính trên song nó không cố định mà có thể quay quanh trục ngang một góc nhất định nhờ một cần dẫn động nối với thân pháo.

Bởi vậy, khi pháo quay lên xuống thì giương đầu cũng quay lên xuống theo một góc tương ứng song ảnh của vật nó thu được vẫn được truyền trọn vẹn cho lăng kính dưới.

Trong kính ngắm kiểu này cũng có một kính vạch khắc, trên đó người ta khắc đầu ngắm chính, đầu ngắm phụ và thước ngắm của một số loại đạn chính. Tuy nhiên, kính này không di động được như ở kính "Tê Sa" mà được lắp cố định. Vì vậy, khi ngắm bắn pháo thủ sẽ ước lượng vị trí đầu ngắm rồi dùng vị trí đó làm đầu ngắm ngắm vào mục tiêu.

So với họ kính "Tê Sa" thì kính này kích thước nhỏ gọn hơn, đặc biệt là bắn nhanh hơn vì không cần phải "lấy thước ngắm". Tuy nhiên, do phải chọn một điểm nào đó trong thị trường làm đầu ngắm nên kết quả bắn thường không chính xác bằng kính loại kia.

Những đôi mắt nhìn xuyên đêm tối

Đối với xe tăng hiện đại, một trong những yêu cầu đặt ra là phải tác chiến được trong mọi điều kiện địa hình, thời tiết, cả ban ngày và ban đêm. Bởi vậy, nếu chỉ dựa vào các khí tài quan sát ban ngày thì hết sức khó khăn. Trước yêu cầu cấp bách này, đã có nhiều công trình nghiên cứu về khí tài quan sát, ngắm bắn ban đêm.

Loại khí tài quan sát ban đêm đầu tiên được nghiên cứu và đưa vào sử dụng trong thực tế là loại khí tài hồng ngoại chủ động. Tia hồng ngoại có đầy đủ tính chất của ánh sáng song mắt thường không nhìn thấy nên có thể giữ bí mật các hoạt động tác chiến.

Với thiết bị đó, ánh sáng hồng ngoại từ đèn pha hồng ngoại sẽ được chiếu vào các vật thể xung quanh rồi phản xạ trở lại kính quan sát, sau đó được biến đổi thành ánh sáng nhìn thấy trong thị kính của lái xe giúp có thể quan sát được cảnh vật xung quanh.

Bộ phận trung tâm của thiết bị này là "bộ biến đổi điện - quang" có tác dụng biến đổi ánh sáng hồng ngoại thành ánh sáng nhìn thấy.

Đó là một ống hình trụ, một đầu là ka - tốt được làm bằng vật liệu nhạy cảm với ánh sáng

hồng ngoại, khi bị tia hồng ngoại chiếu vào thì sẽ làm bắn ra các electron. Đầu kia là a - nôt là một màn huỳnh quang và sẽ phát sáng khi bị các electron bắn vào.

Giữa ka - tốt và a - nôt là một điện áp cao khoảng 18 - 20kV và bị ngăn bởi một màn chắn có một lỗ nhỏ ở tâm với mục đích hội tụ dòng electron.

Khi ánh sáng hồng ngoại phản xạ từ các vật thể chiếu vào ka - tốt sẽ làm các electron ở đây bị bứt ra, dưới tác dụng của điện trường mạnh các electron này sẽ lao về phía a - nôt với một vận tốc rất lớn. Sự va đập này làm màn huỳnh quang phát sáng phát ra ảnh của vật thể đó bằng ánh sáng nhìn thấy.

Tất nhiên, so với hình ảnh trong điều kiện chiếu sáng bình thường thì không rõ nét và màu sắc cũng không rõ bằng song cũng đủ cho các người sử dụng quan sát được địa hình và đường sá.

Các xe tăng thế hệ 2 như T-54, T-55 của Liên Xô, M48A3 của Mỹ... đều được trang bị loại khí tài này để quan sát và ngắm bắn. Có thể nhận ra nó nhờ một đèn pha khá lớn lắp cạnh nòng pháo.

Cùng với thời gian, người ta tiếp tục

ngiên cứu nâng cao chất lượng cho các thiết bị này theo hướng hiện đại hơn, quan sát rõ nét hơn... như áp dụng công nghệ "khuyếch đại ánh sáng mờ" và mới nhất là "công nghệ ảnh nhiệt".

Công nghệ "khuyếch đại ánh sáng mờ" về cơ bản cũng có nguyên lý như công nghệ của thiết bị hồng ngoại nhưng là hồng ngoại "thụ động" - nghĩa là không cần nguồn phát ra tia hồng ngoại chủ động nữa.

Sử dụng những vật liệu rất nhạy chế tạo ka - tốt nên chỉ cần được chiếu sáng bởi ánh sáng rất yếu như ánh sáng sao, ánh nến, ánh pháo sáng ở xa... chúng cũng sẽ phát xạ electron và được biến đổi, khuếch đại thành ánh sáng trông thấy. Với công nghệ này thì sẽ không cần các đèn pha hồng ngoại để chiếu sáng nữa.

Còn công nghệ ảnh nhiệt thì dựa vào chênh lệch nhiệt độ của các vật thể so với nền nhiệt độ môi trường để cung cấp một bức tranh tổng thể về địa hình, địa vật và đường sá cho người sử dụng trên màn hình.

Các xe tăng thế hệ mới nhất như T-14 Armata hoặc các phiên bản hiện đại nhất của T-72, T-90 của Nga, M1 Abrams của Mỹ, Leopard 2 của

Đức, Merkava của Israel... đều được trang bị loại thiết bị này.

Nhưng dù là theo công nghệ gì thì chất lượng hình ảnh của các thiết bị nhìn đêm kể trên so với hình ảnh nhìn bằng mắt thường vào ban ngày hoặc được chiếu sáng rõ đều có sự khác biệt lớn cả về độ rõ nét và màu sắc.

Vì vậy, trước khi sử dụng để thực hành lái xe hoặc ngắm bắn vào ban đêm cần phải cho người học làm quen với khí tài, tập quan sát nhận dạng vật thể trên các loại địa hình khác nhau... nhiều lần rồi mới sử dụng trong thực tế.

Khí tài quan sát, ngắm bắn trên tăng đều thuộc loại khí tài quang học, quang - điện tử, dễ bị hư hỏng, nứt vỡ, ẩm mốc... nên có những quy tắc bảo quản, bảo dưỡng rất chặt chẽ và đặc thù.

Trách nhiệm của mỗi chiến sĩ xe tăng là phải nắm chắc và thực hiện cho đúng để giữ gìn "đôi mắt" của mình lúc nào cũng tinh tường, sáng láng.

**3. Trận đánh đầu tiên trên hướng Đông Nam Campuchia và nhiệm vụ đặc biệt:
"Người còn thì xe còn"**

Để đảm bảo an toàn và hoàn thành nhiệm

*vụ, nhóm thống nhất về canh gác đêm mang 2
băng AK và 4 trái lựu đạn. Mật khẩu hỏi: Sắt;
đáp: Vàng. Trả lời sai bắn ngay, không hỏi lại!*

Sau ngày đất nước thống nhất 30.4.1975, viễn cảnh hòa bình, độc lập đã mở ra trước mắt dân tộc Việt Nam đầy xán lạn. Tuy nhiên, "cây muốn đặng, gió chẳng đừng", bè lũ Khmer Đỏ đã nhiều lần tiến công sang đất nước ta, gây nên những cuộc thảm sát vô cùng tàn bạo ở vùng biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

Không thể để cho chúng muốn làm gì thì làm, cuối năm 1978 đòn trừng phạt khủng khiếp đã chuẩn bị giáng xuống đầu bọn chúng với sự tham gia của nhiều binh đoàn chủ lực.

Trận đánh bóc vỏ mở cửa trên mặt trận hướng Đông Nam

Trung tuần tháng 12.1978, Lữ đoàn xe tăng 203 nhận lệnh sẵn sàng chiến đấu. Tuy nhiên, trước mặt lữ đoàn chỉ phổ biến xuống các đơn vị là chuẩn bị mọi mặt để tham gia diễn tập thực binh, mọi công tác chuẩn bị phải xong trước ngày 20.12.

Công tác chuẩn bị được thực hiện đúng theo kế hoạch, sáng ngày 20 các xe tăng ra kho đạn lĩnh đủ cơ số lắp vào xe rồi về tập trung tại vị trí

quy định. Mọi người bàn tán không biết diễn tập ở đâu mà lấp đầy đạn thế này?

Sẩm tối ngày 20.12.1978, cả lữ đoàn ra đường 1, sau khi qua đèo Phú Gia, đèo Phước Tượng, đèo Lãng Cô thì cả đoàn dừng lại kiểm tra kỹ thuật chuẩn bị vượt đèo Hải Vân. Khoảng 3h sáng ngày 21.12, cả đoàn đến quân cảng Đà Nẵng và lên tàu của hải quân.

Sau 4 ngày 4 đêm lênh đênh trên sóng nước, lữ đoàn có mặt ở Tri Tôn, tỉnh An Giang và về đóng tại chân núi Cấm Sơn. Đến tận lúc này chiến sĩ trong đơn vị mới biết là đi đánh nhau chứ không phải là đi diễn tập.

Nhiệm vụ của lữ đoàn là trong đội hình của quân đoàn tăng cường cho Quân khu 9 tiến công từ hướng Đông Nam lên.

Đại đội xe tăng 3, Tiểu đoàn 1 được giao nhiệm vụ đánh bóc vỏ, mở cửa tại khu vực làng Xôm Đông và làng Xôm Tây, tạo điều kiện cho chủ lực thọc sâu sang đất Campuchia.

Khoảng 18h, Đại đội 3 xuất phát từ chân núi Cấm theo đội hình hàng dọc. Tất cả đi với tốc độ chậm, chân dầu nhỏ, không được bật đèn và có công binh dẫn đường. Đoàn xe qua thị trấn Ba

Chúc đồ nát xác xơ. Gần nửa đêm thì vượt qua mốc biên giới để tiến vào vị trí chiếm lĩnh.

Gần sáng, mấy quả pháo hiệu xanh lè bắn lên báo giờ "G" bắt đầu, sương mù đã tan, nhìn rõ được khá xa. Trên không trung từng tốp 3 chiếc máy bay bay về phía núi cắt bom. Những cột lửa đỏ rực bùng lên kèm theo những tiếng nổ lớn sáng lòe cả dãy núi.

Phía sau, đủ các loại pháo thi nhau phóng đạn như mưa, tiếng nổ long trời lở đất, khói đạn cay xè khét lẹt nồng nặc, cả một vùng rung chuyển lửa khói mịt mù, lá ngụy trang trên xe bay sạch sẽ.

Có lệnh "Xuất kích", Đại đội xe tăng 3 lợi dụng khói lửa của pháo rô máy tiến lên. Các xe phát huy tất cả các loại hỏa lực trên xe vừa chạy, vừa bắn vào tiền duyên quân địch. Trước hỏa lực dữ dội và xung lực mạnh mẽ của xe tăng và bộ binh, cứ điểm địch nhanh chóng bị tiêu diệt.

Xe tăng dẫn dắt bộ binh tiến sâu vào phía trong làm chủ trận địa. Từ phía sau, chủ lực của lữ đoàn và các lực lượng khác của quân đoàn nối đuôi nhau tiến sâu vào đất Campuchia, bắt đầu chiến dịch phản công từ phía Đông Nam.

Trận đánh mở màn chiến dịch đã diễn ra

hết sức nhanh chóng và giành thắng lợi vang dội, lớp vỏ cứng đã bị chọc thủng, cửa mở đã thông.

Nhiệm vụ đặc biệt: "Người còn thì xe còn..."

Hoàn thành nhiệm vụ mở cửa mở, Đại đội xe tăng 3 lùi về phía sau để củng cố. Lúc dồn đội hình, xe 838 không may bị sa lầy, bên trái xe ngập bánh chịu nặng, bùn đất lên tới lan can, bên phải ngập 1/2 bánh chịu nặng, thân xe nghiêng 15 - 17 độ. Xe càng nỗ lực tự cứu mình thì càng lún sâu xuống bùn.

Do nhiệm vụ gấp gáp, đơn vị phải lên đường chiến đấu ngay không tổ chức cứu kéo được, một tổ gồm 9 chiến sĩ được giao ở lại bảo vệ xe. Trung sĩ Nguyễn Văn Điều được giao nhiệm vụ chỉ huy nhóm chiến sĩ này. Ngoài xe 838 bị sa lầy ra còn 1 xe ô tô Hồng Hà của Sư đoàn 304 bị hỏng nữa.

Đích thân Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Ngọc Sự giao nhiệm vụ cho nhóm, anh nhấn mạnh mệnh lệnh: *"Xe tăng là phương tiện chiến đấu của quân đội, là khối tài sản lớn mà Tổ quốc, nhân dân giao cho chúng ta. Vì vậy, nhiệm vụ của nhóm là phải bằng mọi cách bảo vệ xe với tinh thần người còn*

thì xe còn, người mất xe mới mất!".

Ngay sau đó, toàn bộ đơn vị lên đường tiến sang phía Tây.

Trong điều kiện ở trên đất Campuchia, quân địch chưa bị tiêu diệt hoàn toàn, chúng mới bị vỡ trận tháo chạy vào rừng, quân ta chưa có điều kiện truy quét, lực lượng thì mỏng, trang bị vũ khí ít... thật sự là một nhiệm vụ bất ngờ và quá nặng nề đối với nhóm chiến sĩ này.

Để đảm bảo an toàn và hoàn thành nhiệm vụ, nhóm thống nhất canh gác thế này: mấy lính già gác đêm - từ khoảng 23 giờ tới sáng, còn cánh lính trẻ gác ngày và nấu cơm.

Về ngủ, không mắc màn mà chỉ quấn màn, nằm so le, súng lên đạn khóa an toàn để bên cạnh. Gác đêm mang 2 băng AK và 4 trái lựu đạn. Mật khẩu hỏi: Sắt, đáp Vàng. Trả lời sai bắn ngay, không hỏi lại!

Để nắm vững tình hình các anh còn tổ chức đi trinh sát vào sâu trong núi. Tiến sâu vào khoảng gần 1km thì thấy một doanh trại của lính Pôn Pốt, gồm hơn 20 cái lều dã chiến. Lều nào cũng còn rất nhiều đạn AK, hòm nguyên, hòm cạy dở vung vãi. Tất cả chúng tỏ địch rút chạy có chỉ huy, chúng

chủ động rút sâu vào trong rừng. Mức độ nguy hiểm cho nhóm công tác tăng lên.

Không thể nằm yên chờ may rủi, nhóm thống nhất phải tự huấn luyện cho anh em thật thành thạo chiến thuật chiến đấu cá nhân.

Đồng thời cũng phải huấn luyện cho anh em sử dụng súng 12,7mm, súng máy K53 và bắn pháo 100mm. Đồng chí lái xe hướng dẫn anh em cách lái xe tăng đề phòng khi cần thiết có thể chạy được...

Sau 4 ngày còn liên lạc được với lữ đoàn. Từ ngày thứ 5 trở đi thì hoàn toàn không liên lạc được. Mở đài ra chỉ thấy tiếng Khmer. Điều đó chứng tỏ quân ta càng ngày đi càng xa, còn địch vẫn quanh quẩn trong khu vực. Tình hình hết sức căng thẳng. Ngoài việc canh gác tại chỗ nhóm phải tổ chức thêm các vọng cảnh giới từ xa và thường xuyên tuần tra xung quanh.

Trong khi đó, lương thực, thực phẩm cũng cạn dần. Nhóm phải tổ chức cho bộ đội đi tát cá, thu nhặt trái dừa từ những cây dừa đổ do pháo bắn, xe đè... để sử dụng. Đồng hồ, lịch không có nên nhóm cũng quên luôn ngày tháng.

Một hôm, khoảng 7 giờ sáng một toán bộ

binh khá đông từ phía đông nam tiến vào. Toàn nhóm báo động vào vị trí chiến đấu. Một số vào xe, một số lợi dụng địa hình địa vật sẵn sàng nổ súng.

Nhưng thật may! Đó không phải là địch mà là 1 trung đội công binh do trung đội trưởng Quy dẫn đầu đi tìm và tăng cường lực lượng cho nhóm. May nữa là họ đã không bắn nhầm nhau. Gặp nhau rồi họ mới biết, hôm đó là đầu tháng 2 năm 1979 và họ đã xa đơn vị hơn 1 tháng.

Hai ngày sau, 1 chiếc tăng T-54B số hiệu 844 và 1 xe thiết giáp trinh sát V100 do tiểu đoàn phó kỹ thuật Nguyễn Văn Đãi chỉ huy đã đến với họ. Thực ra, chiếc 844 này cũng bị hỏng ở Tà - keo và vừa mới sửa xong chạy về đây để cứu kéo xe 838. Chiếc xe Hồng Hà được thay phụ tùng cũng nổ máy tốt.

Sau khi tổ chức cứu kéo xe 838 lên khỏi bãi lầy, cả đội hình cơ động về đất Việt. Trên đường đi họ còn kéo thêm chiếc xe 918 bị hỏng vào bàn giao cho đơn vị bạn ở Tri Tôn.

∴ Trong khi đó, Lữ đoàn xe tăng 203 đã nhận lệnh cùng quân đoàn cơ động ra biên giới phía Bắc sẵn sàng đánh địch. Một lần nữa họ bị tách khỏi đội hình đơn vị.

Chờ thêm ít hôm nữa xe 838 và 844 mới được xuống tàu thủy ra Bắc và trở về đội hình lữ đoàn sau gần 3 tháng lưu lạc. Họ đã được lữ đoàn biểu dương vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đặc biệt được giao: "còn người, còn xe".

4. Lính xe tăng lái "mò" cả đêm để đúng giờ xuất kích: Trận mở màn cho Hành trình đến Dinh Độc Lập

Hành trình đến cái đích cuối cùng của Đại đội xe tăng 4 Lữ đoàn 203 đó là một hành trình dài hàng nghìn km với nhiều trận đánh ác liệt và trận đánh mở màn cho hành trình đó chính là trận Núi Bông ngày 23.3.1975.

Chốt chặn hướng Tây Nam của cố đô Huế

Những ngày cuối tháng 3.1975, trên mặt trận Trị Thiên tình hình thay đổi rất nhanh. Trên hướng Bắc, các đơn vị của tỉnh Quảng trị đã áp sát bờ sông Mỹ Chánh. Trên hướng Nam, Sư đoàn 325 đã cắt được một đoạn đường Quốc lộ 1. Huế đã bị cô lập và rơi vào tình trạng "cá nằm trên thớt".

Tuy nhiên, tướng Ngô Quang Trưởng vẫn hô hào "tử thủ" và đang tung ra những nỗ lực cuối

cùng nhằm cầm chân Quân giải phóng. Hấn tăng cường binh lực và trang bị cho hệ thống các cứ điểm phía Tây Nam Huế nhằm ngăn chặn hướng tiến công chủ yếu của Quân đoàn 2, trong đó có núi Bông.

Với độ cao khoảng 200 mét, lại nằm án ngữ ngay cạnh con đường 14 - huyết mạch nối Huế với cao nguyên Trung phần (đường 14 cũ xuất phát từ La Sơn, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế) - núi Bông có vị trí hết sức quan trọng. Với vị trí như vậy, núi Bông được xây dựng thành một cứ điểm mạnh, giữ vai trò chốt chặn hướng tiến công từ phía Tây Nam lên Huế.

Để mở đường cho đại quân xuống được đồng bằng giải phóng Huế, Bộ tư lệnh quân đoàn 2 quyết định phải nhổ được chốt chặn núi Bông. Tuy nhiên, một trung đoàn của Sư đoàn 324 đã bắt đầu tiến công cứ điểm này từ ngày 20.3 song không thành công.

Trước tình hình đó, Bộ tư lệnh Quân đoàn 2 quyết định đưa 2 Trung đoàn 1 và 2 của Sư đoàn 324 vòng tránh núi Bông, Mò Tào để xuống đồng bằng. Đồng thời tung Đại đội xe tăng 4 tăng cường cho Trung đoàn 3 tiêu diệt bằng được núi Bông.

Rời hậu cứ từ ngày 20.3, sau 3 ngày hành quân vượt qua những con đường quân sự làm gấp, đêm 21.3, Đại đội xe tăng 4 đã có mặt tại đỉnh dốc Động Truồi. Tại đây, đơn vị tạm dừng làm công tác chuẩn bị chiến đấu. Đại đội trưởng Thận cùng 3 cán bộ chiến sĩ đi trình sát thực địa. Tuy nhiên, chỉ có 5/7 xe đến đích vì 2 xe hỏng không theo kịp.

21 giờ ngày 22.4, Đại đội xe tăng 4 nhận lệnh đi đánh núi Bông. Song có một nghiêm lệnh truyền đến mọi lái xe: "Không được bật đèn!". Lý do: Động truồi cao gần 1.000 mét, từ trên đi xuống nên dầu chỉ 1 que diêm cũng bị ở dưới phát hiện ra và ngay lập tức pháo ở Mỏ Tàu sẽ hỏi thăm ngay.

Cũng may, trăng Mông 10 tuy không sáng vàng vạc nhưng cũng tạm đủ để nhìn thấy con đường mờ mờ trước mắt. Với lại, do đường 14 đã lâu không có cơ giới qua lại nên lau lách hai bên đường tốt um, có thể dựa vào khoảng trống trên đầu để phán đoán đường đi phía trước.

Sau gần trọn một đêm mò mẫm, 5 giờ sáng ngày 23.3 toàn bộ 5 xe của Đại đội xe tăng 4 đã đến chân dốc và còn cách núi Bông khoảng 4 km. Đúng lúc ấy, hỏa lực chuẩn bị bắt đầu bắn vào cứ điểm. Các xe được lệnh "Dỡ cố định!" để bước vào

chiến đấu.

Thế là tất cả những gì cố định ngoài xe được cấp tốc dỡ bỏ. Từ khí tài dự bị, lương thực thực phẩm, nồi niêu xoong chảo cho đến quân tư trang... tất cả được quăng xuống ven đường và giao cho 2 pháo hai dự bị trông nom.

Ngay sau khi dỡ xong cố định, toàn đại đội lập tức xuất kích với tốc độ cao nhất lên chiếm tuyến, triển khai trên một sườn đồi cách núi Bông khoảng hơn 1 km và bắt đầu bắn. Những nòng pháo 100 mm liên tục khạc lửa. Tuy nhiên, lúc này chỉ còn 3 xe vì xe 387 đã trúng mìn, cản đường tiến của 390.

Bãi lầy trên sườn núi và trận tập kích hỏa lực bất đắc dĩ

Pháo hỏa chuẩn bị đã chuyển làn. Có lệnh "Xung phong". Đường cơ động đã được công binh đánh dấu bằng những mảnh giấy trắng gắn trên ngọn lau. Sau khẩu lệnh chỉ huy đơn vị, xe của đại đội trưởng Bùi Quang Thận lao lên đầu tiên. Tiếp ngay sau đó là các xe 381, 380.

Nhưng có một điều gì đó bất thường đang xảy ra. Cái triển đồi nổi giữa tuyến triển khai và núi Bông khá bằng phẳng và bạt ngàn lau tượng là

cứng chắc hóa ra là một bãi lầy và trở thành cái bẫy đối với những cỗ xe tăng nặng hơn 30 tấn.

Lần lượt 2 xe 386 và 381 sa lầy. Riêng 380 phát hiện ra sớm kịp lùi lại nên thoát bẫy, tiếp tục bắn vào tiền duyên địch.

Lúc này, đội hình đại đội được bổ sung thêm xe tăng 390 của chính trị viên Vũ Đăng Toàn. Sau khi 390 kéo được xe 381 lên, cả 2 xe đầu lại mới kéo được xe của đại đội trưởng Thận lên vì lầy quá nặng. Trog khi đó, pháo địch bắn mạnh vào đội hình. Nguy hiểm nhất với các chiến sĩ bộ binh là những loạt pháo "chơm" bung nổ dày đặc trên đầu.

Sau những cố gắng tìm đường tránh không thành công, toàn đại đội dàn thành đội hình hàng ngang dùng hỏa lực bắn vào cứ điểm chi viện cho bộ binh. Với khoảng cách chỉ hơn 1.000 mét, xe dừng tại chỗ bắn, trời lại quang đãng nên các mục tiêu rõ mồn một và sau mỗi phát đạn 100 mm, một công sự địch lại tung lên.

Vậy là trận tiến công quân địch phòng ngự trong công sự trở thành trận tập kích hỏa lực "bất đắc dĩ". Tuy vậy, hiệu quả của nó lại rất cao.

Đến gần trưa thì quân địch trong cứ điểm

không thể chịu đựng nổi và bắt đầu rút chạy. Đại đội trưởng Thận điện xin sở chỉ huy cho truy kích nhưng cấp trên không đồng ý và thông báo cho biết đoạn đường 14 dưới chân Núi Bông rất nhiều mìn.

Cũng vì vậy, mặc dù chốt chặn núi Bông đã bị tiêu diệt, song xe tăng và các lực lượng cơ giới của quân đoàn 2 vẫn chưa "xộc" thẳng xuống đường 1 được. Các lực lượng công binh của quân đoàn 2 phải xử lý mất hơn 1 ngày đoạn đường 14 dưới chân núi Bông mới sạch mìn.

Trận đánh mở màn cho hành trình của Đại đội xe tăng 4 dù có những "trục trặc" song đã giành thắng lợi rực rỡ. Tuy nhiên, ngày hôm đó cán bộ chiến sĩ toàn đại đội đành gặm lương khô, uống nước lã bởi toàn bộ lương thực thực phẩm cũng như nồi niêu, xoong chậu... đã vội vàng quẳng hết xuống để kịp thời gian bước vào chiến đấu.

5. Tình huống hy hữu trên đường xuất kích của xe tăng Việt Nam: Trúng mìn - Số "đen" thì phải chịu!

∴ *Tráng từ từ mở mắt ra rồi nhòm dấy, lẩm bẩm: "Xe tôi bị mìn phải không anh?". Toàn xác nhận rồi nhắc Trường: "Vào xe xem có cậu nào làm sao không?"*

Lệnh hành quân cấp tốc...

Tại chân Động Truồi, sau khẩu lệnh "Dỡ cố định!", cả 5 xe tăng của Đại đội xe tăng 4, Lữ đoàn 203 nhanh chóng chặt, tháo dây cố định và ném tất cả những gì vướng víu trong xe, ngoài xe xuống vệ đường.

Các pháo thủ hai Khoái và Lục được giao nhiệm vụ trông giữ đồng đồ này. Dỡ cố định xong, toàn đại đội nhanh chóng xuất kích lên chiếm "tuyến triển khai".

Đội hình đại đội thành một hàng dọc. Đi đầu là xe 386 của Đại đội trưởng Bùi Quang Thận, tiếp đó là 381 của trung đội trưởng Trung đội 1 Mai Hồng Trị, 380 của trưởng xe Nguyễn Đình Luông, 387 của trung đội trưởng Trung đội 2 Phạm Xuân Tráng, cuối cùng là 390 của chính trị viên Vũ Đăng Toàn.

Con đường 14 đoạn này nhỏ hẹp như một con đường độc đạo, chỉ vừa hai băng xích xe tăng nhưng các xe vẫn không giảm tốc độ vì pháo hỏa chuẩn bị đã bắt đầu rồi.

... nhưng "số nhỏ"

Dỡ cố định chậm hơn một chút nên hai xe 387 và 390 chạy sau đội hình chính hơi xa. Trong

khi xe 386 và hai xe của trung đội 1 bắt đầu rẽ lên sườn đồi thì xe của Tráng mới đến khúc cua cách đó gần năm trăm mét, Tráng giục lái xe Thanh: "*Chạy nhanh lên chứ! Sao bỏ xa đội hình thế kia?*". :

Lái xe Thanh nghiêng rằng tổng số bốn và tăng ga, chiếc xe lao đi phăm phăm, ngay cả khi vào cua nó cũng chỉ hơi giảm tốc độ. Bỗng tất cả trước mắt Thanh tối sầm, một tiếng nổ dữ dội vang lên ngay dưới bụng xe, Thanh cảm thấy không thể điều khiển được chiếc xe nữa và gục đầu xuống kính lái.

Vừa giục lái xe tăng tốc độ xong, trưởng xe Tráng nhôм hắп người chống hai tay lên cánh cửa trưởng xe để quan sát. Bỗng có một mảnh lực nào đó hất tung anh lên và ném xuống buồng truyền động phía sau.

Từ phía sau chính trị viên Vũ Đăng Toàn thấy một quầng bụi trùm kín xe Tráng, anh biết xe 387 đã vướng mìn nên giục lái xe Tập tăng tốc độ. Xe vừa dừng đằng sau xe 387 Toàn đã hô: "Tất cả xuống xe, xem xe 387 có ai việc gì không?".

Toàn và pháo thủ hai Trường là những người xuống xe đầu tiên. Cả hai giật mình khi thấy

Tráng nằm bất động trên buồng truyền động, còn hai chiến sĩ công binh bị hất khỏi xe đang rên rỉ bên vệ đường. Trèo lên xe Toàn vỗ mạnh vào vai Tráng: *"Tráng! Tráng! Tỉnh lại đi!"*

Tráng từ từ mở mắt ra rồi nhòm dậy, lầm bầm: *"Xe tôi bị mìn phải không anh?"*. Toàn xác nhận rồi nhắc Trường: *"Vào xe xem có cậu nào làm sao không?"*.

Pháo thủ Trường chui vào trong xe. Trong buồng chiến đấu khói bụi chưa tan hết nhưng vẫn nhìn thấy pháo thủ Phong đang nằm gục đầu trên hộp điều khiển pháo, pháo thủ hai Thành ngồi dựa lưng vào thành xe, còn lái xe Thanh gục đầu vào kính lái, cả ba đều bất tỉnh nhân sự.

Trường vội lay gọi Thành, rồi Phong. Cả hai đều mở mắt nhưng ngơ ngác không hiểu điều gì đã xảy ra. Lúc này cả lái xe Tập, pháo thủ Nguyên cũng đã trèo lên xe và đang kéo lái xe Thanh ra ngoài.

Phải mất mấy phút cả xe 387 mới định thần lại được. Nhìn xuống mặt đường dưới bụng xe thấy hai cái hố nằm cạnh nhau. Thì ra đây là một cặp 2 quả mìn chứ không phải một quả riêng lẻ.

Cặp mìn "đúp" đã làm bay cả trục bánh dẫn

hướng và hơn chục mắt xích, sức mạnh của nó làm bật khóa cửa an toàn nên cả Thanh, Thành và Phong đều bị sức ép. Phong còn bị cửa an toàn đập vào làm gãy xương cẳng chân. Riêng có Tráng bị hơi thuốc nổ hất ra ngoài nhưng chỉ bị choáng nhẹ.

Nhìn lên trời không thấy hỏa lực, Toàn vội nói: *"Tớ phải đi ngay. Tráng ở đây lo khắc phục và đưa anh em đi viện nhé!"*. Ngay sau đó xe 390 tìm đường vòng tránh vượt lên tham gia chiến đấu.

Sau khi xe 390 đi khỏi, trưởng xe Tráng vội tổ chức đưa Thành và Phong đi quân y, *"cũng may có một số anh em công binh đi cùng chứ nếu không chẳng biết trông cậy vào ai"* Tráng thầm nghĩ.

Đưa thương binh đi xong xuôi, trưởng xe Tráng bảo lái xe Thanh: *"Nghiên cứu xem có khắc phục được không?"*

Sau cơn choáng lúc đầu giờ lái xe Thanh đã tỉnh hẳn, cậu ta chui xuống gầm xe quan sát và phát hiện ra hai cái hố. Thì ra đây là hai quả mìn chôn khá gần nhau, khi xích xe đè lên quả này nổ đã kích nổ cả quả thứ hai ở giữa bụng xe nên mới bẻ gãy khóa cửa an toàn được.

Về mặt lý thuyết thì trong trường hợp này

có thể không cần đến bánh dẫn hướng mà nối xích vòng qua bánh chịu nặng cũng có thể cơ động tạm thời được để đưa xe về vị trí trạm kỹ thuật sẽ khắc phục sau. Đã được học về điều đó nên lái xe Thanh quyết định sẽ làm như vậy.

Thanh chui vào xe ấn nút khởi động. Thấy động cơ vẫn làm việc cậu phấn khởi lắm và bảo Tráng: *"Bây giờ ta nối xích qua bánh chịu nặng thứ nhất là vẫn có thể chạy được!"*. Tráng lập tức đồng ý.

Thế là hai anh em cời trần ra cắt xích, nối xích mất gần một tiếng thì xong. Băng xích bên trái không có bánh dẫn hướng trông thật buồn cười, "y như thẳng cụt chân", Thanh nghĩ bụng vậy.

Sau khi nhìn ngó trước sau, Tráng xoa hai bàn tay lấm lem dầu mỡ vào nhau và bảo: *"Tiến lên, lùi lại một tý xem có điều khiển được không?"*. Sau đó anh ra trước đầu xe để chỉ huy.

Thanh nổ máy, vào số rồi cho xe tiến lên độ ba mét thì dừng lại gật gật đầu ra ý tốt. Tráng cũng gật đầu rồi xòe bàn tay ra đẩy về phía sau. Thanh gài số lùi, thả ly hợp, cậu kéo cần lái thử xem xe có chuyển hướng theo không, cái đầu cậu ta vẫn gật gà gật gù ra chiều đắc ý lắm.

Bỗng "ầm" một tiếng, một đụn khói từ phía sau xe bốc lên trùm kín chiếc xe, hơi thuốc nổ đầy Tráng nằm ngã ngửa "tên hên" xuống mặt đường. Lái xe Thanh mặt tái mét, cậu không hiểu đầu cua tai nheo ra làm sao nữa.

Đến lúc khói đã tan, hai anh em cũng đã trấn tĩnh được mới dám lò mò ra phía sau quan sát: cả cái bánh chủ động và gần chục miếng xích đã bị quăng đi đâu mất. Ngay chỗ đó là một cái hố toang hoác đang ngút khói.

Thủ phạm gây ra tiếng nổ và làm bay bánh chủ động của xe là quả mìn thứ ba. Ngồi phịch xuống mặt đường đầy bụi Tráng ngao ngán than: *"Đúng là số ần mày! Ba xe kia nó đi trước có sao đâu, đến xe mình thì lại bị. Đã thế lại bị những ba quả thì còn gì là xe nữa?"*

Thật là *"may hơn khôn! Số đã nhỏ rồi thì phải chịu thôi"*. Nhưng quả thật cũng là một tình huống hy hữu: Vẫn con đường độc đạo đó, 3 xe 386, 381, 380 đi trước không sao mà xe thứ tư lại bị. Và không chỉ 1 quả!

6. Vô quýt dày có móng tay nhọn - Bí kíp có "một không hai" của lính xe tăng Việt Nam

Lái xe tăng có vị trí ngồi rất thấp, khi bị đèn pha xe ngược chiều chiếu, các lái xe hầu như không nhìn thấy gì nữa. Nhưng, vỏ quýt dày có móng tay nhọn.

Xử lý quá nhiệt động cơ ư, quá là đơn giản!

Động cơ sử dụng cho xe tăng thường là động cơ đốt trong, chạy bằng nhiên liệu diesel với công suất khoảng hơn 500 mã lực. Để động cơ làm việc bình thường, có hai hệ thống rất quan trọng là Hệ làm mát và Hệ làm nhòn.

Hệ làm mát có nhiệm vụ giữ cho nhiệt độ của động cơ không cao quá, tránh cho việc cháy, dính động cơ. Chất liệu sử dụng là nước và không khí. Nhiệt độ chuẩn của nước làm mát là từ 70 - 90 độ C, không quá 105 độ C.

Nhiệt độ nước làm mát thường bị tăng do: thiếu nước, két mát nước bị bẩn hoặc do động cơ làm việc quá tải thời gian dài, điều thường xảy ra khi xe phải vượt qua những con dốc cao và dài.

Còn Hệ làm nhòn có tác dụng làm nhòn, bôi trơn các bề mặt chuyển động của động cơ bằng các loại dầu nhớt. Để thực hiện được chức năng này, dầu nhớt cũng không được có nhiệt độ

quá cao.

Cũng như nước, nhiệt độ dầu nhớt chuẩn là từ 70 - 90 độ C và không quá 110 độ C. Nguyên nhân nhiệt độ dầu tăng cao cơ bản như đối với nước làm mát.

Do tầm quan trọng như vậy, cả hai chỉ số nhiệt độ nước và dầu nhớt đều được thể hiện trên bảng đồng hồ ngay trước mặt lái xe. Người lái xe phải thường xuyên theo dõi hai đồng hồ này và khi thấy quá nhiệt độ quy định thì phải có biện pháp xử trí ngay.

Trường hợp nhiệt độ nước làm mát lên cao, lái xe phải dừng xe, về số 0 sau đó tăng chân dầu cho máy nổ làm việc ở vòng quay cao vài phút. Mục đích của việc này là giảm tải động cơ, tăng tuần hoàn của nước trong hệ làm mát và tốc độ quay của quạt gió để hạ nhiệt độ.

Còn khi nhiệt độ dầu lên cao, cách xử trí là dừng xe, về số 0 để giảm tải cho động cơ, giảm chân dầu cho động cơ làm việc ở vòng quay thấp vài phút. Mục đích của việc này là giảm ma sát giữa các bề mặt chuyển động của động cơ.

Trong trường hợp cả hai chỉ số đều tăng quá tiêu chuẩn thì người ta ưu tiên xử trí hạ nhiệt

độ cho nước làm mát trước và hạ nhiệt độ dầu sau. Có điều chú ý là tuyệt đối không được tắt động cơ ngay khi thấy nhiệt độ cao.

Tuy nhiên, đang trên đường hành quân gấp gáp mà phải dừng lại xử trí như vậy thì quá mất thời gian. Và từ thực tế hành quân khi vượt các đèo Cả, Cù Mông, các lái xe già đời của Đại đội xe tăng 4, Lữ đoàn 203 đã tìm ra một cách xử trí mới rất đơn giản mà hoàn toàn không ảnh hưởng tới tốc độ hành quân.

Đây là hai trong số rất nhiều con đèo trên con đường thiên lý Bắc - Nam có độ dốc khá cao và độ dài cũng tương đối, phải đến vài ki - lô - mét. Thường khi leo lên đến đỉnh đèo dưới cái nắng oi nồng của tháng Tư phương Nam là cả nhiệt độ nước và nhiệt độ dầu đều vượt quá ngưỡng an toàn. Và theo đúng quy tắc thì lúc này phải dừng xe xử trí.

Tuy nhiên, đã có một vài lái xe phát hiện ra rằng: nếu cứ để xe ở số 2 hoặc số 3 rồi cho xe trôi dốc theo quán tính, trong khi đó không tra nhiên liệu thì nhiệt độ nước và dầu nhớt sẽ nhanh chóng hạ xuống như có phép thần tiên. Tất nhiên là phải ở những nơi có chất lượng mặt đường tương đối tốt.

Thực ra thì hiện tượng đó là hoàn toàn đúng nguyên lý: do lực kéo xuống dốc, xe vẫn chạy và kéo theo cả động cơ làm việc.

Do đó máy bơm dầu, máy bơm nước và quạt gió vẫn hoạt động. Trong khi đó, do không tra dầu nên không có phản ứng cháy ở trong xi - lanh nữa. Chính vì thế nhiệt độ động cơ mới nhanh chóng hạ xuống.

Kinh nghiệm này sau đó được phổ biến và được nhiều lái xe trong đơn vị áp dụng. Tuy nhiên, khi vận dụng kinh nghiệm này cũng có phần nguy hiểm vì rất dễ bị phản chuyển hướng, nếu đường thẳng thì không sao chứ khúc khuỷu sẽ rất dễ bị lao xuống vực.

Vỏ quýt dày có móng tay nhọn

Chặng đường hành quân thì dài, thời gian thì ngắn, xe đã cũ lại nặng nề, nên tốc độ hành quân rất thấp, các đơn vị của Lữ đoàn xe tăng 203 phải hành quân cả ngày lẫn đêm. Miễn sao có mặt tại vị trí tập kết chiến dịch trước thời gian quy định.

Hành quân đêm có cái lợi là trời mát, nhiệt độ mặt đường cũng hạ thấp nên lực cản lăn giảm đỡ quá tải, quá nhiệt cho động cơ nên hầu như đêm nào các đơn vị cũng tranh thủ

chạy đến quá nửa đêm mới dừng nghỉ lấy sức cho ngày hôm sau chạy tiếp.

Tuy nhiên, hành quân đêm có một cái khổ là phải đối diện với ánh sáng đèn pha của các phương tiện ngược chiều. Lái xe tăng có vị trí ngồi rất thấp, từ mặt đường lên chỉ khoảng hơn 1 mét. Các đèn chiếu sáng của xe có công suất cũng rất nhỏ, chỉ đủ chiếu sáng chừng chục mét trước mũi xe.

Trong khi đó, đèn pha của các xe ô - tô đi ngược chiều thì muôn hình vạn trạng và có một đặc điểm chung là sáng gấp nhiều lần đèn pha của xe tăng. Đã thế lại chiếu trực diện ngang tầm mắt người lái nên hết sức khó chịu.

Vậy là, mỗi khi bị đèn pha xe ngược chiều chiếu vào mắt các lái xe hầu như không nhìn thấy gì nữa. Những lần đầu, gặp tình huống này các lái xe tăng thường phải dừng lại, tắt đèn nhường cho "đối phương" chạy qua rồi mới tiếp tục hành quân.

Tuy nhiên, sự "nhường nhịn" đó ảnh hưởng rất nhiều đến tốc độ hành quân trung bình, nhất là khi phía đối diện là đoàn xe vài chục chiếc thì thời gian chờ đợi kéo dài hàng chục phút, gây khó chịu cho các lái xe.

Và một giải pháp đã được các lái xe tìm ra rồi rí tai nhau: không dừng lại nữa mà cứ nhằm thẳng đèn pha đó mà lao tới. Kết quả là, khi phát hiện ra trước mắt mình là một khối thép vài chục tấn đang lừng lững lao tới, tất cả các "đối phương" đều tắt đèn, thậm chí có lái xe còn hoảng hốt giật số lùi dạt hẳn vào vệ đường.

Tuy vậy, giải pháp này cũng chứa đựng sự nguy hiểm nhất định. Ấy là khi không làm chủ được tay lái có thể dẫn đến sự đâm húc giữa các phương tiện.

Ngoài ra, khi đi trong làn ánh sáng ngược đó cũng không dám đi nhanh và dẫn đến vẫn ảnh hưởng đến tốc độ hành quân.

Trong điều kiện đó, một sáng kiến nữa được phát minh. Đó là những xe có đèn pha hồng ngoại của trường xe, pháo thủ đồng loạt tháo kính lọc ánh sáng để chiếu sáng đường. Với công suất và pha đèn lớn, đèn pha OU - 3 có thể chiếu sáng đến hơn 300 mét, còn đèn L2 có thể chiếu đến 700 mét.

Dưới ánh sáng các đèn pha này, không một lái xe ô tô ngược chiều nào chịu được. Và tất cả đều "chịu phép", tắt máy, tắt đèn, nép vào

một bên nhường cho những con voi thép độc hành trên đường.

Kể ra, những "mánh khóe" này cũng không được chính tắc cho lắm song ít nhất nó cũng góp phần đẩy nhanh tốc độ hành quân của các đơn vị xe tăng trong cuộc hành quân "Thần tốc" năm 1975.

7. Trận chiến bi hùng của Bộ đội xe tăng Trung đoàn 273: 9 xe bị bắn cháy ngay trước giờ toàn thắng .

Thấy thành phố còn gần như nguyên vẹn, nhiều người tưởng cuộc tiến công giải phóng Sài Gòn ngày 30.4.1975 đã diễn ra một cách dễ dàng. Thực ra không phải vậy!

Đó là một loạt trận đánh hết sức ác liệt, thậm chí kéo dài cả đến sau khi Tổng thống Việt Nam cộng hòa Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

Đặc biệt là trận kịch chiến tại khu vực Ngã tư Bảy Hiền - Lăng Cha Cả trên đường tiến công đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hòa của lực lượng Quân đoàn 3.

Ngã tư Bảy Hiền và Lăng Cha Cả ở đâu?

Ngã tư Bảy Hiền (quận Tân Bình) là nút giao thông quan trọng ở cửa ngõ Tây Bắc thành phố. Từ đây có thể đi về trung tâm Sài Gòn qua đường Cách mạng Tháng 8 (Lê Văn Duyệt), quận 8 bằng ngả Lý Thường Kiệt (Nguyễn Văn Thoại), lên sân bay TSN bằng đường Hoàng Văn Thụ (Võ Tánh) hay về Hóc Môn, Củ Chi theo hướng Trường Chinh (Phạm Hồng Thái)...

Còn tại sao nó lại được mang tên Bảy Hiền thì hiện có nhiều giả thuyết khác nhau. Có giả thuyết cho rằng đó là tên của đại điền chủ Trần Văn Hiền - một người giàu có và hay làm phúc sống ở đây.

Song cũng có thuyết cho rằng ở đó có một quán cà - phê cóc mang tên Bảy Hiền. Còn theo nhà văn Sơn Nam thì Bảy Hiền là một ông chủ giàu có chuyên đứng bán cỏ cho ngựa kéo xe ở khu vực ngã tư này trong giai đoạn năm 1930.

Còn Lăng Cha Cả là tên gọi khu vực lăng mộ của một giáo sĩ người Pháp. Đó cũng là một giao lộ của nhiều con đường. Đặc biệt, đó là cửa ngõ chính để vào sân bay Tân Sơn Nhất và cũng rất gần với Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam cộng hòa. Vậy Cha Cả là ai?

Cha Cả là tên thường gọi của Giáo sĩ Bá Đa Lộc, người Pháp. Năm Tây Sơn khởi nghĩa, Nguyễn Ánh cầu viện Xiêm La nhưng đại bại. Nguyễn Ánh phải cầu viện Pháp, qua trung gian là Cha Cả.

Cha Cả cùng Hoàng tử Cảnh (con Nguyễn Ánh) qua Pháp; một thỏa ước tiếp viện được ký kết, nhưng sau đó lại không được thực hiện. Cha Cả tự thành lập một lực lượng để tiếp viện Nguyễn Ánh.

Tuy lực lượng do Cha Cả lập nên không mấy hùng hậu, nhưng đã giúp Nguyễn Ánh có được niềm hưng phấn, thuận lợi cho thế tấn công quân Tây Sơn, thống nhất được Nam Bắc, lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Gia Long. Bởi vậy, Gia Long rất trọng vọng Cha Cả, xem ông là Giám mục Thượng sư.

Cha Cả mất vì bạo bệnh năm 1799. Ông được đưa về an táng tại tỉnh Gia Định, ở khu vực Vườn Xoài - Tân Sơn Nhất. Tại đây, lăng mộ của ông được xây dựng khá hoành tráng, rộng tới 2.000 m² và mang tên Lăng Cha Cả.

Khi sân bay Tân Sơn Nhất và cơ quan Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam cộng hòa được

xây dựng ở xế phía Bắc Lãng Cha Cả, thì ngôi lăng bị thu hẹp lại thành một điểm hình tròn, nằm lọt giữa đường Võ Tánh (bây giờ là đường Hoàng Văn Thụ, thuộc địa phận Phường 4, quận Tân Bình). Tuy vậy, toàn bộ khu vực xung quanh vẫn được gọi là khu vực Lãng Cha Cả.

Hai giao lộ này cách nhau khoảng 1 km và có một điểm tương đồng là chúng cùng nằm trên con đường mà lực lượng thọc sâu của Quân đoàn 3 phải vượt qua để tiến công sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu.

Với vị trí quan trọng như vậy, lực lượng phòng ngự tại đây ngoài các đơn vị đồn trú tại chỗ còn được tăng cường Liên đoàn Biệt kích ch Dù 81 - lực lượng tinh nhuệ nhất của Việt Nam cộng hòa do thiếu tá Phạm Châu Tài chỉ huy.

Từ khúc dạo đầu ở Ngã tư Bảy Hiền

Sau 3 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, các đơn vị của Quân đoàn 3 đã cơ bản đánh tan lực lượng phòng thủ vòng ngoài của địch. Đến tối ngày 29.4, lực lượng thọc sâu của quân đoàn bao gồm Trung đoàn BB 24 (Sư đoàn 10) và Tiểu đoàn xe tăng 1 (Trung đoàn xe tăng 273) đã tới khu vực Ngã ba Bà Queo, sẵn sàng cho

trận đánh cuối cùng.

Sáng sớm ngày 30.4, Thê đội 1 của đội hình thọc sâu gồm 7 xe tăng T-54 của Đại đội xe tăng 1 và 4 xe K63 của Đại đội 11 do quyền đại đội trưởng Nguyễn Hồng Tư chỉ huy cùng với một đại đội BB tiến về phía Ngã tư Bảy Hiền.

Phía Việt Nam cộng hòa cho máy bay ném bom đánh phá suốt dọc đường, đồng thời đưa xe tăng, bộ binh ra ngăn chặn.

Bất chấp sự cản phá của địch, lực lượng đi đầu do xe tăng T-54 số 979 của Nguyễn Hồng Tư dẫn đầu sử dụng mọi loại vũ khí trong trang bị vừa đi vừa bắn, tiêu diệt nhiều địch và chiếm được ngã tư Bảy Hiền.

Tuy nhiên, khi vượt qua ngã tư và rẽ trái để hướng về phía Công 5 sân bay thì xe 979 bị 1 xe M48 phục ở hướng bệnh viện Vì Dân bắn trúng. Xe bốc cháy, các thành viên hy sinh. Xe 985 của trung đội trưởng Mai Trọng Hoạt vừa lao lên ngã tư cũng bị địch bắn hỏng pháo.

Đúng lúc đó, 2 xe tăng M48 từ phía bệnh viện Vì Dân chạy tới. Khoảng cách giữa các xe tăng nhanh chóng rút ngắn lại. Pháo đã bị hỏng, không còn khả năng tiêu diệt M48, trưởng xe Mai

Trọng Hoạt ra lệnh cho xe lao thẳng. Lái xe Phùng Văn Tính nhấn ga, chỉnh cần lái cho xe lao thẳng vào chiếc M48 đi đầu.

Có lẽ do quá hoảng sợ, tên lái xe M48 khựng lại rồi giật số lùi. Xe 985 vẫn lao tới, xe M48 luống cuống lùi vào một ngôi nhà ven đường. Ngôi nhà đổ sụp trùm lên chiếc xe, cả kíp xe vội thoát ra chạy mất.

Chiếc M48 chạy, tốp đi sau thấy vậy vội quay đầu rồi nhanh chóng bỏ chạy. Tuy vậy, xe 985 cũng phải nằm lại đó do trúng đạn địch.

Hai xe đi đầu trúng đạn song các xe sau vẫn dũng mãnh xông lên chiếm được Ngã tư Bảy Hiền. Sau khi chờ pháo binh của Mặt trận bắn vào sân bay, Thê đội 1 của lực lượng thọc sâu tiếp tục bổ sung lực lượng lên và tiến về mục tiêu chủ yếu là sân bay Tân Sơn Nhất theo đường Võ Tánh (Hoàng Văn Thụ ngày nay).

Bi hùng Lăng Cha Cả

Vì là cửa ngõ chính vào sân bay Tân Sơn Nhất và gần sát Bộ Tổng tham mưu nên lực lượng phòng thủ ở khu vực Lăng Cha Cả rất mạnh, rất thiện chiến - nhất là Liên đoàn Biệt kích Dù 81. Đặc biệt, chúng lợi dụng các nhà cao tầng và các

công trình cao để bố trí các vũ khí một cách dày đặc và rất khó phát hiện để tiêu diệt.

9 giờ 20, Đại đội xe tăng 1 cùng bộ binh đã đến cách Lăng Cha Cả chừng 100 mét. Hai xe tăng đi đầu bắn mạnh vào khu vực lăng và xung quanh. Phía bên kia cũng bắn trả dữ dội. Khói bụi mù mịt trùm lên toàn bộ khu vực.

9 giờ 30, xe tăng và bộ binh bắt đầu xung phong về hướng sân bay. Khi vượt qua Lăng Cha Cả được khoảng 100 mét thì xe 875 đi đầu trúng đạn bốc cháy. Xe thứ hai vừa vượt qua ngã ba cũng bị bắn cháy.

Xe K63 của đại đội trưởng Đại đội 11 bám sát yểm hộ 2 xe tăng cũng bị trúng đạn. Mũi tiến công này của xe tăng và bộ binh bị chặn lại.

Sau khi nghiên cứu lại tình hình, trung đoàn trưởng bộ binh và tiểu đoàn trưởng xe tăng quyết định điều 2 khẩu pháo 85mm lên bắn trực tiếp, đồng thời điều Đại đội xe tăng 2 lên thay cho Đại đội xe tăng 1 tiếp tục đột phá.

Lúc 10 giờ, Đại đội xe tăng 2 tiến đến Lăng Cha Cả và được lệnh dừng lại quan sát đường tiến và chờ bộ binh tiếp cận địch mới xung phong.

Khẩu đội pháo đầu tiên của Trung Đoàn

PB 4 do Đại đội trưởng Chính chỉ huy vừa vào tới khu vực bên trái Lăng Cha Cả, đang triển khai pháo, chưa kịp nổ súng thì đã trúng hỏa tiễn của địch. Pháo hỏng, cả khẩu đội cùng Đại đội trưởng Chính hy sinh.

Trước tình hình pháo binh chưa thể triển khai tấn công được. Trung đoàn phó Trương Văn Việt quyết định đột phá sang khu vực bên trái Lăng Cha Cả. Bộ binh được chia thành 2 mũi. Một mũi cùng xe tăng đánh theo công số 5. Một mũi đánh vào công phía Tây.

Có lệnh xung phong, xe 326 vừa vượt qua Lăng Cha Cả lại bị bắn cháy. Phát hiện địch từ phía công Bộ Tổng tham mưu bắn sang, đại đội trưởng lệnh cho các xe tập trung hỏa lực tiêu diệt. Tuy nhiên, do nhiều nhà cao tầng, tầm quan sát trong xe lại hạn chế nên hiệu quả đánh trả khá thấp.

Sau khi chế áp được một phần hỏa lực, xe tăng và bộ binh tiếp tục xung phong. Tuy nhiên, xe 815 vừa vượt qua khu vực Lăng Cha Cả được một đoạn lại bị bắn cháy. Lúc này, xung quanh vị trí đó đã có 5 xe tăng và thiết giáp cháy nên đường bị tắc, khói lửa mịt mù.

Phát hiện thấy một con đường ở phía tây

Lăng Cha Cả, đại đội trưởng Đại đội 2 lệnh cho xe 353 tiếp tục xung phong về phía sân bay. Song mới đi được chừng 100 mét, xe 353 lại bị bắn hỏng. Các thành viên không rời xe mà tiếp tục dùng hỏa lực 12,7 mm và K53 chi viện bộ binh xung phong.

Bên công phía Tây, sau khi tiêu diệt được một số chốt chặn, 3 xe tăng của Đại đội xe tăng 1 và 4 xe K63 của Đại đội 11 cùng bộ binh xung phong vào sân bay, đánh chiếm Khu truyền tin, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 5 Không quân địch, Bộ Tư lệnh Dù...

Trong khi đó, cánh quân của Tiểu đoàn xe tăng 2 và Trung đoàn BB 28 sau khi đánh chiếm được quân trường Quang Trung thì nhận lệnh nhanh chóng tiến công Bộ Tổng tham mưu địch.

Thấy khu vực Lăng Cha Cả đang bị ùn tắc bởi hỏa lực địch tập trung ngăn chặn và xác xe tăng cháy, được một thanh niên dẫn đường, cánh quân này rẽ sang đường Trương Minh Ký để tiến về Bộ Tổng tham mưu.

Cuộc chiến đấu ở công Bộ Tổng tham mưu và công sân bay vẫn đang quyết liệt thì 4 - 5 chiếc xe lam treo cờ giải phóng xuất hiện. Trên xe toàn thanh niên đeo băng đỏ, trống, chiêng rầm rầm

chạy từ phía ngã tư Bảy Hiền lên. Họ hô lớn: "Dương Văn Minh đầu hàng rồi! Hòa bình rồi các chú ơi!".

Các chiến sĩ BB phải đứng ra giữa đường ngăn và nói lớn: "Yêu cầu tất cả quay lại. Ở đây vẫn còn đang đánh nhau". Số thanh niên này có vẻ chưa tin thì đúng lúc đó pháo của địch bắn tới. Cả đoàn xe hốt hoảng, rú ga quay đầu chạy. Nhưng cũng nhờ vậy, các chiến sĩ ở đây biết Tổng thống Dương Văn Minh đã đầu hàng.

Mặc dù vậy, tại khu vực Lăng Cha Cả cuộc chiến vẫn diễn ra rất ác liệt. Binh sĩ Liên đoàn Biệt kích Dù 81 coi như chưa biết gì về Tuyên bố đầu hàng của Tổng thống Dương Văn Minh và vẫn chống cự quyết liệt. Chỉ đến khi các mũi tiến công khác làm chủ được sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu, tiếng súng ở đây mới ngừng.

Cho đến lúc đó, tại khu vực Ngã tư Bảy Hiền và Lăng Cha Cả đã có 8 xe tăng và 1 xe thiết giáp bị bắn cháy, hỏng, nhiều cán bộ chiến sĩ xe tăng hy sinh. Tám ảnh những chiếc xe tăng cháy tại Lăng Cha Cả do một nhà báo nước ngoài chụp được đã phần nào nói lên cuộc chiến đấu ác liệt ở đây.

Ngày chiều 30.4, các đơn vị tổ chức thu dọn chiến trường, làm công tác thương binh tử sĩ. Riêng các xe tăng cháy phải đợi 4 ngày sau, khi xe đã nguội bớt mới làm được việc đó. Các anh được đưa về an táng tại nghĩa trang Tân Xuân. Ở nghĩa trang này có nhiều người hy sinh ngày 30.4.1975.

Năm 1980, Nhà nước ta quyết định di dời Lăng Cha Cả để phát triển giao thông. Hải cốt Cha Cả được Lãnh sự Pháp đưa về quê hương năm 1983. Sau đó lăng bị san bằng và trở thành bùng binh, là vòng xoay cho 5 ngã đường, ở giữa đặt một quả địa cầu lớn. Mặc dù vậy, người ta vẫn gọi đó là vòng xoay Lăng Cha Cả.

Ngày nay, địa hình, địa vật khu vực Ngã tư Bảy Hiền, Lăng Cha Cả đã thay đổi rất nhiều so với năm 1975. Rất nhiều con đường mới được mở, rất nhiều công trình mới được xây dựng lên... Giữa phồn hoa phố thị, ai còn nhớ nơi đây đã diễn ra một trận chiến bi hùng kéo dài nhất trong ngày cuối cùng của chiến tranh.

Còn các cựu binh đã từng tham gia chiến đấu tại khu vực này khi trở lại thăm chiến trường xưa thì chỉ thăm ao ước: *"Giá như tại đây có một tấm bia ghi lại trận đánh bi hùng đó!"*.

8. Xe tăng ta bị bắn cháy vẫn chiến đấu, địch hoảng sợ tháo chạy: Cuộc quyết chiến nghệt thờ.

Một viên đạn của địch bắn trúng thùng nhiên liệu, lửa bốc cháy dữ dội, khói lửa trùm kín cả xe, ba chiến sĩ bộ binh ngồi sau tháp pháo hy sinh.

Gác bút nghiên lên đường ra trận

Nguyễn Tự Chính quê Khánh Hòa nhưng lại sinh ở Tuy Hòa, Phú Yên. Chả là, ba Chính là cán bộ kháng chiến đang hoạt động ở quê nhà, năm 1950 khi má Chính mang thai, sợ bọn địch nghi ngờ và cũng để đảm bảo cho hai mẹ con ông đã quyết định gửi vợ ra Tuy Hòa để sinh nở.

Năm 1954, Chính theo ba má ra miền Bắc tập kết. Ra đi khi mới 4 - 5 tuổi, ấn tượng của Chính về quê hương chỉ là biển xanh, cát trắng và bát ngát rừng dừa. Lớn lên rồi, nghe ba má kể lại anh thường tự hào mình có hai quê: Khánh Hòa là quê cha đất tổ, còn Phú Yên là nơi chôn nhau cắt rốn.

Bạn bè gọi nhầm anh là Tự Chính anh cũng không sửa mà bảo: "*Càng tốt! Thế mới ra dáng người miền Nam!*".

Cuối những năm 60 của thế kỷ 20, khi

quân đội Mỹ đẩy mạnh chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, Chính đã nhiều lần tình nguyện tòng quân giết giặc. Anh tự nhủ: "bao bạn trẻ miền Bắc còn xung phong vào Nam giết giặc, mình là người miền Nam chẳng lẽ ngồi yên".

Thế rồi nguyện vọng của anh đã thành sự thật. Ngày 6.9.1971, Nguyễn TỰ CHÍNH - chàng sinh viên K14 - Đại học Bách khoa đã cùng với hàng nghìn sinh viên các trường đại học khác "gác bút nghiên lên đường ra trận" theo tiếng gọi của Tổ quốc, tiếng gọi của miền Nam quê hương.

Sau 3 tháng huấn luyện tân binh tại Sư đoàn 325, Nguyễn TỰ CHÍNH nằm trong số 100 sinh viên được điều về binh chủng Tăng Thiết giáp. Tại Đoàn huấn luyện 10, 50 người được biên chế vào học hệ chỉ huy, 50 người học hệ kỹ thuật.

Chính nằm trong số học kỹ thuật. Đây là lớp đào tạo kỹ thuật viên - người giúp ban chỉ huy đại đội thực hiện các nhiệm vụ công tác kỹ thuật tại đơn vị.

So với các bạn sinh viên về Tăng - Thiết giáp năm ấy, Chính có nhiều nét khác biệt. Trong khi hầu hết các sinh viên đều mảnh khảnh thư sinh

thì Chính lừng lững như một võ sĩ La - mã: cao trên 1 mét 7, vai vuông, ngực nở...

Trong khi các bạn "hót như khiêu" thì Chính lại trầm lặng, cả ngày chẳng nói một câu. Nhưng đằng sau vẻ bề ngoài đó là một tâm hồn chính trực, chân tình và cái tính "gan lì cóc tía"...

Có lẽ không ai trong số học viên lớp kỹ thuật ngày ấy quên được hình ảnh chiếc xe tăng do Chính lái âm âm lao với tốc độ cao qua "vách hụt". Đó là một vật chướng ngại có độ sâu hơn 1 mét, quy tắc lái là khi đến gần nó phải về số thấp để vượt qua, sau khi qua rồi lại tăng tốc rời khỏi.

Ấy vậy mà chàng học viên Nguyễn Tự Chính lại lao qua "vách hụt" bằng số 3. Ai cũng nghĩ cậu ta không sút đầu cũng mè trán. Nhưng không phải, sau khi xe dừng, Chính chui ra với vẻ mặt tỉnh khô như không có chuyện gì xảy ra.

Ngay sau đó, giáo viên tập hợp lớp lại để rút kinh nghiệm. Ông phê bình học viên đã không thực hiện đúng quy tắc lái. Không ngờ, cậu học viên ít nói nhất lớp lại mở miệng lý luận:

"Tôi thấy với chướng ngại vật này hoàn toàn có thể đi qua với tốc độ cao mà vẫn an toàn, tội gì mất công về số rồi lại lên số?"

Đến nước này, giáo viên chỉ biết nghiêm sắc mặt: *"Đã là quy tắc thì phải chấp hành cho đúng"*.

Lý sự thì lý sự thế thôi chứ Chính học tập rất nghiêm chỉnh. Với vốn kiến thức một sinh viên năm thứ ba Khoa Chế tạo máy, Đại học Bách khoa các nội dung về kỹ thuật Tăng - Thiết giáp được Chính tiếp thu một cách không quá khó khăn và kết quả thi cuối khóa của anh đều đạt khá, giỏi.

Cuối năm 1972, khóa học kết thúc, Nguyễn Tự Chính được điều về làm Kỹ thuật viên đại đội thuộc Tiểu đoàn 4, Trung đoàn xe tăng 201 tại Xuân Mai (Hòa Bình, nay thuộc Hà Nội). Tháng 12.1972, Tiểu đoàn 4 nhận lệnh đi tăng cường cho Mặt trận B3 với phiên hiệu Đoàn A16. Ước mơ trở về giải phóng quê hương của Chính đã ở trong tâm tay!

Vượt mưa bom, bão đạn về nơi chôn nhau cắt rốn

Cũng tương tự như mọi cuộc hành quân vào chiến trường, cuộc hành quân hơn 1.000 km của đoàn A16 vào B3 vô cùng gian khổ, ác liệt.

Từ Xuân Mai, các anh theo Đường 15 vào đến Tây Quảng Bình, từ đây vượt Trường Sơn sang Lào rồi đi dọc cao nguyên Nam Lào đến vùng

"ba biên giới". Từ đó lại quay ngược trở về Việt Nam.

Trên đường đi, ngoài đèo cao dốc đứng còn là sự ngăn chặn quyết liệt của không quân Mỹ. Bất chấp tất cả, các anh đã đưa được 100% trang bị vào đến vị trí tập kết.

Trong thành tích chung đó không thể không kể đến những đóng góp không nhỏ của chàng kỹ thuật viên dũng cảm Nguyễn Tự Chính.

Sau khi vào đến mặt trận, đơn vị của Nguyễn Tự Chính được bổ sung cho Trung đoàn xe tăng 273 vừa mới được thành lập.

Đại đội của Chính đổi phiên hiệu thành Đại đội 6 của Tiểu đoàn 2, do đồng chí Đoàn Sinh Hường (sau này là Trung tướng, AHLLVTND, Tư lệnh Binh chủng Tăng Thiết Giáp, Tư lệnh Quân khu 4) làm đại đội trưởng, đồng chí Huỳnh Rịch là chính trị viên. Chính vẫn làm kỹ thuật viên.

Cho đến giờ, khi nhắc lại về những ngày tháng ấy, Trung tướng Đoàn Sinh Hường vẫn bồi hồi: "Thật may mắn là đại đội tôi có đến 6 cựu sinh viên.

Đó là Nguyễn Tự Chính, Trương Công Đạo, Lê Minh Tân, Đỗ Đình Thành, Nguyễn Đình

Thịnh, Hoàng Ngọc Sỹ. Đó là những con người có kiến thức, có tự trọng, rất dũng cảm song cũng rất khiêm tốn. Họ thường là đầu tàu trong mọi nhiệm vụ của đơn vị".

Nhiệm vụ đầu tiên mà Đại đội xe tăng 6 được giao là cùng với bộ binh tiến công cứ điểm Đắc Pét - một cứ điểm rất lợi hại nằm sâu trong vùng giải phóng ngày 15.5.1974. Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cán bộ chiến sĩ ai cũng phấn khởi.

Ngay sau đó, cùng với toàn mặt trận, Trung đoàn xe tăng 273 bắt tay vào làm công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân 1975. Lúc này, đại đội của Chính một lần nữa đổi phiên hiệu thành Đại đội 9 thuộc Tiểu đoàn 3. Riêng Nguyễn Tự Chính được bổ nhiệm là trung đội trưởng Trung đội 1.

Thông thường, ở các đơn vị xe tăng cán bộ được phân chia thành hai hệ rõ rệt: chỉ huy và kỹ thuật. Các kỹ thuật viên nếu có phát triển thì lên đại đội phó kỹ thuật là chính chứ không mấy ai chuyển sang ngạch chỉ huy. Trường hợp như của Nguyễn Tự Chính là khá hiếm.

Sở dĩ có chuyện bổ nhiệm trái ngạch này là

do đại đội trưởng Hường thấy ở Chính có đầy đủ tố chất của một cán bộ chỉ huy: dũng cảm, thông minh, quyết đoán.

Nhất là khi anh xem Chính chơi cờ thì anh càng tin điều đó. Chính đánh cờ rất giỏi, những nước đi của anh thường rất dũng mãnh, sáng tạo, nhiều khi làm đối thủ bất ngờ, thua mà tâm phục, khẩu phục.

Bởi vậy, khi có sự điều động, chuyển biến về tổ chức, đại đội trưởng Hường đã mạnh dạn đề nghị lên cấp trên bổ nhiệm Chính làm trung đội trưởng. Và thật may, cấp trên đã chấp thuận đề nghị đó.

Về phía cá nhân, Chính phấn khởi lắm vì ở cương vị này anh sẽ được trực tiếp chiến đấu, không như anh chàng kỹ thuật viên lúc nào cũng lẹt đẹt đằng sau.

Trong trận tiến công Buôn Mê Thuột, Đại đội xe tăng 9 nằm trong thành phần mũi thọc sâu vào Bộ Tư lệnh Sư đoàn BB 23 của Việt Nam cộng hòa. Trung đội của Chính được phân công làm Thê đội 1. Chính cùng anh em nghiên cứu thật kỹ sa bàn và cách đánh, quyết tâm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ trên giao.

Thật không may, sau một đêm càn rừng để đi, khi chỉ còn cách cửa mở chừng hơn 1.000 mét thì xe của Chính bị sa lầy. Kíp xe đành đứng tại chỗ chỉ viện hỏa lực cho các xe bạn xung phong. Sau đó, cả kíp xe lại tập trung tự cứu đưa xe ra khỏi bãi lầy và tiếp tục tham gia chiến đấu, cùng các đơn vị bạn làm chủ Buôn Mê Thuật trưa ngày 11.3.1975.

Tiếp đó là liên tục các trận chiến đấu đánh địch phản kích xung quanh Buôn Ma Thuật, đánh địch rút chạy dọc Đường 7.

Ngày 21.3.1975, Đại đội xe tăng 9 được lệnh bàn giao các xe tăng T-54 còn lại cho các đơn vị khác để thu hồi xe tăng chiến lợi phẩm đưa vào sử dụng. Thực hiện mệnh lệnh của trên, các anh đã thu hồi được hơn 40 xe tăng M48 và M41.

Với sự giúp đỡ của các hàng binh, chỉ trong vòng 3 ngày huấn luyện, cán bộ chiến sĩ Đại đội XT9 đã sử dụng tương đối thành thạo hai loại xe chiến lợi phẩm.

Đến lúc này, được biết đơn vị mình sẽ nằm trong đội hình chiến đấu giải phóng thị xã Tuy Hòa và các tỉnh Nam Trung Bộ, Nguyễn Tự Chính vô cùng phấn khởi và tự hào vì chính mình sẽ được về

chiến đấu giải phóng quê hương.

Chiếc xe tăng M41 số hiệu 025 mà Nguyễn Tự Chính chỉ huy gồm 4 anh em. Ngoài anh ra còn có: Lái xe Hoàng Mạnh Lực người Phú Thọ, pháo thủ Đỗ Văn Mạnh người Tuyên Quang và pháo hai Trần Hán Hoa người Lạng Sơn. Chính động viên các thành viên kiểm tra kỹ thuật xe thật kỹ để anh "ra mắt" quê hương thật ngon lành.

Đêm 31.3, tại vị trí tập kết, Chính trần trọc không ngủ được. Nhìn vầng sáng mờ mờ phía thị xã Tuy Hòa anh tâm sự với pháo thủ Mạnh: *"Tuy Hòa đây, nơi chôn nhau cắt rốn của mình đây. Nghe má kể, Tuy Hòa đẹp và thanh bình lắm! Thế là ngày mai mình sẽ được trở về đúng nơi mình sinh ra rồi!"*.

Theo kế hoạch đã thống nhất, Trung đội 1 của Chính có nhiệm vụ cùng bộ binh đánh vào trung tâm thị xã rồi truy kích địch ra phía biển.

Sáng 1.4.1975, trận đánh bắt đầu. Quân địch chống cự quyết liệt song không thể ngăn cản được bước tiến của xe tăng và bộ binh. Chiếc xe 025 chờ theo 3 chiến sĩ bộ binh như một con mãnh hổ tung hoành ngang dọc. Trung đội 1 của Chính nhanh chóng đánh chiếm được khu trung tâm rồi

truy kích địch ra hướng biển.

Sau khi thất thủ ở trung tâm, tàn quân địch chạy ra biển hòng đến được mấy chiếc tàu chiến đang rập rình ngoài khơi để di tản. Thấy ba chiếc xe tăng lao đến, chúng tản ra nấp sau các lùm cây, bờ ruộng chống cự quyết liệt ở thế không còn gì để mất.

Khoảng cách giữa hai bên lúc này rất gần. Chính nhắc pháo thủ Mạnh quay pháo xuống góc thấp nhất để diệt địch.

Đúng lúc đó, một viên đạn của địch bắn trúng thùng xăng ngoài xe, ba chiến sĩ bộ binh ngồi sau tháp pháo hy sinh. Xăng từ thùng ngoài bắt lửa bốc cháy dữ dội, khói lửa trùm kín cả xe. Chính ra lệnh: "Rời xe, tiếp tục chiến đấu!".

Các thành viên kíp xe mỗi người một khẩu AK vọt ra ngoài, lợi dụng thân xe che chắn đánh địch. Mấy phút sau, thấy xăng cháy hết mà xe không việc gì, Chính ra lệnh: "Vào xe!".

Bốn anh em nhanh chóng vào lại xe và tiếp tục dùng hỏa lực tiêu diệt địch. Hai xe cùng trung đội đã ở ngay phía sau hỗ trợ xe 025 chiến đấu rất nhịp nhàng.

Đã có kinh nghiệm bắn gần, pháo thủ

Mạnh phát huy rất tốt hỏa lực vũ khí trên xe. Bỗng nhiên, sau một phát bắn, khóa nòng khẩu pháo 76 mm bị tụt ra ngoài.

Pháo hồng, Chính lệnh cho Mạnh tiếp tục dùng đại liên chiến đấu. Còn anh bật cửa trường xe rồi nhô nửa người lên ôm khẩu đại liên 50 quét từng tràng đạn thẳng căng về phía địch.

Khẩu đại liên đang nổ ròn giã bóng ngừng bật. Pháo thủ Mạnh ngược nhìn lên thấy Chính đang gục đầu vào đuôi súng, anh vội kéo áo trường xe không để lộn ra ngoài. Thì ra, một viên đạn thẳng đã trúng đầu Nguyễn Tự Chính.

Máu của anh thấm đẫm người đồng đội. Các xe bạn tràn lên, bọn địch hoảng sợ tháo chạy tán loạn. Thị xã Tuy Hòa được giải phóng.

Vậy là, sau 20 năm Nguyễn Tự Chính đã trở về đúng nơi chôn nhau cắt rốn của mình và anh đã hy sinh ngay tại nơi mình được sinh ra.

Nghe tin Nguyễn Tự Chính hy sinh, đại đội trưởng Hường bàng hoàng không tin. Đã bao lần cùng nhau xông pha lửa đạn, thấy Chính coi thường cái chết, anh nhắc phải cẩn thận thì Chính chỉ cười: "Em có chết cũng phải chết trên quê hương!". Chẳng lẽ điều đó đã xảy ra?

Điều đó đã xảy ra thật! Và từ đó đến giờ, Nguyễn Tự Chính vẫn mãi mãi tuổi 20 tại nghĩa trang liệt sĩ thành phố Tuy Hòa.

9. Tiến công Phước Long - Việt Nam cộng hòa hoảng sợ

17h25 ngày 2.1.1975, trận tiến công bắt đầu. Quân đội Việt Nam cộng hòa hoảng sợ. Thế đội 1 xe tăng ta đã theo đường Đinh Tiên Hoàng vào đến chợ thị xã, chỉ còn cách dinh tỉnh trưởng không xa.

Mùa khô 1974 - 1975, chiến trường miền nam đã có sự chuyển biến quan trọng. Sau khi quân Mỹ rút, Quân đội Việt Nam cộng hòa nhanh chóng suy yếu về nhiều mặt. Kết hợp với mặt trận chính trị và ngoại giao, lực lượng cách mạng đang thắng thế.

Trong bối cảnh đó, Bộ Chính trị họp đánh giá tình hình "*Ta đã thúc đẩy thời cơ chiến lược chín muồi, tạo nên những yếu tố chiến lược quan trọng để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn*", đồng thời quyết định đẩy mạnh các hoạt động trong mùa khô 1975.

Chiến dịch Đường 14 - Phước Long - Chiến dịch mở đầu cho Mùa Xuân lịch sử 1975

Thực hiện chỉ đạo của trên, cuối tháng 11 - 1974, Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở đợt hoạt động mùa khô 1974 - 1975 ở miền Đông Nam Bộ với nội dung: Hoàn chinh khu giải phóng, nối liền hành lang chiến lược từ biên giới xuống bờ biển, xây dựng căn cứ địa vững chắc, liên hoàn, tạo thế bao vây Sài Gòn...

Trong hồi ký "Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng" - Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại:

"Về mục tiêu của chiến dịch, đã có một cuộc tranh luận sôi nổi giữa Bộ Tổng Tham mưu với đoàn cán bộ B2. Các đồng chí ở B2 chủ trương trước hết đánh Đồng Xoài, chi khu quận lỵ và là vị trí then chốt của tỉnh Phước Long. Tiếp đó tiến đánh Phước Long, giành một chiến thắng mở đầu vang dội.

Các đồng chí Bộ Tổng Tham mưu, trước tình hình ta rất thiếu đạn, nhất là đạn súng lớn, chủ trương đánh Bù Đăng, Bù Na là những vị trí quan trọng hơn ở phía bắc Đồng Xoài để có thêm đạn pháo chiến lợi phẩm đánh Đồng Xoài.

Cuối cùng mọi người thống nhất ý kiến về kế hoạch tiến công và mục tiêu tiến công là Bù

Đăng, Bù Na, Đồng Xoài và cả Phước Long, mặc dù lúc đầu Bộ Tổng Tham mưu không đặt ra nhiệm vụ đánh mục tiêu này".

Ngày 13.12.1974, chiến dịch bắt đầu. Quân giải phóng Miền nam đã tiến công mạnh mẽ quân địch trên đường 14, lần lượt giải phóng Bù Đăng, Bù Na, chi khu Bù Đốp, Châu Thành, chi khu Đồng Xoài, diệt các đồn bót trên tỉnh lộ 1A, giải phóng đoạn từ Phước Vĩnh lên Đồng Xoài.

Mất toàn bộ đường 14 và Đồng Xoài, tàn quân Sài Gòn dồn hết về thị xã Phước Long để phòng thủ. Lực lượng quân đội Việt Nam cộng hòa ở đây có khoảng 6 tiểu đoàn cùng với các đơn vị bảo an, dân vệ và cảnh sát vũ trang. Trang bị chính gồm 10 khẩu pháo 105, 155 mm và 1 chi đội xe thiết giáp V100...

Trong lúc địch đang hoang mang, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 hạ quyết tâm giải phóng Phước Long. Kế hoạch giải phóng Phước Long được Bộ Chính trị - lúc đó đang họp tại Hà Nội - chấp thuận. Bộ Chính trị còn cho phép sử dụng 1 đại đội pháo 130mm và 1 đại đội xe tăng tham gia chiến đấu.

Thị xã Phước Long cách Sài Gòn 120km

về hướng đông bắc, có 50 ngàn dân. Địa hình xung quanh là rừng núi, phía Bắc và phía Đông bị con sông Bé bao bọc, phía Tây có suối Đắc Gion nên nếu dùng xe tăng chỉ có thể tiến công từ phía Nam lên. Trong khi đó, phía nam thị xã lại có chi khu Phước Bình và núi Bà Rá cao 763m án ngữ.

Để tiến công Phước Long, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 quyết định sử dụng Sư đoàn 7 (gồm 2 trung đoàn 12 và 14) được tăng cường Đại đội xe tăng 1 tiến công trên hướng chủ yếu từ phía Nam lên; Trung đoàn 271 tiến công trên hướng thứ yếu (Đông Nam) và Trung đoàn 16 tiến công trên hướng phối hợp (Tây Bắc).

Trận đánh bắt đầu lúc 6h10 ngày 31.12.1974 bằng việc tiến công Chi khu Phước Bình. Ngay trong ngày, Quân giải phóng đã làm chủ chi khu Phước Bình song buộc phải ngừng tiến công vì phải dò gỡ mìn trên đoạn đường từ chi khu về thị xã.

17h25 ngày 2.1.1975, trận tiến công vào thị xã bắt đầu. Quân đội Việt Nam cộng hòa hoảng sợ, chống cự yếu ớt. Thê đội 1 của xe tăng đã theo đường Đinh Tiên Hoàng tiến vào đến chợ thị xã, chỉ còn cách dinh tỉnh trưởng không xa nhưng

không có bộ binh đi cùng. Tuy nhiên, do e ngại rằng sẽ có 1 An Lộc mới nên xe tăng ta buộc phải quay ra.

Cũng trong ngày 2.1.1975, một cuộc họp khẩn cấp do Tổng Thống Việt Nam cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu chủ tọa được tổ chức tại Dinh Độc Lập. Tại cuộc họp, Trung tướng Du Quốc Đống - Tư lệnh Quân Đoàn 3 và Quân khu 3 nhận định rằng Quân Đoàn 3 cần ít nhất một sư đoàn Bộ Binh hay Nhảy Dù để giải vây cho Phước Long.

Kế hoạch của tướng Đống là dùng trực thăng vận để đưa sư đoàn này vào Phước Long và phải được sự yểm trợ tối đa bằng Không Quân chiến thuật. Sau đó Trung tướng Đống xin Tổng thống Thiệu cho từ chức vì ông cho rằng ông không có khả năng thay đổi tình hình tại Quân Khu 3.

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bác bỏ lời xin từ chức của tướng Đống và lo lắng hơn nữa về kế hoạch tăng cường lực lượng để giữ Phước Long. Kế hoạch này được xem xét rất kỹ lưỡng nhưng cuối cùng bị bãi bỏ vì Bộ Tổng Tham Mưu không còn đơn vị dự trữ.

Cuối cùng việc giải vây cho Phước Long

được Bộ Tổng Tham Mưu giao cho Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 trực tiếp đảm trách với lực lượng sẵn có trong tay. Tướng Đồng quyết định tung 2 đại đội của Liên đoàn Biệt kích dù 81 vào tiếp viện cho Phước Long.

Do nhiều nguyên nhân, trận đánh kéo dài qua ngày 5.1.1975 vẫn chưa kết thúc. Đêm 5.1.1975, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 quyết định tung lực lượng dự bị (Trung đoàn 2, Sư đoàn 9) cùng Đại đội xe tăng 10 (7 xe) vào trận.

Trận đánh bắt đầu sáng 6.1.1975. Lực lượng tiến công chia thành 2 mũi đồng loạt đánh vào thị xã. Một mũi theo đường Trần Hưng Đạo đánh vào dinh tỉnh trưởng, một mũi theo đường sân bay đánh vào Trung tâm hành quân và Tòa hành chính.

9 giờ 50 ngày 6.1.1975, Quân Giải phóng làm chủ dinh tỉnh trưởng và Tòa hành chính. Tuy nhiên, lính Việt Nam cộng hòa tại Trung tâm hành quân vẫn ngoan cố chống cự nên trận đánh phải kéo dài đến 17h30 Quân Giải phóng mới làm chủ hoàn toàn thị xã. Đến giờ phút đó, tỉnh Phước Long được giải phóng hoàn toàn.

Một trận đánh đạt được nhiều mục đích
- Liều thuốc thử hạng nặng và đa năng

Về mặt quân sự, trong trận tiến công thị xã Phước Long Quân giải phóng đã tiêu diệt 500 tên địch, bắt 1.179 tên, bắn rơi 12 máy bay, phá huỷ 10 xe cơ giới; thu 1.498 súng các loại, 190 máy thông tin, 80 xe cơ giới và một kho đạn đại bác trên 10.000 viên.

Đồng thời, qua trận đánh cho phép đánh giá một cách chính xác khả năng chiến đấu của quân đội Việt Nam cộng hòa ở thời điểm đó: Bị mất một tỉnh ngay sát nách Thủ Đô mà bất lực chứng tỏ sự rệu rã của quân đội Việt Nam cộng hòa.

Quan trọng hơn, giải phóng Phước Long đã mở rộng hành lang tiếp tế, hình thành nơi tiếp nhận, triển khai binh khí, kỹ thuật và cơ sở vật chất từ Trung ương xuống các chiến trường; đồng thời là địa bàn tập kết các cánh quân lớn tiến công vào Sài Gòn sau này.

Trận Phước Long cũng cho phép Quân đoàn 4 rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết trong tác chiến hợp đồng binh chủng và tác chiến ở đô thị, chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo.

Bài học lớn nhất từ trận chiến này là vấn đề sử dụng lực lượng và hiệp đồng chiến đấu. Nếu sử

dụng tập trung nhằm vào mục tiêu chủ yếu, đồng thời hiệp đồng chặt chẽ hơn giữa bộ binh với xe tăng thì trận đánh đã kết thúc sớm hơn.

Về chính trị, việc để mất Phước Long đã gây ra những suy sụp về tinh thần trong quân đội cũng như chính trường Sài Gòn. Đại tá Phạm Bá Hoa, phụ tá hành quân của đại tướng Cao Văn Viên nhận xét:

"Có thể nói tất cả chúng tôi đều bàng hoàng. Không khí lo ngại bao trùm, ưu tư đè nặng mọi người. Cái chính là thất bại Phước Long đã nói lên thế và lực của Quân lực Việt Nam Cộng hoà. Chỉ mới bị đánh một điểm mà đã không còn lực lượng để đối phó, hỏi bị đánh mạnh nhiều nơi thì sẽ ra sao? Tình hình đó đã dòn chúng tôi đến sự hoang mang, bi quan".

Trận tiến công Phước Long cũng là một liều thuốc thử để kiểm tra đánh giá khả năng tái can thiệp của quân Mỹ vào chiến trường Việt Nam. Và kết quả phía Hoa Kỳ không có phản ứng gì hơn là điều một hạm đội vừa phải đến Biển Đông với những mục tiêu không rõ ràng là đe dọa hay thực sự tham chiến trở lại.

Mục đích đó được giải đáp trong lời tuyên

bố của Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ James R. Schlesinger trước báo chí: *"Đây chưa phải là một cuộc tiến công ồ ạt của Bắc Việt Nam"* và thông báo của Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Graham Martin với tổng thống Nguyễn Văn Thiệu: *"Việc yểm trợ của Hoa Kỳ lúc này là chưa được phép"*.

Trước những diễn tiến đó, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Quân giải phóng miền nam đã rút ra kết luận: *"Người Mỹ không còn muốn can thiệp vào miền nam Việt Nam nữa"*. Trên cơ sở đó đã hạ quyết tâm giải quyết cuộc chiến này trong vòng 2 năm 1975 - 1976.

Và thực tế đã diễn ra nhanh hơn những gì họ dự định!

10. Lịch sử không có chữ "Nếu": Lựa chọn sinh tử ngay cửa ngõ tiến vào Sài Gòn

Sau khi chọc thủng tuyến phòng thủ vòng ngoài của Quân lực Việt Nam cộng hòa, 5 giờ sáng ngày 30.4.1975, trận hành tiến tiến công từ Ngã ba Vũng Tàu theo Xa lộ Biên Hòa vào Sài Gòn của "binh đoàn thọc sâu" thuộc Quân Đoàn 2 bắt đầu.

Lựa chọn sinh tử

Dẫn đầu đội hình là Thê đội 1 của binh đoàn bao gồm toàn bộ Tiểu đoàn xe tăng 1 của Lữ

đoàn 203. Tiểu đoàn xe tăng 1 gồm 3 đại đội 1, 3, 4 trang bị xe T54, T59. Trong đó, Đại đội xe tăng 3 - đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân từ năm 1973 được giao nhiệm vụ đi đầu.

Bộ phận còn lại của Lữ đoàn 203 bao gồm Tiểu đoàn Tăng - Thiết giáp G4, Tiểu đoàn Tăng - Thiết - Giáp 5 cùng các lực lượng bộ binh, pháo binh, cao xạ, công binh hình thành Thê đội 2 hỗ trợ phía sau.

Bằng sức mạnh hỏa lực, xung lực thê đội 1 đã chọc thủng các điểm phòng ngự tại cầu Xa Lộ, Trường Võ bị Thủ Đức, cầu Rạch Chiếc... không mấy khó khăn. Tuy nhiên, mũi tiến công như vũ bão buộc phải dừng lại trước cầu Sài Gòn bởi sự chống cự điên cuồng của quân địch.

Trong thế không còn gì để mất, quân lực Việt Nam cộng hòa đã thiết kế một chốt chặn khá vững chắc tại đầu cầu Sài Gòn. Tại đây, chúng sử dụng thùng phuy, bao cát xếp thành các vật chướng ngại hình zic - zắc để chặn bước tiến xe cơ giới. Phía sau các vật chướng ngại chúng bố trí các xe tăng M48 và các loại hỏa khí khác.

Trong khi đó, đội hình tiến công buộc phải triển khai thành hàng dọc phơi mình trên xa lộ,

không hề có vật che đỡ cũng như vật che chắn nên rơi vào thế bất lợi. Bởi vậy, ngay sau loạt chạm súng đầu tiên đã có 2 xe tăng T-54 bị bắn cháy. Nhô người trên tháp pháo chỉ huy, tiểu đoàn trưởng Ngô Văn Nhữ trúng đạn hy sinh. Đội hình tiến công bị ùn lại.

Lúc này không chỉ có hỏa lực tại chỗ, các tàu chiến đang cơ động trên sông Sài Gòn cũng quay pháo tập trung bắn vào đội hình tiến công. Hai chiếc máy bay A37 xuất hiện trên bầu trời lượn vòng chọn mục tiêu. Thêm 2 xe tăng nữa bị cháy, xe thiết giáp chỉ huy cũng trúng đạn, 4 chiến sĩ thông tin hy sinh.

Trước tình hình đó, chỉ huy các đơn vị lệnh cho các xe chiếm địa hình có lợi tập trung hỏa lực tiêu diệt xe tăng địch sau vật chướng ngại và trên vòm cầu Sài Gòn, một số xe quay pháo xuống sông bắn tàu chiến, các xe thiết giáp dùng súng 12,7 mm bắn máy bay...

Sau khi bắn cháy 2 chiếc M48 bố trí phía sau các vật chướng ngại, lệnh "Xung phong vượt cầu!" từ chỉ huy lữ đoàn được gửi tới tất cả các đơn vị. Trung đội trưởng Trung đội 1, Đại đội xe tăng 3 Lê Tiến Hùng chỉ huy xe tăng số 866 quyết định sẽ

xung phong vượt cầu.

Biết rằng hành động này là cực kỳ nguy hiểm, có thể sẽ hy sinh nên Lê Tiến Hùng yêu cầu người đồng đội Phạm Tuấn Hùng - Kỹ thuật viên đại đội vẫn đi cùng xe anh phải xuống xe. Anh nói:

"Cậu là kỹ thuật viên phải xuống xe sau theo dõi, sửa chữa xe của cả đơn vị. Tớ đi xe đầu tiên có thể bị hy sinh, nếu tớ có bị hy sinh cậu nhớ bảo với vợ tớ ở Hạ Hoà (Phú Thọ) biết nhé!"

Sau khi chia tay nhau, Lê Tiến Hùng lệnh cho lái xe Phương xuất kích. Đi cùng xe anh có một chiến sĩ công binh sang phối thuộc. Phía sau xe 866 của anh là các xe của Đại đội xe tăng 4 do trung úy Bùi Quang Thận chỉ huy cũng ào lên. Một số tên địch vẫn ngoan cố chống cự nên các xe vừa hành tiến vừa bắn dữ dội vào khu vực đầu cầu.

Bằng xung lực mạnh mẽ, các xe tăng húc đổ: các vật chướng ngại bằng thùng phuy đất và bao cát tạo thành một lối đi đủ rộng để xung phong. Quân địch đã mất tinh thần chạy sang phía bên kia mặt cầu và dạt xuống bờ sông Sài Gòn. Các tàu chiến dưới sông cái thì bị bắn cháy, cái đã tháo chạy ra phía biển. Máy bay trên trời cũng rút hết.

Các xe tăng tăng tốc độ vượt cầu. Lên đỉnh

cầu, một khung cảnh vô cùng lạ lẫm, mới mẻ của thành phố Sài Gòn hiện ra trước mắt. Đã thuộc lòng câu chỉ dẫn: "Qua cầu Sài Gòn chạy thẳng, sau khi qua cầu Thị Nghè vượt qua 7 ngã tư rẽ trái sẽ đến dinh Độc Lập" nên Hùng lệnh cho lái xe tăng tốc xuống dốc cầu.

Đường phố Sài Gòn lúc này hoàn toàn vắng lặng. Thình thoảng một phát súng từ các ngõ hẻm bắn ra. Để tiện quan sát, Lê Tiến Hùng mở cửa trường xe nhô hẳn nửa người ra ngoài. Phía bên kia, chiến sĩ công binh cũng luôn nắm tay cầm điều khiển khẩu 12,7 mm sẵn sàng bắn diệt bất cứ kẻ nào chống cự.

Nhà cửa ngày một dày đặc hơn, đẹp hơn nhưng phố xá vẫn vắng lặng, Hùng có cảm tưởng đã rất gần mục tiêu chủ yếu rồi thì thấy hai xe M113 rần rí loang lổ nằm ven đường.

Anh nghĩ bụng: Thằng này ăn nhằm gì...! Chắc lính bỏ chạy hết rồi, đại liên trên xe cũng gãy ghè mà thôi... Định cho chiếc tăng lướt qua bằng tốc độ thì bỗng Phương quát to: "*Anh Hùng, có tăng địch!*".

Trong khoảnh khắc cùng với tiếng quát đó, Hùng nhìn thấy giữa hai chiếc xe M 113 lấp ló

nòng khẩu pháo của chiếc tăng Mỹ M41 nắp kín. Chưa kịp hạ lệnh cho pháo thủ bắn thì một luồng lửa phụt ra từ cái họng pháo đó.

Phát đạn pháo địch đánh bay ngay khẩu 12,7 mm nặng gần 100 kg, đồng thời đồng chí cũng trúng đạn hy sinh. Lê Tiến Hùng thấy mất tối sầm lại, anh sờ tay xuống bụng thấy ướt sũng, tai còn nghe tiếng xích xe tăng nghiêng ầm ầm trên đường nhựa của Đại đội xe tăng 4 do Bùi Quang Thận dẫn đầu đang ào ào lướt lên...

Ngay sau đó, Phương và Mỹ đưa Trường xe ra và đặt trên hè đường. Một số bà con nhân dân quanh đó cũng kéo ra xem dù chiến sự vẫn đang khốc liệt. Nhìn khoang bụng trúng đạn, máu nhuộm đỏ quần phục, ai nấy đều cho là không thể cứu được...

Một người nói: *"Đằng nào cũng chết, cứ đưa ông ấy vào viện đi!"*... Thế rồi họ xúm vào khiêng Lê Tiến Hùng vào Y Viện Sùng Chính - một Y viện tư nhân của người Hoa tại số 929 Đại lộ Trần Hưng Đạo gần đó.

Nhìn vết thương quá nặng, lại là của một người lính Quân giải phóng bác sỹ trưởng không dám mổ, ông Giám đốc cũng lắc đầu nhưng đồng

bào rất cảm phục một người lính dũng cảm đã xúm vô động viên hai ông thực hiện ca cấp cứu trong vô vọng...

Cái kết có hậu

Lê Tiến Hùng hôn mê suốt 5 ngày, khi mở mắt ra người đầu tiên anh thấy là Giám đốc bệnh viện Sùng Chính... Ông ta thực sự khâm phục sức sống mãnh liệt của người lính. Còn anh cũng hết sức cảm ơn người bác sĩ tài giỏi đã cứu mạng mình. Sau đó 2 tháng, đơn vị đón anh về cho đi an dưỡng để ra quân về tiếp tục học đại học.

Sau khi tốt nghiệp đại học, Lê Tiến Hùng về công tác tại Nhà máy giấy Bãi Bằng và dần dần trở thành Giám đốc công ty nguyên liệu của nhà máy. Mặc dù khoang bụng vá chằng vá đụp, phải cắt bỏ một tinh hoàn... song vợ chồng anh vẫn cho ra đời 3 đứa con đẹp như tranh.

Thời gian sau chiến tranh, Lê Tiến Hùng đã trở lại Y viện Sùng Chính để cảm ơn những người đã "cải tử hoàn sinh" ra mình. Tuy nhiên, từ sau năm 1979 thì y viện không còn tồn tại nữa. Anh chỉ còn biết giữ mãi trong lòng lòng biết ơn đối với các bác sĩ tài giỏi và những y tá, hộ lý tận tụy nơi đây.

Sau này, nhiều người bảo: "*Nếu thắng xạ*

thủ M41 bắn chệch một tý thì người cầm cò trên dinh Độc Lập chắc chắn là Lê Tiến Hùng!". Nghe vậy anh cười: "Lịch sử không có chữ Nếu...!". Lại có người bảo: "Vượt cầu Sài Gòn vào nội đô đầu tiên, anh xứng đáng là anh hùng" thì anh lại càng cười to hơn: "Thì lúc nào tớ chả là anh Hùng!".

11. Xe tăng Việt Nam vừa hành quân 2.000 km đã đánh thắng oanh liệt: Điều kỳ diệu xảy ra

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, chiến trường B2 là chiến trường xa hậu phương nhất nên việc tiếp tế gặp rất nhiều khó khăn. Đặc biệt, việc đưa các trang bị vũ khí có trọng lượng lớn như xe tăng, xe thiết giáp vào đó lại còn khó khăn hơn nữa.

Phải đến cuối tháng 3 năm 1972, những đơn vị xe tăng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam mới có mặt tại chiến trường này sau khi vượt gần 2.000 km đường dã chiến. Điều kỳ diệu là vừa có mặt, các chiến sĩ xe tăng đã được giao nhiệm vụ chiến đấu ngay và đã chiến thắng oanh liệt trong trận Lộc Ninh.

Ước mơ đã trở thành hiện thực

Với những ưu thế về hỏa lực, sức cơ động

và khả năng phòng hộ, xe tăng luôn được đánh giá là lực lượng đột kích quan trọng, nhiều khi là chủ yếu của lực quân.

Vì vậy, đưa xe tăng vào tham gia chiến đấu trên các chiến trường miền nam là niềm mơ ước luôn thường trực trong tiềm thức các lãnh đạo tại Đại bản doanh cũng như của Binh chủng Tăng Thiết giáp.

Tuy nhiên, vì nhiều lý do - cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc đưa xe tăng vào chiến trường gặp rất nhiều khó khăn.

Chưa có điều kiện biến ước mơ thành hiện thực song cấp trên vẫn quyết định đưa hàng trăm cán bộ, chiến sĩ xe tăng hành quân bộ vào B2 từ giữa những năm 60 với hai nhiệm vụ: chuẩn bị chiến trường và nếu có điều kiện thì lấy xe địch đánh địch.

Song song với đó, ở hậu phương, sau khi đánh thắng trận đầu ở Làng Vây (2.1968), đặc biệt là sau chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào thì việc đưa xe tăng vào chiến trường đã được xúc tiến mạnh hơn.

Tháng 11 năm 1971, Tiểu đoàn xe tăng 297 nhận lệnh hành quân vào B3 (Tây Nguyên).

Tiếp đó, hai tiểu đoàn 20 và 21 lần lượt nhận lệnh hành quân vào B2 (Miền Đông Nam Bộ). Thời gian tiếp theo, một số đơn vị nữa tiếp tục lên đường vào B1 (Khu Năm) và bổ sung cho B2, B3.

Sau hơn 3 tháng hành quân, vượt gần 2.000 km đường quân sự làm gặp với bao đèo cao, sông sâu dưới sự ngăn chặn quyết liệt của không quân Mỹ, cuối tháng 3 năm 1972, những đơn vị đầu tiên của Tiểu đoàn xe tăng 20 đã đến vị trí tập kết tại phía tây căn cứ Lộc Ninh.

Vậy là ước mơ đưa xe tăng vào chiến trường miền nam - kể cả nơi xa xôi nhất như B2 đã trở thành hiện thực.

Tham gia đánh trận then chốt mở màn chiến dịch - Đoạt cờ "Đánh giỏi"

Thời điểm đầu năm 1972, trên chiến trường miền Đông Nam Bộ có 2 hướng chính mà quân lực Việt Nam cộng hòa hết sức quan tâm và tăng cường phòng thủ. Đó là hướng Đường 22 từ Campuchia qua Tây Ninh về Sài Gòn và hướng Đường 13 từ Campuchia qua Lộc Ninh, Bình Long về Sài Gòn.

Phối hợp với các mặt trận khác trong cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972, Bộ Tư lệnh

Miền quyết định mở chiến dịch Nguyễn Huệ với mục tiêu đề ra là giải phóng một phần các tỉnh Bình Long, Phước Long, Tây Ninh làm nơi đóng trụ sở của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam.

Đồng thời, đây sẽ là bàn đạp uy hiếp Sài Gòn từ hướng Bắc và Tây Bắc.

Căn cứ vào tình hình mọi mặt Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định tiến công địch trên hai hướng. Trong đó, hướng Đường 13 là hướng chủ yếu, hướng đường 22 là hướng thứ yếu. Trận then chốt mở đầu chiến dịch sẽ là trận tiến công căn cứ Lộc Ninh.

Căn cứ Lộc Ninh nằm trên một quả đồi, cách thị trấn Lộc Ninh khoảng 800 mét. Lực lượng Việt Nam cộng hòa đồn trú ở đây gồm có Sở chỉ huy Chiến đoàn 9, Chi khu quân sự Lộc Ninh, trận địa pháo hỗn hợp, sân bay dã chiến. Tổng quân số khoảng hơn 1.000.

Đặc biệt, hệ thống công sự ở đây khá kiên cố, có nhiều hầm bê - tông cốt thép. Xung quanh căn cứ có 5 - 6 lớp rào thép gai xen kẽ bãi mìn chống bộ binh.

Ngoài ra, bảo vệ vòng ngoài căn cứ còn 13

đòn lẻ và có sự chi viện của không quân, pháo binh từ căn cứ Hồng Tâm và Thiết đoàn 1 từ căn cứ Hoa Lư. Đánh giá chung, căn cứ Lộc Ninh là một cụm cứ điểm rất mạnh, quân đông, hệ thống công sự vật cản rất kiên cố, vững chắc.

Để đảm bảo chắc thắng cho trận mở đầu then chốt của chiến dịch, mặc dù xe tăng T-54 chưa vào đến nơi song Bộ Tư lệnh chiến dịch Nguyễn Huệ vẫn quyết định sử dụng Sư đoàn bộ binh 5 chủ lực của Miền được tăng cường Đại đội xe tăng 10, Đại đội cao xạ tự hành 52 cùng một số phân đội hỏa lực khác tiến công căn cứ này vào ngày 5.4.1972.

Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho trận đánh, Bộ Tư lệnh Miền còn tổ chức các đơn đánh nghi binh bên hướng Đường 22, đồng thời bố trí lực lượng đón lõng phục kích quân địch từ căn cứ Hoa Lư về chi viện cho Lộc Ninh.

Vừa hành quân một chặng đường dài vào đến nơi đã nhận lệnh đi chiến đấu, cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn xe tăng 20 đã chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh cấp trên, bắt tay ngay vào tiến hành công tác chuẩn bị chiến đấu.

Một mặt, cán bộ các cấp tham gia đi trình

sát thực địa, một mặt cán bộ chiến sĩ ở nhà trần lung ra làm công tác kỹ thuật, hiệu chỉnh vũ khí, bổ sung nhiên liệu, đạn dược, đảm bảo cho 9 xe tăng T-54 và 3 xe cao xạ tự hành ZSU - 57 - 2 đều tham gia chiến đấu được.

Có một khó khăn là khi tổ chức cho trường xe, lái xe đi trình sát đường cơ động thì mọi ngã đường đều gặp địch nên bộ đội xe tăng phải đắp bàn cát và tổ chức hiệp đồng với nhau ngay tại vị trí tập kết. Mặc dù vậy, trận đánh vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch.

Ngày 5.4.1972, Trung đoàn 2 của Sư đoàn bộ binh 5 bắt đầu tiến công và thực hiện vây lấn địch trong căn cứ.

Ngày 6.4.1972, Thiết đoàn 1 Việt Nam cộng hòa từ căn cứ Hoa Lư cơ động về giải vây cho Lộc Ninh rơi vào bẫy phục kích, bị tiêu diệt gọn. Trung tá Nguyễn Đức Dương, Thiết đoàn trưởng bị bắt sống.

Đêm 6.4, rạng ngày 7.4, xe tăng cơ động từ vị trí tập kết lên tuyến triển khai. Máy bay AC130 lên không kích chặn đường. Đại đội cao xạ tự hành 52 nổ súng bắn rơi 1 máy bay AC130, đảm bảo xe tăng đến đích đúng thời gian quy định.

Đúng 5 giờ sáng ngày 7.4.1972, tận dụng

kết quả vây lấn của Trung đoàn 2 và hỏa lực chuẩn bị của pháo binh, Trung đoàn BB 3 và Đại đội xe tăng 10, Đại đội cao xạ tự hành 52 đồng loạt tiến công trên 2 hướng vào căn cứ Lộc Ninh.

Hết sức bất ngờ vì sự xuất hiện của xe tăng Quân giải phóng, tinh thần binh lính Việt Nam cộng hòa "xuống đến gót chân" nên nhanh chóng tan rã.

Vì vậy, chỉ sau hơn 2 giờ chiến đấu Quân giải phóng đã làm chủ hoàn toàn căn cứ Lộc Ninh, tiêu diệt và bắt sống hơn 1.000 tên địch - trong đó có Đại tá Nguyễn Công Vĩnh, chỉ huy trưởng Chiến đoàn 9.

Trận Lộc Ninh là trận đánh hiệp đồng binh chủng quy mô lớn đầu tiên ở chiến trường miền Đông Nam Bộ đã thắng lợi rực rỡ, mở ra một trang sử mới trong hoạt động tác chiến tại chiến trường này.

Riêng Đại đội xe tăng 10, sau trận này được Bộ chỉ huy Miền tặng cờ "ĐÁNH GIỎI".

12. Trận đấu xe tăng duy nhất giữa lính tăng Mỹ với lính tăng Việt Nam: Dữ dội

Tăng đấu tăng trên chiến trường miền nam thì nhiều. Tuy nhiên, duy nhất chỉ có 1 trận lính xe tăng Mỹ đấu với lính xe tăng Quân giải

phóng. Đó là trận Bến Hét đêm 3.3.1969

Bến Hét ở đâu?

Trên bản đồ Đông Dương có một vị trí khá đặc biệt được gọi là Ngã ba biên giới. Đó là nơi biên giới 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia gặp nhau. Nơi "con gà gáy cả ba nước nghe tiếng". Đây cũng là nơi giao nhau của con đường 14 đi dọc cao nguyên với đường 18 sang Campuchia.

Trong chiến tranh Việt Nam, đây là một địa điểm có ý nghĩa rất quan trọng. Do địa hình Nam Trường Sơn cực kỳ hiểm trở nên tuyến đường tiếp vận chủ yếu từ bắc vào Nam đều chạy bên đất Lào và Campuchia. Khi đến đây sẽ quặt sang đất Việt để tiếp tế cho các mặt trận B3 và B1.

Với mục đích giám sát và ngăn ngừa sự xâm nhập của QGP từ đường mòn Hồ Chí Minh vào miền nam Việt Nam, năm 1960 Mỹ đã cho xây dựng Trại lực lượng đặc biệt Bến Hét hay còn gọi là tiền đồn Bến Hét tại khu vực có ý nghĩa chiến lược này.

Tiền đồn Bến Hét nằm ở phía Tây Bắc Kontum, cách Đắc Tô 13 Km hướng Tây Bắc, gần giáp ranh Ngã 3 Biên Giới Việt Nam - Lào - Campuchia, còn được gọi là cứ điểm Plei Càn (nay

thuộc địa phận thị trấn Plei Càn, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum).

Trại Bến Hét được phân bổ thành 3 cụm với Đồi Bắc, Đồi Trung Tâm và Đồi Tây. Trung tâm trại có công sự chiến đấu tương đối vững chắc. Xung quanh có hàng rào dây thép gai và bãi mìn dày đặc. Phía Nam trại có 1 sân bay nhỏ.

Lực lượng đồn trú tại Trại Bến Hét khoảng 1 tiểu đoàn, bao gồm nhóm A - 244 của biệt đội 5 thuộc lực lượng đặc biệt Mỹ (biệt kích) cùng với lực lượng Dân Sự Chiến Đấu CIDG người Thượng. Ngoài ra, tại đây còn có một số binh sĩ Biệt Động Quân người Việt tham gia trấn giữ.

Theo cường độ ác liệt ngày càng tăng của chiến tranh Việt Nam và tầm quan trọng của đường mòn Hồ Chí Minh trong việc vận chuyển lương thực, vũ khí cho chiến trường miền nam, quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa đã tăng cường mạnh cho tiền đồn Bến Hét, trong đó có 1 chi đội (5 chiếc) xe tăng M48 do đại úy John Stovall chỉ huy (Đại đội B, Tiểu Đoàn 1).

Do vị trí Bến Hét như vậy nên thường xuyên xảy ra đụng độ. Một binh sĩ Mỹ đã mô tả: "Một nơi thử thách giữa bụi bặm và cái chết. Ban đêm ở tiền

đồn Bến Hét là 1 nơi tuyệt đẹp lẫn kinh khủng.

Thậm chí Dali, Goya, Bach, The Beatles, Hemingway và Zanuck cũng không thể hiểu nổi. Ánh sáng lóe lên khắp bầu trời, các vệt đạn bắn vạch những đường sáng. Máy bay lượn vòng trên đầu và bắn từng tràng đạn sáng rực vào vị trí kẻ địch".

Đại đội xe tăng 16 - Đơn vị xe tăng đầu tiên của Mặt trận B3

Sau chiến thắng trận đầu ở Tà Mây - Làng Vây, vai trò lực lượng đột kích quan trọng của xe tăng trên chiến trường miền nam được khẳng định. Bộ Tổng tư lệnh quyết định điều động 1 đơn vị xe tăng vào chiến trường Tây Nguyên.

Đơn vị được lựa chọn đi làm nhiệm vụ đó là Đại đội xe tăng 16 thuộc Tiểu đoàn 177, Trung đoàn 202 đang làm nhiệm vụ ở vùng giáp ranh Vĩnh Linh - Quảng Bình, trang bị 11 xe tăng bơi PT-76 và do đại đội trưởng Võ Bá Linh chỉ huy.

Ngày 13.3.1968, Đại đội xe tăng 16 bắt đầu cuộc hành quân vào chiến trường miền nam. Sau hơn 1 tháng hành quân, vượt mọi khó khăn gian khổ và sự ngăn chặn của không quân Mỹ đại đội đã có mặt tại vị trí tập kết ở khu vực Ngã ba biên giới

và trở thành đơn vị xe tăng đầu tiên có mặt tại chiến trường B3.

Để chống lại các phương tiện trinh sát hiện đại và các trận oanh tạc của không quân Mỹ, đơn vị đã tổ chức đào hầm, nguy trang xe và làm tốt công tác phòng gian giữ bí mật, đồng thời cùng cố sửa chữa trang bị vũ khí để sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

Đến trận đấu tăng duy nhất giữa lính xe tăng Mỹ và lính xe tăng quân giải phóng

Đầu tháng 3 năm 1969, Đại đội xe tăng 16 nhận nhiệm vụ tham gia tiến công căn cứ Bến Hét. Theo lời kể của các chiến sĩ tham gia trận đánh thì do vị trí Bến Hét rất biệt lập, nằm sâu trong vùng ta kiểm soát nên Bộ Tư lệnh mặt trận muốn sử dụng xe tăng để uy hiếp buộc địch phải rút bỏ.

Có lẽ đó chỉ là một trận tập kích hòa lực thì đúng hơn, trong cuốn Lịch sử Quân đoàn III cho biết: "Đêm 3.3, ta sử dụng 4 xe PT76, pháo 85mm, súng cối tiến công Pleicần (Bến Hét)" mà không nhắc gì đến các lực lượng BB tham gia.

Theo đánh giá của các chuyên gia quân sự Mỹ thì dường như phía Quân Giải phóng không biết trong căn cứ Bến Hét có xe tăng M48 nên đã đưa xe tăng PT-76 vào tham chiến. Vô hình trung,

điều đó đã tạo điều kiện để diễn ra trận đấu tăng duy nhất giữa lính xe tăng Mỹ với lính xe tăng Quân Giải phóng.

Phía Mỹ ghi nhận: Ngày 3.3.1969, đã diễn ra cuộc đấu xe tăng đầu tiên giữa quân Mỹ và Quân Giải Phóng, khi Quân Giải phóng được hỗ trợ bởi 10 chiếc xe bọc thép PT-76 và xe tăng T-54 đã tấn công trại.

Tuy nhiên số liệu trên không chính xác. Thực tế, trong trận này về phía Quân Giải phóng chỉ có 4 xe tăng PT-76 tham gia và chủ yếu dùng hỏa lực từ ngoài bắn vào trong cứ điểm mà thôi.

Diễn biến trận đánh: khi tiếp cận trận địa, 1 chiếc PT-76 cán phải mìn và bốc cháy. Tiếng nổ đồng thời báo động cả trại.

Xe bị cháy soi sáng cả những chiếc còn lại. 1 xe tăng PT-76 bắn trúng tháp pháo chiếc xe tăng M - 48 Patton, giết chết 2 lính Mỹ và bị thương những người còn lại. Các xe tăng M - 48 khác bắn trả và cũng làm cháy 1 chiếc PT-76.

Trận đấu tiếp diễn dữ dội, máy bay gunship AC - 47 "Spooky" đến hỗ trợ và xả đạn liên tục. Các máy bay khác đến oanh tạc chung quanh để yểm trợ". Sau hơn 1 giờ giao tranh, phía Quân Giải

phóng đã rút lui.

Đây chính là trận đấu tăng duy nhất giữa lính xe tăng Mỹ với lính xe tăng Quân Giải phóng bởi sau đó Mỹ rút dần lực quân, bàn giao lại trang bị cho Việt Nam cộng hòa.

Mặc dù hỏa lực kém hơn - pháo 76 mm so với 90 mm và không có thiết bị nhìn đêm, các xe tăng PT-76 vẫn loại khỏi vòng chiến đấu 1 xe M48 và làm 2 lính xe tăng Mỹ chết, 2 bị thương. Về phía Quân Giải phóng tổn thất 2 xe: 1 xe bị mìn, 1 xe bị trúng đạn pháo của M48.

13. Người lính và cây đàn trên tháp pháo xe tăng đi giải phóng Sài Gòn

Một bức ảnh ghi lại đoàn xe tăng thân tốc tiến vào giải phóng Sài Gòn, trên chiếc xe số hiệu 380 có hình ảnh cực kỳ hiếm có, bên cạnh những người lính cầm súng có cây đàn ghi ta dựa trên tháp pháo. Đằng sau hình ảnh này là câu chuyện rất xúc động.

Pháo thủ thư sinh

Ngày 29.3.1975, sau khi tiến công giải phóng Đà Nẵng, Đại đội 4 xe tăng chúng tôi được giao nhiệm vụ chiếm lĩnh khu vực Thương

cảng Bạch Đằng và Bảo tàng cổ vật Chăm để bảo vệ trung tâm thành phố. Ba ngày sau, tình hình đã ổn định chúng tôi bàn giao lại nhiệm vụ cho Ban quân quản và tập trung về căn cứ sư đoàn 3 Quân lực Việt Nam Cộng hòa tại Khánh Sơn để làm công tác chuẩn bị cho cuộc hành quân thần tốc vào phía Nam tham gia chiến đấu giải phóng các tỉnh còn lại. Vừa về đến Khánh Sơn, pháo thủ hai Vũ Xuân Trục của xe tăng chúng tôi được điều đi làm pháo thủ xe khác. Chúng tôi được thông báo là sẽ được bổ sung một pháo thủ hai mới trong một vài ngày tới.

Sáng hôm sau, khi tôi đang chú ý đầu vào buồng truyền động kiểm tra các thông số kỹ thuật của động cơ và các cụm máy thì Trung đội trưởng Mai Hồng Trị gọi trưởng xe tăng 380 ra nhận pháo thủ hai mới. Tôi thò đầu ra tò mò tự đánh giá về thành viên mới của xe mình và thầm đoán xem liệu hắn ta có thể hoà nhập vào cái tập thể nhỏ bé 380 đã từng gắn bó mấy năm nay của chúng tôi không?.

Đối với lính xe tăng chúng tôi điều đó là cực kỳ quan trọng bởi mỗi thành viên tuy có chức

trách nhiệm vụ khác nhau nhưng đều là một bộ phận không thể tách rời của kíp xe, chả thế có một nhà thơ đã từng viết *“năm anh em trên một chiếc xe tăng, như năm bông hoa nở cùng một cội, như năm ngón tay trên một bàn tay”*.

Thực tình lúc đó tôi hơi thất vọng vì trước mắt tôi là một thân hình khá lẻo khoẻo, một khuôn mặt trắng trẻo hiền lành và đôi bàn tay mỏng mảnh rất thư sinh, sau lưng là một chiếc ba lô lép kẹp và trên vai lại vác theo một cây đàn ghi ta đã cũ. Nếu so với những tiêu chuẩn thông thường thì Nguyễn Kim Duyệt - pháo thủ hai mới của xe tăng tôi không đạt cho lắm. Nhìn chung, đã là lính xe tăng đều phải khoẻ vì thao tác cũng như điều kiện làm việc của ai cũng hết sức nặng nhọc, song riêng với pháo thủ hai tiêu chuẩn sức khoẻ là cần thiết nhất.

Chúng ta cứ hình dung, trong một không gian chật hẹp đựng đầy cũng là thép của buồng chiến đấu xe tăng - anh bạn pháo thủ hai của chúng ta cần phải có sức khoẻ như thế nào mới xoay trở được để đưa những viên đạn nặng trên ba chục cân vào buồng đạn với tốc độ bắn trung

bình 3 đến 4 phát mỗi phút, lại còn phải nạp đạn đại liên, phải đội cửa lên bắn 12ly7, bắn AK, ném lựu đạn ... mỗi khi cần thiết.

Thế mà Duyệt lại thư sinh, trắng trẻo quá và có vẻ gì đó hơi nữ tính trên khuôn mặt cũng như trong giọng nói nhỏ nhẹ của mình.

Nhưng ngay sau đó Duyệt đã làm cho chúng tôi tạm yên lòng bằng những thao tác gọn gàng chính xác khi lau chùi, bảo dưỡng khẩu đại liên và sắp xếp lại các trang bị trong buồng chiến đấu. Trước những con mắt còn đầy vẻ dò xét của chúng tôi, Duyệt lẳng lặng làm những công việc thuộc phạm vi chức trách của mình với một sự thành thạo và cẩn trọng rất tự tin. Điều bất ngờ nữa là chiều hôm đó, vẫn với những thứ thực phẩm mà chúng tôi đã ngán đến tận cổ, chỉ thêm một nắm rau tập tàng, Duyệt đã cho chúng tôi được ăn một bữa cơm ngon lành như khi còn ở nhà vậy.

Buổi tối hôm đó, trên tháp pháo chúng tôi ngồi tâm sự và nghe anh Duyệt chơi đàn. Đến lúc ấy chúng tôi mới được biết, Duyệt vốn là dân Hà Nội, đang học Đại học năm thứ hai thì nhập ngũ và cũng đã tham gia chiến đấu trên cương vị

pháo thủ hai ở Quảng Trị hơn một năm.

Ngày 14.4.1975, Đại đội chúng tôi bắt đầu cuộc hành quân “thần tốc” về phương nam. Trong hành quân chiến đấu của xe tăng thì vất vả nhất là lái xe, còn các thành viên khác thì cũng đỡ căng thẳng hơn. Đối với pháo thủ hai công việc chủ yếu là chăm lo việc hậu cần, cơm nước cho cả xe.

Với sự khéo léo và năng khiếu về nội trợ cộng thêm bản tính cần cù, chăm chỉ, Duyệt thường xuyên cho chúng tôi được ăn ngon, ăn nóng. Bản thân tôi là lái xe vất vả nhất, nên cũng được anh chăm sóc một cách đặc biệt hơn. Các chặng nghỉ dài khi nấu cơm anh đun thêm một bình nước sôi và treo vào buồng động lực, vì vậy mỗi khi nghỉ ngắn, xe mới chỉ dừng vài phút sau là tôi đã có một ca sữa nóng để lại sức. Và dù chỉ mới ít ngày cùng sống với nhau, Duyệt đã chiếm được cảm tình rất sâu sắc của anh Luông, anh Thọ và tôi (những người trong kíp xe tăng 380).

Vì đã là sinh viên “học” nên tôi và anh Duyệt dễ gần gũi với nhau hơn, ở những chỗ nghỉ dài hay chờ khắc phục cầu, đường chúng tôi hay

mắc võng cạnh nhau nằm tâm sự. Tính anh hiền lành, ít nói, cứ thủ thỉ như con gái, nhưng nhiều khi cũng dí dỏm. Là con thứ tư trong một gia đình khá giả, anh Duyệt được tiếp thu một nền giáo dục khá toàn diện theo nề nếp một gia đình Hà Nội gốc. Nhà có bốn anh em thì Duyệt và người anh thứ hai đã tham gia quân ngũ. Những ngày chiến đấu trên chiến trường miền nam, anh không có một ước mơ nào hơn là sau chiến tranh được quay về trường tiếp tục học tập để thực hiện những hoài bão của mình.”

Sau hơn chục ngày hành quân chúng tôi đã đến vị trí tập kết ở Long Khánh, từ đây vào Sài Gòn chỉ còn khoảng gần 100 km. Tối 26.4.1975 - sau khi đi nhận nhiệm vụ về, Trưởng xe Nguyễn Đình Luông gọi cả 4 chúng tôi lại với một vẻ mặt quan trọng anh thì thầm: “Chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã chính thức được mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh và sẽ bắt đầu trong một vài ngày tới. Đại đội chúng ta sẽ nằm trong đội hình thọc sâu đánh chiếm Dinh Độc lập.

Ngay sau đó chúng tôi bắt tay vào công tác chuẩn bị. Biết rằng trận chiến đấu sắp tới sẽ

vô cùng ác liệt, kẻ địch sẽ chống trả điên cuồng bằng tất cả sức mạnh còn lại nên ngoài cơ số đạn theo xe chúng tôi còn nhận thêm mười viên đạn xuyên nữa. Buồng chiến đấu vốn đã chật hẹp nên để xếp thêm số đạn đó chúng tôi phải bỏ hết tư trang và tất cả những gì không cần thiết ra ngoài, trong đó có cả cây đàn ghi ta của anh Duyệt.

Ba cái ba lô của Luông, Thọ và tôi đã được buộc gọn gàng sau tháp pháo, còn Duyệt vẫn lúi húi tìm cách nhét cái ba lô của mình vào một góc buồng chiến đấu. Trưởng xe Luông lầm bầm: “Mày làm cái gì mà cứ loay hoay mãi thế, nhanh lên còn làm việc khác”. Vốn thẳng ruột ngựa pháo thủ Trương Đức Thọ quát tướng lên: “Đời lính có cái quái gì mà cứ giấu giấu giếm giếm như giấu vàng ấy. Đem buộc ra ngoài tháp pháo như bọn tao ấy”. Hấn còn lầm bầm: “Chẳng biết nó nhặt nhanh được những gì mà cất kỹ thế...”

Hý sinh trước ngày toàn thắng

Trên đường hành quân đến ngày 28.4.1975, xe tăng 380 bị trúng đạn quân địch, xe vẫn chạy được nhưng anh Luông và Duyệt bị thương.

Sau khi đưa anh Luông và Duyệt xuống giao cho trạm quân y, pháo thủ Thọ và tôi mới ra xem lại xe. Thì ra xe tôi bị trúng một quả đạn pháo cỡ lớn làm thùng chớp quạt gió trên tháp pháo. Có lẽ đó là một quả đạn nổ chứ không phải đạn xuyên. Khẩu 12 ly 7 đã bị bay đi mất, khẩu đại liên K53 bẹp dúm, pháo cũng bị kẹt cứng không quay được, mấy cái ba lô buộc ngoài tháp pháo cũng bay mất.

Tại nơi cấp cứu, trường xe Luông nằm thêm thiếp mê man, có điều lạ quả đạn nổ chỉ cách anh chưa đầy một mét, cái đài vô tuyến điện phía trong anh thùng lỗ chỗ mà chỉ có vài mảnh đạn trúng người anh. Anh bị nặng thế kia chắc chỉ do sức ép và chấn thương do va đập vào vành tháp pháo. Còn anh Duyệt máu me đã được lau đi, cả một nửa người tôi tả vì mảnh đạn nhưng lại rất tỉnh, Duyệt nắm tay tôi thều thào: “Tao đau lắm. Chắc tao không sống được” .

Kinh nghiệm chiến trường làm tôi thấy lo vì những ai bị thương nặng mà tỉnh táo thường khó qua khỏi, song lúc này tôi không dám nghĩ đến điều đó mà chỉ biết động viên anh yên tâm

điều trị. Tôi bảo Thọ đi xin cho Duyệt cốc sữa. Vừa bón cho Duyệt từng thìa sữa nhỏ tôi vừa thủ thỉ chuyện trò, nhắc lại những câu chuyện mà chúng tôi đã từng nói với nhau những lúc dừng chân trên đường hành quân.

Uống gần hết cốc sữa thì Duyệt thiu thiu như ngủ. Lúc này đồng chí trợ lý chính sách của Lữ đoàn cũng đã có mặt, anh truyền đạt lệnh của trên là bàn giao thương binh ở lại đây, còn chúng tôi phải trở về vị trí tập kết ngay để khôi phục xe chuân bị chiến đấu tiếp.

Tôi và anh Thọ lên xe lấy tư trang để lại cho Duyệt. Mọi cái ba lô nặng trĩch từ vành tháp pháo ra anh Thọ lẩm bẩm: “Chẳng hiểu nó có cái gì mà nặng thế. Mà lại còn ấn vào tận vành tháp pháo nữa chứ”. Vừa nói hần vừa lật cái nắp ba - lô lên. Nhưng rồi cả hai chúng tôi cùng lặng người đi, trong cái ba lô cũ kỹ, mà có lúc chúng tôi đã từng nghĩ là những của quý Duyệt nhặt nhanh từ Huế và Đà Nẵng chỉ có bộ quần áo cũ, cái võng và một bó sách! Lật qua vài quyển sách tôi thấy toàn sách học tiếng Anh, tiếng Pháp và từ điển Anh - Việt, Việt - Anh, Pháp - Việt.... Nhớ lại những lời tâm sự của

Duyệt mắt tôi rơm rớm nước, còn Thọ trầm ngâm: “Thế mà có lúc mình đã nghĩ oan cho nó. Bây giờ phải xin lỗi nó mới được”.

Mang cái ba - lô vào chỗ Duyệt chúng tôi thấy anh vẫn nằm thêm thiếp như đang ngủ. Sau đó chúng tôi nghe tin Duyệt đã hy sinh. Tôi lặng người đi vì buồn và thương bạn quá. Thế là anh Duyệt đã không thể trở về để thực hiện ước mơ của mình.

Đại tá Nguyễn Khắc Nguyệt

Chiến thắng Xuân Lộc, mở cánh cửa thép tiến vào giải phóng Sài Gòn

Sau những thất bại liên tiếp trên các mặt trận Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và miền Đông Nam Bộ, buộc chính quyền Sài Gòn phải “từ thủ Sài Gòn” để chuyển giao quyền lực trong danh dự. Vì vậy, địch tổ chức tuyến phòng thủ kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc là “một mắt xích quan trọng quyết phải giữ”, là “cánh cửa thép” phía Đông Sài Gòn, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn.

Thị xã Xuân Lộc cách Sài Gòn khoảng 80km về phía Đông, án ngữ các trục giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A vào Sài Gòn, Quốc lộ 20 nối Sài Gòn với Đà Lạt và Quốc lộ 15 nối Sài

Gòn với Bà Rịa - Vũng Tàu. Để quyết giữ Xuân Lộc bằng mọi giá, địch tập trung lực lượng, trang thiết bị, vũ khí quân sự tại tuyến phòng thủ Xuân Lộc, gồm: Sư đoàn 18 bộ binh, 1 trung đoàn thiết giáp (100 xe), 1 liên đoàn biệt động quân, 9 tiểu đoàn bảo an, 2 tiểu đoàn pháo binh (42 khẩu), 3 đại đội biệt lập, 4 trung đội pháo và các lực lượng cảnh sát, dân vệ, nghĩa quân tại chỗ (tương đương 2 sư đoàn bộ binh)... Trong quá trình chiến dịch, địch tăng cường Lữ đoàn Dù 1, Trung đoàn Bộ binh 8 (Sư đoàn 5), 1 liên đoàn biệt động quân và 1 trung đoàn thiết giáp.

Đánh giá đúng tầm quan trọng của cửa ngõ Xuân Lộc, trên cơ sở nhận định tình hình chiến trường, ngày 2/4/1975, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định mở cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc, nhằm tiêu diệt sư đoàn 18 ở vòng ngoài, phá âm mưu phòng ngự từ xa, phá thế phòng ngự củng cố Sài Gòn của địch, chia cắt giao thông, cô lập Sài Gòn. Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4 phối hợp với Sư đoàn Bộ binh 6 (Quân khu 7),

hai tiểu đoàn xe tăng, trung đoàn pháo binh và 2 tiểu đoàn bộ binh địa phương, cuối chiến dịch được tăng cường thêm Trung đoàn 95B (Sư đoàn 325) và đại đội xe tăng.

Theo kế hoạch của Ban chỉ huy, 5 giờ 40 phút ngày 9 - 4 - 1975, Quân đoàn 4 đã nổ súng tiến công Xuân Lộc, tiến hành một chiến dịch gồm nhiều trận chiến đấu liên tiếp, liên kết chặt chẽ với nhau trong một không gian nhất định. Ngay từ ngày đầu, chiến dịch đã diễn ra vô cùng gay go, ác liệt. Trong ngày chiến đấu đầu tiên, quân ta đã chiếm được một phần hai thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu.

Trước thế mạnh của quân ta, địch đã điên cuồng chống trả, tăng cường lực lượng quyết giữ Xuân Lộc bằng mọi giá. Ngày 12/4, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn quyết định tăng cường lực lượng, vũ khí và phương tiện chiến tranh cho Xuân Lộc: Đồ lữ đoàn 1 dù xuống chốt tại ngã ba Tân Phong; đồng thời, nhanh chóng bố trí lại thế trận phòng thủ ở thị xã; đưa lữ đoàn 3 thủy quân lục chiến, chiến đoàn 318 biệt động quân đến chốt giữ Trảng Bom, chiến đoàn 322

biệt động quân đến chốt ở Bàu Cá và điểm cao 122; đưa trung đoàn 8, sư đoàn 5 từ Lai Khê sang tăng cường cho Bàu Cá; lệnh cho các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất tập trung 80 lần chiếc máy bay chiến đấu mỗi ngày trực tiếp chi viện cho các mũi phản kích. Như vậy, để cô thủ Xuân Lộc - Long Khánh, địch đã tập trung trên 30% lực lượng bộ binh, 40% pháo binh và gần hết lực lượng xe Tăng - Thiết giáp của Quân đoàn 3 - Quân khu 3 và lực lượng tổng dự bị chiến lược của quân đội Sài Gòn.

Sau 3 ngày chiến đấu, mặc dù ta đã chiếm được một số mục tiêu, đẩy lùi được một số đợt phản kích của địch nhưng vẫn chưa diệt gọn từng tiểu đoàn của địch, trong khi đó quân đội ta cũng gặp những tổn thất. Trước tình hình trên, ta đã nghiên cứu diễn biến trận đánh, quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh từ tiến công trực tiếp chuyển sang thế trận bao vây, cô lập nhằm làm suy yếu lực lượng địch trong thị xã; tiêu diệt các lực lượng tiếp viện của địch mới được điều đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài.

Từ nhận định toàn tuyến phòng thủ Sài Gòn - Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối liền với Biên Hòa, Bộ chỉ huy chiến dịch và Quân đoàn chủ trương thiết lập thế trận mới bằng cách cô lập và tách rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã 3 Dầu Giây, cắt quốc lộ 1 ngăn chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích và đánh chiếm Tân Phong. Ngay sau khi chuyển sang cách đánh mới, quân giải phóng miền nam đã giành thế chủ động. Trong khi ta chuyển thế trận và cách đánh, địch lại tưởng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta, phía địch công bố chiến thắng Xuân Lộc. Ngày 15 - 4, ta chuyển hướng tiến công. Hòa lực pháo binh chiến dịch của ta đã tiến hành tập kích mãnh liệt vào sân bay Biên Hòa, Sư đoàn 6 có sự tăng cường của Trung đoàn 95B đã tiến công tiêu diệt chiến đoàn 52, 1 tiểu đoàn pháo, 1 chi đoàn thiết giáp, chiếm giữ chi khu Gia Kiệm, ngã ba Dầu Giây, cắt đứt Quốc lộ 1 (đoạn Xuân Lộc đến Bàu Cá) và đường 20 (đoạn Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây), tạo thế bao vây, cô lập hoàn toàn thị xã Long Khánh - khu vực trọng yếu trên tuyến

phòng thủ Xuân Lộc của địch.

Trước tình hình “ngàn cân treo trên sợi tóc”, từ ngày 16/4, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn khẩn cấp đưa lữ đoàn 3 thiết giáp, trung đoàn 8, sư đoàn 5; huy động hơn 100 khẩu pháo cỡ lớn ở các căn cứ Nước Trong, Hố Bà Thúc, Long Bình, Đại An và 125 lần chiếc máy bay chiến đấu chi viện mỗi ngày, mở cuộc phản kích quy mô lớn, quyết chiếm lại Dầu Giây.

Dầu Giây bỗng chốc trở thành điểm quyết chiến khốc liệt nhất trong cuộc đọ sức giữa ta và địch tại Xuân Lộc. Tồn thất của cả hai bên tiếp tục tăng lên mỗi ngày. Cùng thời gian này, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 tiếp tục tiến công, đánh bại các chiến đoàn 43 và 48, tiêu hao nặng lữ đoàn 1 dù của địch; Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B tiến công Hưng Nghĩa và điểm cao 122, đẩy quân địch xuống Bàu Cá. Phối hợp chặt chẽ với đòn tiến công của quân chủ lực, bộ đội địa phương và du kích nhanh chóng tiêu diệt, bức hàng, bức rút hệ thống đồn bốt địch ở dọc các trục giao thông bao quanh thị xã.

Khi chiến sự ở Xuân Lộc còn đang diễn

ra trong thế giằng co, thì cánh quân duyên hải, nòng cốt là Binh đoàn Hương Giang, sau khi đập tan “lá chắn Phan Rang”, giải phóng Phan Thiết, Hàm Tân đã tiến vào khu vực Rừng Lá. Sức mạnh của một binh đoàn chiến lược thọc sâu vừa đánh tan những tập đoàn cứ điểm phòng thủ mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Huế, Đà Nẵng, Phan Rang không chỉ góp phần cô lập trực tiếp đối với quân địch ở Xuân Lộc, mà còn tạo sức ép mạnh đối với toàn bộ quân địch còn lại ở miền nam.

Nhận thấy không thể đủ sức giành lại Dầu Giây, chiếc “then” của “cánh cửa thép” không còn, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn xuống lệnh rút khỏi Xuân Lộc để bảo toàn lực lượng. Theo đó, vào lúc 22h ngày 20/4, lợi dụng lúc trời mưa lớn, theo tinh lộ 2, toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc đã tháo chạy về hướng Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhưng do chủ quan, mất cảnh giác, chậm phát hiện được hành động của địch, nên ta chỉ kịp chặn đánh được bộ phận rút quân sau cùng của chúng.

Ngày 21/4/1975, Chiến dịch tiến công

Xuân Lộc kết thúc thắng lợi, thị xã Long Khánh được hoàn toàn giải phóng. “Cánh cửa thép” phía Đông Sài Gòn - Gia Định đã mở toang. Thừa thắng, quân và dân các địa phương đã tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn tỉnh Long Khánh.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu gay go, quyết liệt với tinh thần dũng cảm, ngoan cường ta đã đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù 1, tiêu diệt chiến đoàn 52, sư đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, giải phóng thị xã Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh. Chiến thắng Xuân Lộc đã đập tan “cánh cửa thép” ở cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, làm suy sụp tinh thần kháng cự của binh lính quân đội Việt Nam Cộng hòa; tạo ra thế và lực mới để quân và dân ta bước vào trận quyết chiến trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

Chiến dịch Xuân Lộc kết thúc thắng lợi, “cánh cửa thép” phía Đông Sài Gòn đã mở rộng cho các đơn vị tiến vào Sài Gòn. Chiến thắng Xuân Lộc khơi dậy, cổ vũ tinh thần quyết chiến,

quyết thắng khí thế cách mạng tiến công của toàn quân và dân cho trận quyết chiến chiến lược, góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oanh liệt của dân tộc Việt Nam. Đối với chính quyền và quân đội Sài Gòn, sự kiện Xuân Lộc đã tạo ra một áp lực mạnh mẽ làm cho nội bộ lục đục và suy yếu thêm. Thắng lợi của chiến dịch này là đòn quyết định đánh sập toàn bộ ý chí kháng cự của địch và làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ xung quanh Sài Gòn.

Phương Anh - Minh Yên

Chuyện ít biết về xe tăng 377 và 5 anh em...

Hồi mới lên Tây Nguyên, tôi nghe nói ở Đắk Tô đang trưng bày cái xe tăng do ông Hữu Thịnh, tác giả bài thơ *Năm anh em trên một chiếc xe tăng* lái và nhờ lái chiếc tăng này mà ông làm bài thơ sau được nhạc sĩ Doãn Nho phổ nhạc để bây giờ đi bất cứ đâu ta cũng thấy có người hát. Song cũng không phải ai cũng tường, cũng rõ sự tích của chiếc xe tăng anh hùng này, cũng như xuất xứ của bài thơ, bài hát nổi tiếng kia.

Nhân vừa rồi có chuyến ngược Đắk Glei tìm về *Rừng xà nu* và cụ Mết, chúng tôi tranh thủ ghé lại Đắk Tô, thêm một lần chiêm ngưỡng chiến tích uy dũng của quân đội ta hiện đang được bày trong khuôn viên tượng đài chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh.

Trước khi trở thành nhà thơ nổi tiếng, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam như hiện nay, Hữu Thỉnh là một chiến sĩ lái xe tăng thứ thiệt. Đơn vị anh cũng đánh vào Đắc Tô Tân Cảnh mùa hè năm 1972 và trong vài lần đi với anh về đây, anh vẫn chỉ vạch vách những nơi dấu xích xe tăng anh đã qua. Nhưng anh không phải là người lái chiếc tăng T54 số hiệu 377 anh hùng kia. Anh kể, khi xe tăng của anh tiến vào thì chiếc tăng 377 đã bị bắn cháy. Một vết đạn to bằng chiếc bát ăn cơm khoan qua chiếc xe tăng ở gần tháp pháo. Mở cửa chui vào, một cảnh tượng bi thương bày ra trước mắt: Tất cả đã cháy thành than. Trong ấy lẫn lóc một nắm cơm cháy đen. Anh lặng lẽ gạt nước mắt nhặt nắm cơm, thực chất là một cục than, cho vào lòng trở lại xe mình. Sau đó, bộ phận tử sĩ tiếp cận chiếc xe và làm thủ tục chôn cất liệt sĩ. Nắm cơm này đã được Hữu Thỉnh trao lại cho Bảo tàng Tăng - Thiết giáp và hiện nay đang được bảo quản tại đây.

Bài thơ *Năm anh em trên một chiếc xe tăng* ra đời từ âm hưởng ấy. Nó không viết cụ thể về chiếc xe 377, nhưng những ám ảnh về nó, ký

ức bi tráng và oai hùng về nó, cộng với quá trình trải nghiệm với tư cách người lính tăng thực thụ đã vào sống ra chết với kíp xe tăng của mình, chứng kiến sự đoàn kết, yêu thương nhau, nhường cơm sẻ áo, chung nhau mọi thứ trên chiếc xe tăng nhỏ hẹp trên đồng dặc chiến trường khốc liệt, sự dũng cảm, sẵn sàng hy sinh quên mình của đồng đội đã khiến anh lính tăng Hữu Thịnh dồn cảm xúc để bật ra những câu thơ vừa rất bình dị, vừa lâm liệt, vừa dào dạt yêu thương, vừa hào sảng..., mà chỉ lính tăng thứ thiệt mới viết được như thế: *“Năm anh em trên một chiếc xe tăng/như năm bông hoa nở cùng một cội/như năm ngón tay trên một bàn tay/đã xung trận là năm người như một”...*

Nhưng thực sự thì kíp xe tăng 377 ấy chỉ có bốn chiến sĩ, đây là Thiếu úy Nguyễn Nhân Triền - Trung đội trưởng - Trưởng xe, hạ sĩ Hoàng Văn Ái - pháo thủ, hạ sĩ Trần Quang Vịnh - lái xe, hạ sĩ Nguyễn Đắc Lương - pháo thủ, họ đã dũng cảm tiêu diệt 7 xe tăng M41 của địch trong chiến dịch xuân hè Bắc Tây Nguyên, góp phần giải phóng hoàn toàn Đắk Tô - Tân Cảnh ngày 24/4/1972 và cả 4 chiến sĩ đã anh dũng hy

sinh. Bốn chiến sĩ và chiếc xe tăng ấy thuộc Trung đội 3, Đại đội 7, Tiểu đoàn 297, mặt trận Tây Nguyên (nay là Đại đội 7, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 273, Quân đoàn 3). Tài liệu ghi lại cuộc chiến đấu oai hùng ấy như sau: Rạng sáng ngày 24/4/1972, bộ đội ta nổ súng tiến công tiêu diệt địch tại cụm cứ điểm Đăk Tô - Tân Cảnh. Sau 30 phút nổ súng của bộ binh và pháo binh, xe tăng của ta dũng mãnh lao lên, tiêu diệt các lô cốt, hỏa điểm của địch. Kíp xe tăng 377 đã dũng mãnh tấn công, như một mũi thép lướt qua công sự, chiến hào, vật cản của địch, đánh vào trung tâm sở chỉ huy Trung đoàn 42 nguy. Sau khi làm chủ căn cứ Tân Cảnh, xe 377 được lệnh tiếp tục tiêu diệt địch ở căn cứ Đăk Tô 2. Xe tăng 377 dẫn đầu trung đội, vận động với tốc độ cao, dũng cảm vượt qua các trận địa và sự ngăn chặn ác liệt của máy bay địch, đến Đăk Tô 2 sớm nhất. Quân địch thấy lực lượng của ta ít, chúng điều xe tăng ra ngăn chặn. Nguyễn Nhân Triển bình tĩnh chỉ huy xe tăng 377 tả xung, hữu đột, bắn cháy 7 chiếc M41 của địch, làm rối loạn đội hình của chúng. Chúng tôi đã dừng xe ở nơi chiếc xe 377 bị bắn cháy, nó ở cách nơi nó đang đứng bây giờ

chừng mười cây số, gần phía sân bay Phụng Hoàng trước một cú điểm rất kiên cố của địch thời ấy. Theo một số sĩ quan xe tăng có kinh nghiệm thì nhìn vết đạn có thể đoán nó bị một chiếc M41 bắn cháy. Sức nóng khủng khiếp của quả đạn đã biến tất cả phía trong xe tăng thành tro.

Những ngày này sẽ có rất nhiều người hát *Năm anh em trên một chiếc xe tăng*, có thể sẽ thêm một chút thú vị, một phút lắng lòng, một sự tự hào và cả nỗi niềm trắc ẩn nếu biết thêm một chút về người làm ra bài thơ cũng như sự tích chiếc xe tăng anh hùng. Những chiến sĩ của kíp xe tăng này đã được Chủ tịch nước ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 2009.

Văn Công Hùng

**Chuyện cô gái trẻ
ngồi trên xe tăng dẫn đường cho bộ đội
tiến vào giải phóng Sài Gòn**

Những ngày cuối tháng tư năm 2020, tại căn nhà nhỏ thuộc khu phố Nguyễn Trãi, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, nhân chứng lịch sử Nguyễn Thị Ngọc Mỹ kể lại câu chuyện năm xưa ngồi trên xe tăng dẫn đường cho đoàn quân tiến vào giải phóng Sài Gòn cách đây 45 năm (30/4/1975 - 30/4/2020).

Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ (hay cô Hai Mỹ, sinh năm 1951) trông trẻ khỏe so với tuổi gần "thất thập" của mình. Sinh ra và lớn lên ở ấp Phú Hội, xã Vĩnh Phú, quận Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là khu phố Phú Hội, phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương), cô Hai Mỹ đã từng nghe cha mẹ kể nhiều về những tháng năm gian

khô kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày ấy, do hoàn cảnh khó khăn, học hết lớp 2, Hai Mỹ đã nghỉ học ở nhà giúp ba mẹ và làm "liên lạc viên" cho các cô chú là cơ sở cách mạng. Đến năm 1967, mới 16 tuổi, Hai Mỹ đã chính thức trở thành "người cách mạng", được giao nhiệm vụ thông báo tin cho các cô chú đang hoạt động trong vùng địch.

Với lợi thế là cô gái 16 tuổi, trẻ đẹp, Hai Mỹ dễ dàng tiếp cận đám lính để nghe ngóng, khai thác thông tin nắm tình hình hoạt động của ngụy quân, ngụy quyền rồi báo tin cho cán bộ cách mạng; đồng thời vận động thanh niên trong làng tích cực tham gia các hoạt động quần chúng giúp cơ sở cách mạng.

Trong đợt tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Hai Mỹ đã hăng hái tham gia may cờ chuẩn bị cho nhân dân xuống đường, cùng với quần chúng đến các điểm giao nhận lương thực, thực phẩm để chuyển vào căn cứ. Hai Mỹ còn tham gia chuyển thương binh, vận chuyển tiếp tế đạn phục vụ bộ đội, du kích chiến đấu.

Trong những ngày đầu tháng Giêng Tết Mậu Thân, Hai Mỹ đã cùng quần chúng vận

chuyển thương binh từ nội thành Sài Gòn ra, vận chuyển thương binh và dân công trong xã bằng xe bò, khiêng cáng bộ vào chiến khu D, là căn cứ cách mạng dưới bom đạn ác liệt của quân địch.

Những ngày sau Tết Mậu Thân, địch điên cuồng phản kích ác liệt ở nội đô lẫn vùng ven Sài Gòn. Một số cơ sở cách mạng trong xã Vĩnh Phú bị địch bắt. Để đảm bảo an toàn "thông báo tin", Hai Mỹ được đưa vào làm nhiệm vụ tại chiến khu Thuận An Hòa, nay thuộc phường Thuận Giao của thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Trong thời gian ở đây, Hai Mỹ được cử đi học lớp y tá bốn tháng do Quân Y Dĩ An mở ở ven Sông Bé. Khi học gần hết khóa, địch bất ngờ mở đợt tấn công càn quét vào vùng căn cứ, Hai Mỹ được đưa về hoạt động ở xã Tân Thới, quận Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một, nay thuộc phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Những ngày đầu năm 1969, địch liên tục mở các cuộc càn quét dữ dội ở vùng ven sông Sài Gòn. Trong một trận càn của địch, Hai Mỹ lúc đó 18 tuổi, đã bị địch bắt. Sau tám ngày tra tấn, hỏi cung, địch không khai thác được gì nên buộc phải trả tự do cho cô. Đầu năm 1970, Hai Mỹ được tổ

chức cách mạng bố trí về lại gia đình, hoạt động bán công khai, làm Bí thư Chi đoàn Thanh niên xã Vĩnh Phú.

Cuối tháng 3/1970, Hai Mỹ một lần nữa bị địch bắt. Chúng dùng mọi thủ đoạn tra tấn dã man, thậm chí dùng cả roi điện chích vào người để buộc cô khai ra tổ chức cách mạng. Tuy nhiên, cô đã kiên cường vượt qua mọi tra khảo của địch, tuyệt đối giữ bí mật cho cơ sở cách mạng khiến cho địch tức giận tổng giam vào ngục tối. Hai tháng trong ngục tối, Hai Mỹ nhất quyết không khai báo lời nào nên địch buộc phải trả tự do cho cô vào tháng 5/1970.

Khi ra khỏi ngục, Hai Mỹ về nhà tiếp tục tham gia các hoạt động hợp pháp, nắm tình hình địch và xây dựng cơ sở cách mạng ngay trong lòng địch. Đến đầu tháng 5/1973, Hai Mỹ vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Trong năm này, Đảng viên Hai Mỹ bị một tên chiêu hồi chỉ điểm. Địch đã tổ chức lực lượng truy lùng hòng bắt cho cô.

Trước tình hình này, Hai Mỹ phải rời gia đình vào rừng và được tổ chức cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Huyện Đoàn Lái Thiêu. Năm 1974, Hai

Mỹ được bầu làm Bí thư Huyện Đoàn Lái Thiêu.

Trong thời gian này, tình hình ở Lái Thiêu rất ác liệt, chính quyền Sài Gòn từng tuyên bố "rừng Cò My còn thì Sài Gòn mất", nên địch tăng cường vây ráp dữ dội. Việc đi lại để nắm tình hình các cơ sở cách mạng gặp nhiều khăn. Tổ chức phân công Hai Mỹ về Tân Thới nay là Lái Thiêu bám trụ ngay giữa lòng địch để trực tiếp nắm rõ hơn tình hình địch, báo cáo cơ sở kịp thời chỉ đạo tác chiến.

Tối 29/4/1975, tiếng súng ở các nơi nổ dồn dập, Hai Mỹ đang cùng cơ sở cách mạng may cờ giải phóng để kịp phát cho người dân. Đêm đó, rất nhiều người dân sống ở Lái Thiêu bỏ nhà chạy ra đường nhưng họ cũng không biết đi đâu, về đâu tạo ra cảnh hoảng loạn bất an. Hai Mỹ cùng những người trong cơ sở cách mạng đi vận động bà con ở trong nhà, không nên ra ngoài đường. Tình hình tương đối ổn định, Hai Mỹ tiếp tục đạp xe xuống các cơ sở cách mạng nắm bắt thêm thông tin.

Khi ghé vào cơ sở nhà má Sáu Ngẫu, Hai Mỹ gặp Trung đoàn trưởng Nguyễn Huy Hiệu cùng Ban Chỉ huy Trung đoàn 27. Qua trao đổi, Hai Mỹ biết lực lượng chủ lực đang ém quân tại ngã tư Hòa Lân, Thuận Giao. Tuy được má Sáu

Ngẫu cung cấp tình hình, chỉ rõ từng vị trí đóng quân địch chốt giữ và còn đánh dấu trên tấm bản đồ nhưng các anh cũng còn khó khăn trên thực địa vì không rành đường sá.

Thấy được khó khăn đó, cô gái trẻ Hai Mỹ tình nguyện lên xe tăng ngồi dẫn đường cho bộ đội tiến về giải phóng Sài Gòn. Nhờ có bản đồ của má Sáu Ngẫu chuẩn bị, lại có thêm cô gái trẻ ở địa phương trực tiếp dẫn đường, Trung đoàn 27 nhanh chóng tiêu diệt Tiểu đoàn địch ở Củ Chi mới tăng viện về bảo vệ chi khu và quận lỵ Lái Thiêu, bao vây chia cắt và buộc địch ở trung tâm huấn luyện phải đầu hàng. Đồng thời, lực lượng tác chiến nhanh chóng đánh chiếm Vĩnh Bình và cầu sắt Lái Thiêu.

Sau ngày 30/4/1975, trải qua nhiều vị trí công tác với những chức vụ khác nhau, từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh, với bản tính cách mạng của người chiến sĩ kiên trung, cô Hai Mỹ luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao, trở thành tấm gương mẫu mực của người đứng đầu, luôn giữ gìn lối sống, nếp sinh hoạt giản dị cho đến ngày nghỉ hưu, tháng 11/2002.

Trong quá trình hoạt động cách mạng,

tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cô Hai Mỹ đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý. Đáng chú ý trong đó, cô được Thủ tướng Chính phủ tặng Kỷ niệm chương "Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đày"; Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen cho người bị nhiễm chất độc hóa học đã có nhiều thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và nhiều phần thưởng khác.

Nói về cô Hai Mỹ, Bí thư Đảng ủy phường Lái Thiêu, Trần Đình Minh Phước cho biết, Cô Hai Mỹ sớm giác ngộ cách mạng, trong quá trình tham gia hoạt động từng bị địch bắt tù đày, tra tấn dã man, nhưng vẫn thể hiện bản lĩnh cách mạng trung kiên không khai báo, vẫn bảo vệ tổ chức, bảo vệ cách mạng. Hiện nay, dù tuổi cao, cô vẫn tham gia các đóng góp xây dựng đảng, chính quyền và phát triển kinh tế tại địa phương. Cô luôn thể hiện là một người cán bộ, đảng viên gương mẫu, có đạo đức, lối sống giản dị, tích cực tham gia phát triển kinh tế gia đình, đóng góp xây dựng địa phương.

Ngưỡng mộ tấm gương của cán bộ Hai Mỹ, Bí thư Đoàn Thanh niên phường Lái Thiêu Lê Thị Kim Ngân xúc động nói: "Thời gian qua,

cô Hai Mỹ đã truyền ngọn lửa truyền thống cách mạng cho nhiều thế hệ thanh niên trên địa bàn phường. Noi gương cô, thế hệ trẻ hôm nay luôn cố gắng phấn đấu để trở thành những người công dân có ích cho xã hội, không ngừng học tập rèn luyện, trưởng thành, ra sức xây dựng quê hương, đất nước”.

Theo Baotintuc.vn

40 năm giải cứu Campuchia

Tiến vào Phnom Penh

"Khi đánh nhau ở Phnom Penh, bộ đội Việt Nam mình không tiếc máu xương tiêu diệt bọn Pol Pot và cũng không tiếc máu xương bảo vệ những công trình văn hóa nghệ thuật tại thành phố này".

Máu đổ trên đường vào Phnom Penh

Lúc đó, sau hơn một tuần Việt Nam tổng phản công trên toàn tuyến biên giới, nhiều sư đoàn chủ lực của Pol Pot bị tiêu diệt.

∴ Chúng lui về lập tuyến phòng thủ tại khu vực đường 10 Don So. Để vào Phnom Penh, trung đoàn bộ binh 209 và tiểu đoàn xe tăng 2 của Quân đoàn 4 phải chọc thủng tuyến phòng thủ này.

"Trận đánh ở đường 10 Don So từ ngày 1 đến 3 - 1 - 1979 rất ác liệt. Mất ba ngày, mình mới diệt được nó" - ông Trần Ngọc Giao, Anh hùng lực

lượng vũ trang nhân dân, giờ đã 65 tuổi, nhớ lại.

Ông cho biết: "Lợi thế của địch là mương dẫn nước cao 1,5m tạo thành bức tường phòng thủ. Địch đặt các loại pháo chống tăng trên bờ đất cao để diệt mình, còn ta chỉ có đường độc đạo, xung quanh là ruộng.

Sau hai ngày giao tranh, trung đoàn 209 bị thương vong nhiều. Qua ngày thứ ba, sau khi bổ sung một tiểu đoàn dự bị mới đập tan tuyến phòng thủ Don So.

Trận này ác liệt vì gần biên giới mình nên Pol Pot phòng thủ rất dữ. Chúng tôi là lính xe tăng hi sinh ít, chứ bộ binh mình hi sinh nhiều".

Sau khi chọc thủng phòng tuyến Don So, Quân đoàn 4 hành quân hướng về phà Neak Loeung để tiến vào Phnom Penh.

Sư đoàn bộ binh 7 được chọn hướng chính diện tiến vào Phnom Penh. Hai sư đoàn bộ binh khác đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ sườn cánh trái và cánh phải ở hướng nam và bắc, hỗ trợ sư đoàn 7 hoàn thành nhiệm vụ.

Đêm 5 - 1 - 1979, các lực lượng bộ binh, pháo binh, Tăng - Thiết giáp của Quân đoàn 4 cũng ùn ùn kéo tới phà Neak Loeung.

5h30 sáng 6 - 1 - 1979, tiểu đoàn xe tăng 2 nhận lệnh phối hợp cùng sư đoàn bộ binh 7 đánh chiếm phà Neak Loeung.

Xe tăng số hiệu 975 do chuẩn úy Trần Ngọc Giao làm trưởng xe tiếp tục được giao nhiệm vụ dẫn đầu đội hình toàn quân đoàn.

Đề vào được Phnom Penh, Quân đoàn 4 phải vượt qua hỏa lực phòng thủ của địch bên kia sông Mekong ở khu vực phà Neak Loeung.

"Sông Mekong rất rộng. Nếu không nhờ đặc công và hải quân thì xe tăng mình không vào thành phố Phnom Penh được. Còn quân Pol Pot từ thủ bên kia phà để ngăn quân ta tiến vào thành phố.

Trận đánh ở đây vì thế trở nên khốc liệt. Nó đã xóa sổ gần hai trung đoàn bộ binh của ta! Lính của mình hi sinh nhiều, nước đỏ sông! - ông Trần Ngọc Giao kể, đôi mắt rung rung xúc động.

∴ 17h ngày 6 - 1 - 1979, tiểu đoàn xe tăng 2 và các lực lượng phối hợp đã làm chủ được phà Neak Loeung. "12h đêm, tàu há mồm của hải quân đưa xe tăng chúng tôi qua phà.

Khoảng 4h30 sáng 7 - 1, ta đưa sang sông được một tiểu đoàn xe tăng thiết giáp, trung đoàn bộ binh 141, tiểu đoàn 8 của trung đoàn 209, trung

đoàn 165 cùng Binh đoàn 1 - bộ đội cách mạng Campuchia.

5h30, chúng tôi nhận lệnh hiệp đồng cùng bộ binh của trung đoàn 209 đánh vào giải phóng thành phố Phnom Penh" - ông Trần Ngọc Giao nhớ lại.

12h30 ngày 7 - 1 - 1979

Gần 10h ngày 7 - 1 - 1979, tiểu đoàn xe tăng 2 và bộ binh đã tiến đến cầu Monivong. Bên kia cầu, địch dùng hỏa lực bắn lên cầu đỏ rực.

"Tôi lệnh cho lái xe tăng tốc độ tối đa vượt cầu, lỡ địch có cài mìn nổ thì mình cũng vượt qua rồi. Vừa đến đỉnh cầu, địch trong các nhà cao tầng bắn ra xối xả. Nhưng sư đoàn 260 của địch chỉ chống cự được một lúc thì bỏ chạy".

Vượt qua cầu Monivong, đội hình hành quân tiến đánh vào Phnom Penh, đi đầu là tiểu đoàn xe tăng 2, theo sau là trung đoàn bộ binh 141 và 209.

Xe tăng 973 của chuẩn úy Giao dẫn đầu đội hình cùng bộ binh của Quân đoàn 4 tiến vào thành phố.

Ở tuyến sau có các trung đoàn bộ binh, đặc công, lữ đoàn pháo binh... đi theo để bảo vệ sườn

cho đội hình bộ binh.

10h30 ngày 7 - 1 - 1979, xe tăng 973 đã tiến được đến Bộ tổng tham mưu của Pol Pot. Lính Pol Pot trên các tòa nhà vẫn bắn xuống chống trả.

Chuẩn úy Giao lệnh cho pháo thủ bắn lên yểm trợ, còn mình thì chạy lên cấm cờ. Nhưng lá cờ treo ngoài ăngten xe tăng đã bị địch bắn nát.

Ông phải cởi chiếc áo thun trắng đang mặc, lấy mỡ bò viết chữ: "B2, C10, D2, Lữ 22" (trung đội 2, đại đội 10, tiểu đoàn 2, lữ đoàn 22) rồi cột trên nóc tòa nhà của Bộ tổng tham mưu địch làm cờ. Ông lệnh cho xe điện báo về đơn vị: xe tăng 973 đã chiếm lĩnh được thành phố Phnom Penh!

Khoảng 30 phút sau, các lực lượng khác cũng tiến vào thành phố. Tiểu đoàn thiết giáp 3 của trung đoàn 141 chiếm khu sứ quán.

Tiểu đoàn xe tăng 1 chiếm cơ quan trung ương địch. Tiểu đoàn 8 của trung đoàn 209 chiếm đài phát thanh. Tiểu đoàn 9 truy kích địch về phía tây.

Nhưng đến lúc đó, máu của người lính vẫn đổ xuống khi một toán quân Pol Pot núp trên tòa nhà sứ quán dùng súng chống tăng B40 bắn cháy

một chiếc xe thiết giáp M - 113 của ta khiến toàn bộ kíp xe hi sinh...

Khoảng 12h30 ngày 7 - 1 - 1979, các đơn vị thuộc Quân đoàn 4 cùng Binh đoàn 1 của bộ đội cách mạng Campuchia đã làm chủ hoàn toàn thủ đô Phnom Penh.

“Khung cảnh Phnom Penh lúc đó hoang tàn không thể tả. Cả thành phố rộng thênh thang không bóng dáng một người dân vì bị Khmer Đỏ đuổi hết từ tháng 4 - 1975 rồi. Phố phường trống hoang.

Cả thành phố vắng lặng như một thành phố chết! Địch chất các bao cát đắp thành các ụ bắn chặn diệt mình. Tôi lệnh cho lái xe phải chạy hết tốc độ vượt khi qua các ngã ba, ngã tư để né súng chống tăng B40, B41 của địch bắn chặn đầu” - ông Trần Ngọc Giao kể.

My Lăng

Lá thư cuối cùng của người lính xe tăng cảm tử

Những lá thư cuối cùng của liệt sĩ Nguyễn Đắc Lượng, thành viên kíp xe tăng 377 - kíp xe đã lập công xuất sắc và anh dũng hy sinh trong trận đánh căn cứ Đắc Tô - Tân Cảnh ngày 24 - 4 - 1972 được trưng bày tại Bảo tàng Lực lượng Tăng - Thiết giáp đã để lại dấu ấn sâu đậm với đông đảo khách tham quan.

Những thuyết minh viên của Bảo tàng đã nhiều lần được cầm, ngắm, đọc và cảm nhận đến từng nét chữ, từng lời viết trong lá thư của người chiến sĩ xe tăng viết cho anh trai mình trước khi bước vào chiến dịch Tây Nguyên (năm 1972).

Mỗi lần xem thư và giới thiệu trận đánh căn cứ Đắc Tô - Tân Cảnh cho khách tham quan là một lần trong lòng các thuyết minh viên lại trào

dâng xúc động, sự hoài cảm khôn nguôi về một con người.

Anh Nguyễn Đắc Lượng sinh ra và lớn lên ở một làng quê nghèo vùng trung du Phú Thọ. Rời ghế nhà trường, anh xung phong nhập ngũ.

Tạm biệt quê hương, gia đình, Nguyễn Đắc Lượng hành quân vào chiến trường miền nam chiến đấu trong đội hình “lính xe tăng”. Anh mang theo mình tình yêu và nỗi nhớ quê hương cùng những người thân yêu da diết.

Miền nam đau thương và anh dũng đang chờ những chàng trai như anh ra trận. Là người lính tuổi đôi mươi, anh xác định rõ trách nhiệm của mình, sẵn sàng cống hiến và hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân mà quên đi hạnh phúc riêng mình.

Tình yêu ấy, lý tưởng ấy quện chặt trong anh; để những khi rảnh rỗi, anh lại gói vào những cánh thư, gửi về hậu phương, nơi những người thân đau đáu ngóng trông.

Những lá thư vượt Trường Sơn, vượt qua bao nhiêu đèo cao, suối sâu, vực thẳm, vượt qua bom đạn ác liệt của kẻ thù, được đổi bằng máu của những chiến sĩ quân bưu mới về đến quê hương.

Sự khốc liệt của chiến tranh đã làm cho những cánh thư đi về không trọn vẹn, chỉ có 3 lá thư tới đúng địa chỉ. Gia đình đón nhận, nâng niu, gìn giữ đến giờ.

Khi trao những bức thư này cho Bảo tàng Lực lượng Tăng - Thiết giáp, anh Nguyễn Đắc Lực - anh trai liệt sĩ Nguyễn Đắc Lực đã nói: “Đó là kỷ vật cuối cùng của người em trai yêu quý của tôi”.

Thời gian trôi qua hơn một phần ba thế kỷ, những phong bì thư đã cũ sần các góc, nhưng những nét chữ trong thư vẫn tươi nguyên màu mực, lá thư cuối anh viết cho người anh trai của mình vào ngày 31 - 10 - 1971, khi đang ở chân dãy núi Trường Sơn.

Nội dung thư mộc mạc, giản dị, chứa chan tình cảm của người chiến sĩ ở độ tuổi đôi mươi, nhưng toát lên một tinh thần lạc quan cách mạng, bản lĩnh và nghị lực, một ý chí và lý tưởng sống cao đẹp.

Những dòng thư ngắn ngủi anh viết tuy chưa nói hết những điều muốn nói, nhưng tôi biết, chứa đựng trong đó là đầy ắp kỷ ức tuổi thơ đẹp đẽ, tình yêu quê hương cháy bỏng, ngọn lửa cách

mạng nhiệt thành, bầu nhiệt huyết và con tim tha thiết được sống và hiến dâng giá trị đích thực của con người cho lý tưởng.

Lý tưởng ấy luôn được thắp sáng và hun đúc bằng một niềm tin mãnh liệt, đó là đất nước nhất định độc lập, Bắc - Nam xum họp một nhà, trong niềm vui chung của dân tộc có niềm vui riêng của anh và gia đình.

“Anh yêu quý! đơn vị em hiện đang ở chân dãy Trường Sơn, đợt này em đi có thể đến ngày thống nhất đất nước em mới về.

Lúc này, giữa cánh rừng Trường Sơn bao la, em rất nhớ và muốn được về thăm quê hương và gia đình. Nhưng tuổi trẻ phải cống hiến và hy sinh, em và những đồng đội phải làm tròn nhiệm vụ Tổ quốc giao cho.

Còn chuyện hạnh phúc riêng của em, em sẽ đợi đến ngày đất nước ca khúc khải hoàn, lúc đó sẽ vui hơn rất nhiều anh nhỉ...” - Nguyễn Đắc Lượng viết lá thư này trước khi đơn vị bước vào trận đánh, đó là trận tiến công căn cứ Đắc Tô - Tân Cảnh mà anh linh cảm thấy sự khốc liệt và những mất mát, hy sinh.

Ngày 24 - 4 - 1972, Nguyễn Đắc Lượng

cùng kíp xe tăng mang số hiệu 377 thuộc Trung đội 3, Đại đội 7, Tiểu đoàn tăng 297, tham gia trận đánh Đắc Tô - Tân Cảnh.

Sau khi quân ta thắng lợi giòn giã và làm chủ Tân Cảnh, trung đội 3 được lệnh tiến công căn cứ Đắc Tô 2. Kíp xe 377 dẫn đầu đội hình vượt qua nhiều đợt bắn phá ác liệt của máy bay địch, đến Đắc Tô 2 sớm nhất.

Thấy xe tăng ta ít, quân địch trong căn cứ cho xe tăng ra phản kích. Với ý chí quyết tâm cao độ và lòng căm thù giặc, xe 377 đã nhanh chóng làm chủ tình thế, lao thẳng vào đội hình xe tăng địch, bắn cháy liên tiếp 7 xe tăng M41, làm quân địch hoảng loạn, tạo thời cơ cho xe tăng và bộ binh ta tiến lên tiêu diệt địch và làm chủ căn cứ Đắc Tô 2.

Nhưng cả kíp xe 377 đã anh dũng hy sinh, các anh đã mãi mãi nằm lại nơi đất mẹ thân yêu khi tuổi đời còn rất trẻ.

Ngày cả nước tung bừng mừng chiến thắng, ca khúc khải hoàn, người anh trai của anh giờ lá thư cuối cùng ra đọc.

Nước mắt anh đã thấm nhoè nét chữ, anh nhớ thương người em yêu quý của mình... Tây Nguyên được giải phóng, cuộc sống mới đã làm

đổi thay diện mạo nơi đây.

Những toà nhà công sở, trường học, bệnh viện, những rừng cao su, cà phê bạt ngàn...Tây Nguyên ngày càng giàu, đẹp.

Tổ quốc không quên những người con cảm tử. Chiến công của anh cùng kíp xe tăng 337 đã hoá thành bất tử. Ngày 9 - 2 - 2009, kíp xe 377 được Chủ tịch nước ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ở một vị trí đẹp nhất của thành phố Kon Tum hiện nay, chiếc xe tăng 377 được tôn vinh sừng sững giữa núi rừng.

Ngày ngày, các em học sinh và đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đặt dưới chân tượng đài những bông hoa rừng thơm ngát với tấm lòng thành kính...

Một cựu chiến binh, sau khi đọc bức thư của liệt sĩ Nguyễn Đắc Lượng đã viết trong sổ ghi cảm tưởng của Bảo tàng:

“Lá thư của liệt sĩ Nguyễn Đắc Lượng đã làm chúng tôi rất xúc động, bởi lẽ nội dung trong thư và trận đánh vào căn cứ Đắc Tô - Tân Cảnh đã đánh thức lý tưởng sống cao đẹp, biết gạt bỏ những ham muốn tầm thường để cống hiến, hy sinh

trộn đời cho non sông đất nước... ”.

Bạn Hoàng Trung Dũng, sinh viên trường Đại học Ngoại Thương ngậm ngùi:

“Khi được đọc bức thư của người chiến sĩ xe tăng cảm tử, tôi càng thêm tin rằng vẫn còn có những tâm hồn cao đẹp, biết cống hiến đời mình cho Tổ quốc thân yêu như các liệt sĩ, thành viên kíp xe tăng 377.

Cám ơn các chị, các anh trong Bảo tàng Lực lượng Tăng thiết giáp, cám ơn liệt sĩ Nguyễn Đắc Lượng, đã giúp tôi tìm lại chính mình, chúng tôi nguyện phấn đấu hết mình để thật xứng đáng với sự hy sinh to lớn của các anh, mong rằng Bảo tàng tiếp tục là nơi để thế hệ trẻ chúng tôi soi mình trong đó”.

Mai Ngọc - Hương Sen

Bắt sống xe tăng Mỹ

Sư đoàn 3 (Sao Vàng) của chúng tôi được lệnh tham gia chiến dịch lần hai mùa xuân 1968 ở miền Trung. Sư đoàn phối hợp với chiến trường toàn quân khu. Đúng 0 giờ 30 phút ngày 5/5/1968, cùng một lúc các đơn vị đặc công, công binh, pháo binh, bộ binh của Sư đoàn tiến công vào 8 cứ điểm và căn cứ, trận địa pháo của địch trên trục đường số 1.

Tuyến đường dài trên 10 km, từ cầu Ông Diêu qua Bình Dương, Đèo Nhông đến giáp quận lỵ Phù Mỹ hoàn toàn bị cắt đứt, buộc Bộ chỉ huy quân Mỹ ở Bình Định phải tung Lữ đoàn Tăng - Thiết giáp 173 khét tiếng đi giải tỏa.

Tờ mờ sáng, từng đoàn xe tăng, xe bọc thép, máy bay từ quận lỵ và các cứ điểm đóng quân, sân bay trong khu vực xông xộc thọc lên.

Trên trời, từng bầy trực thăng bay sát ngọn cây gằm rú, cánh quạt khua âm ỉ. Phía sau đoàn xe là bộ binh Mỹ.

Trong các công sự, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 2 bình tĩnh chờ địch đến.

Lần đầu tiên tham gia một trận đánh lớn, lại là lính mới từ Bắc vào nên tôi cũng thấy lo và có chút căng thẳng, nhưng nhìn ra xung quanh thấy đồng đội rất bình tĩnh nên tôi cũng yên lòng, sẵn sàng xông lên dù có phải hy sinh trong trận đánh này.

Khi bọn địch tiến gần đến cánh đồng An Bảo, đoàn xe của chúng bỗng dừng lại. Từ trên tháp pháo, bọn lính nhảy xuống lưng súc ra hai ven đường. Giữa lúc đó, bất thần hàng loạt đạn tiểu liên nổ rộ lên từ ven núi. Tên chỉ huy hét lên và bọn lính nhảy bổ lên xe rồi đoàn xe lao về phía tiếng súng nổ. Hai tổ bộ binh của Tiểu đoàn 2 được lệnh bắn như địch lại nằm im làm cho tên chỉ huy do dự.

Khi còn cách trận địa ta 600m, tên chỉ huy lại ra lệnh cho đoàn xe dừng lại và tung bọn lính bảo an lên trước. Một trận đánh nhỏ miễn cưỡng diễn ra. Ngay loạt đạn đầu, 12 tên lính bảo an đã

ngã gục, số còn lại vội chạy lui lại và bám vào xe thiết giáp.

Biết chắc là đã gặp quân chủ lực của ta, bọn Mỹ dàn trận xông lên. 15 chiếc xe bọc thép M113, M41 dàn thành 2 hàng vừa tiến vừa bắn vào các lùm cây hai ven đường. Chùng chình vừa tiến vừa dừng, mãi 12 giờ trưa địch vẫn còn thập thò trước trận địa Trung đoàn 2.

Phó trung đoàn trưởng Vũ Quang Trắc thấy có thể đánh được rồi nên xin ý kiến Sư đoàn cho nổ súng. Tuy nhiên, Phó Sư đoàn trưởng động viên chờ chúng vào gần hơn đánh càng chắc thắng. Trận đánh diễn ra càng muộn, lợi thế càng thuộc về ta. Bọn lính mở đồ hộp ra ăn. Trục thẳng địch vẫn ào lên vãi đạn xuống phía sau của trận địa Trung đoàn 2. Xe Tăng - Thiết giáp địch lại ào lên.

Đúng lúc này, lệnh nổ súng vang lên. " Bắn... ", nhiều tiếng hô bắn vang lên cùng một lúc. ĐKZ nổ... B41 nổ... Những chiếc xe tăng đang hung hãn chồm lên bỗng khựng lại bốc cháy. 6 đụn khói bùng lên cuộn cuộn giữa cánh đồng An Bảo. Bị đánh bất ngờ, số xe tăng và bộ binh còn lại tháo chạy hỗn loạn.

Lập tức Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 3 được

lệnh xuất kích. Thêm 2 xe tăng nữa bốc cháy. Một chiếc tăng M118 bỗng đâm vào bờ đất, tên lái bật nắp thò đầu ra ngoài, hốt hoảng nhòm ngó rồi vội đóng sập nắp xe lại.

Giữa khói đạn đặc quánh khét lẹt, tiếng súng đạn âm âm, xe thiết giáp gầm rú, bỗng tiếng thét lạnh lạnh của Đại đội trưởng Đại đội 1 Lê Văn Cao vang lên: “Không cho nó chạy thoát, bắt sống, bắt sống...”. Vừa hô, anh vừa lao vọt lên như tên bắn. Theo sau anh là chiến sĩ Nghĩa, người dân tộc Tày. Tên xạ thủ súng máy trên xe phát hiện ra hai người đang lao tới liền chúc súng bắn vào hai chiến sĩ như điên dại, nhưng súng máy lúc này không còn tác dụng vì Cao và Nghĩa đã quá gần và sáp được vào thành xe. Bằng động tác thuần thục và điêu luyện, Cao nhảy lên xe bắn gục tên xạ thủ. Nghĩa đồng thời lia 2 loạt đạn vào trong xe hạ gục hai tên trong tổ lái. Hai tên khác kịp nhảy ra khỏi xe và chạy cuống cuồng. Nhanh như sóc, Cao gạt tên xạ thủ chết đang nằm đè lên khẩu 12 li 7 và chộp khẩu súng siết cò gần hết băng đạn còn trên đĩa, hai tên Mỹ gục ngã đè lên nhau...

Lúc đó, trên cánh đồng An Bảo, đội hình xe tăng và bộ binh địch vỡ ra từng mảng. Lê Văn

Cao dùng súng máy trên xe tăng địch bắn đón đầu những chiếc trực thăng đang đâm bổ xuống trận địa, đồng thời vừa quét bộ binh địch đang tán loạn trên cánh đồng. Phía Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 3 lại bùng lên hai đám cháy lớn của xe tăng bị quân ta bắn hạ.

Chính ủy Trung đoàn Lê Huân thông báo tin chiến thắng về các hướng và báo cáo Sư đoàn diễn biến trận đánh, đồng thời nhân mạnh gương bắt sống xe tăng của chiến sĩ Lê Văn Cao.

Tin chiến thắng bay đi khắp trận địa như luồng gió mát. 10 phút sau, lại một chiếc xe tăng M113 bị Tiểu đoàn 1 bắt sống.

Xế trưa, bọn giặc và số xe sống sót mới lọt ra khỏi tầm súng. Lúc vào hùng hù hỏ hỏ với 15 xe tăng và 1 đại đội bộ binh Mỹ, khi tháo chạy chỉ còn 4 chiếc và 7 tên lính bộ binh lui về thôn Tân Ốc.

Sau đó là bom và pháo địch dập tới tấp xuống trận địa của Trung đoàn 2 chúng tôi.

Dứt bom 15 chiếc xe tăng khác lại ào vào trận địa Trung đoàn 2 với mệnh lệnh bằng mọi giá kéo được xác của 11 chiếc xe tăng bị tiêu diệt ra phía đường 1. Nhưng một lần nữa, chúng lại bị

đánh tan tác. Các chiến sĩ Đại đội 2, Tiểu đoàn 2 đã trụ lại ở thôn An Bảo đánh bật 3 đợt tiến công của địch và bắn cháy thêm 2 xe tăng nữa.

Đánh chính diện không được, chúng vòng xe định đánh bọc quân ta phía sau lưng. Nhưng hướng này chúng cũng không gặp may, chưa kịp kéo xác xe nào ra đã bị cối 82 của ta bắn hỏng thêm 2 xe nữa.

Cay cú, vào lúc 14 giờ, tên chỉ huy Lữ đoàn 173 tung thêm 17 xe tăng khác vào trận địa. Lúc này trên cánh đồng An Bảo đã vào 30 xe tăng, với sự chi viện của nhiều tốp máy bay và hàng chục trận địa pháo các loại chi viện, kể cả pháo 175 - vua chiến trường.

Không ngoài nhận định của Sở chỉ huy Sư đoàn, 17 giờ 30 phút, toàn bộ 30 chiếc xe tăng địch chia làm 2 mũi tràn vào trận địa. Các chiến sĩ Đại đội 2 lập tức nổ súng, nhưng địch đã quay ngoắt sang hướng khác rất nhanh. Tiểu đoàn 2 được lệnh vòng qua cánh đồng chặn đánh. 2 chiếc xe địch bốc cháy, một chiếc đứt xích nằm lại. Trời tối, chúng muốn nhanh chóng tháo chạy ra khỏi chiếc chảo gang nóng bỏng này, nhưng mọi ngã đường đã bị quân ta vít chặt. Thế là chúng phải co cụm nhau

nằm lại trên cánh đồng An Bảo chờ đợi quân chi viện giải vây...!

Trận đánh vẫn còn tiếp diễn và hôm sau, cả Sư đoàn bẻ gãy hoàn toàn âm mưu của Mỹ ngụy hòng bình định chiến trường miền Trung.

Hôm nay nhớ lại mà thấy sao lúc đó mình vượt qua được. Tin vui chiến thắng lịch sử tiêu diệt Lữ đoàn thiết giáp 173 của Mỹ mà chúng cho là “thiện chiến nhất thế giới” vang dội khắp chiến trường miền nam và hậu phương miền Bắc.

Hồi tưởng lại, vừa tự hào, lại thấy bản thân thật may mắn còn sống trong trận tử chiến ác liệt đến thế để chứng kiến cuộc sống đổi thay của đất nước, để thấy con cháu trưởng thành và càng thấy thấm thía công lao vĩ đại của Đảng, của Bác Hồ và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc sống hôm nay.

Mai Ngọc Toàn

**“Sáu anh em trên một chiếc xe tăng”
chuyện bây giờ mới kể**

Ông Yên giải thích: Đối với xe tăng T34 của Liên Xô, đội hình xe có thêm 01 lái phụ làm nhiệm vụ bắn đại liên trên tháp xe; còn xe tăng T54 (Liên xô) tham gia chiến dịch hiện đại hơn nên đội hình chỉ cần 04 người, trong đó lái xe kiêm thêm nhiệm vụ bắn súng đại liên, ngoài ra mỗi xe được biên chế thêm 02 chiến sĩ bộ binh để phối hợp tác chiến theo phương châm thần tốc để giải phóng Sài Gòn.

Nơi nuôi giấu, chở che bộ đội Thủ đô về sơ tán

Đúng như tên gọi của mình, ngôi nhà của gia đình cựu chiến binh Trần Bình Yên luôn toát lên vẻ bình yên và tĩnh mịch, bởi nằm khá sâu giáp tận chân dãy núi đá, tách biệt hẳn với khu dân cư

trù phú thuộc tổ 7, thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Ba bề bốn bên xung quanh ngôi nhà, bát ngát màu xanh của vườn đồi cây trái mùa nào thức lầy, nhưng chủ yếu vẫn là giống na dai với diện tích lên đến 02ha. Đứng vào vụ na chín, ông bà đưa tay lựa những trái na chín ngon được xếp vào thùng đặt ngay ngắn trong nhà vừa đon đả mời chúng tôi nếm thử vừa cười rạng rỡ cho hay, do nhà neo người (con trai và con gái lập gia đình ở riêng, con út đi bộ đội) nên chỉ làm 01 vụ na chính, hiện đã thu được trên 02 tấn quả bằng khoảng 30 triệu đồng, đến hết vụ thu thêm chừng 02 tấn quả nữa. Cùng với nguồn thu nhập từ chăn nuôi bò nái sinh sản (mỗi năm được bán 01 con bê), chăn nuôi gà thả đồi...cũng đủ cho sinh hoạt của hai vợ chồng già - ông Yên hóm hỉnh nói thêm.

Như đề minh chứng cho lời kể, ông hăm hở đưa chúng tôi đi thăm vườn na rộng mênh mông bát ngát gần 02 ha, núc na núc niu quả trên cành; thăm con bò nái đang ăn cỏ ở khoảnh trống giữa vườn, cây rau sắng tươi tốt cao gấp rưỡi đầu người và những hàng thanh long cùng cây cối bốn mùa xanh tốt.

Gần cây mít già có vô số quả chín rụng dưới gốc là ngôi nhà lưu niệm được ông xây để thờ và ghi nhớ công lao của hai cụ thân sinh ra ông đã có công nuôi giấu, chở che đơn vị bộ đội Thủ đô về sơ tán năm 1948 trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp cho đến khi hòa bình lập lại (1954) mới rút đi.

Ở tuổi 64, tuy mái tóc đã bạc nhưng người lính lái xe tăng tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và đánh chiếm Dinh Độc vẫn luôn toát lên niềm lạc quan, sôi nổi và mạnh mẽ như tuổi mới đôi mươi.

Với nụ cười luôn nở trên môi, ông cho hay: Ngày nào vợ chồng tôi cũng dọn cỏ, tía cành chăm sóc cho vườn na; tôi còn dành thời gian chọt số công tơ điện, sửa chữa các thiết bị điện cho bà con ở 03 tổ dân phố và loa truyền thanh của thị trấn.

Nhìn quả đôi tạ nâng đầy đặt ở góc sân, tôi dò hỏi: Chú có thường xuyên chơi tạ không? Ông nhanh nhẹn đi tới góc sân rồi nhẹ nhàng đưa quả tạ đồ bằng xi măng nặng chừng 20 kg lên quá đầu liên tục dăm bảy lần cho tôi xem.

Là người lính đã rèn luyện qua chiến trường, ông luôn chú ý việc giữ gìn sức khỏe, tập

luyện thể thao, thể dục. Được biết, buổi sáng ngủ dậy và buổi chiều (trước khi nghỉ ngơi ăn tối) ông luôn có thói quen “thư giãn” xương cốt bằng vài chục lần cử tạ; ngoài ra ông còn dùng mảnh sân trước nhà làm nơi thường xuyên đánh bóng chuyền hoặc cầu lông với vợ con và bà con hàng xóm.

“Sáu anh em trên một chiếc xe tăng”

Khi được hỏi về những năm tháng tuổi trẻ hào hùng, ông kéo tôi lên căn phòng khách nhỏ - nơi treo trang trọng những tấm hình khổ lớn của ông và đồng đội trên chiếc xe tăng khi tiến vào Dinh Độc lập. Để cho tường tận, ông nhanh nhẹn tháo xuống mang ra sân vừa kể, vừa chỉ cho tôi xem khi chiều đã về tà.

Bức ảnh được phóng viên Trần Mai Hương chụp vào hồi khoảng gần 11 giờ trưa ngày 30/4/1975, khi chiếc xe tăng mang số hiệu T54B - 846 do Nguyễn Quang Hòa - Trưởng xe, Nguyễn Ngọc Quý - pháo thủ số 1, Nguyễn Bá Tứ - pháo thủ số 2, chàng lính trẻ Trần Bình Yên 22 tuổi lái xe và 02 chiến sĩ bộ binh của Trung đoàn 66 được biên chế theo xe đang hùng dũng tiến vào Dinh Độc lập.

Thông thường mỗi xe tăng được biên chế

05 người, sao đây lại có 06 người - Tôi thắc mắc? Ông Yên giải thích: Đối với xe tăng T34 của Liên Xô, đội hình xe có thêm 01 lái phụ làm nhiệm vụ bắn đại liên trên tháp xe; còn xe tăng T54 (Liên xô) tham gia chiến dịch hiện đại hơn nên đội hình chỉ cần 04 người, trong đó lái xe kiêm thêm nhiệm vụ bắn súng đại liên, ngoài ra mỗi xe được biên chế thêm 02 chiến sĩ bộ binh để phối hợp tác chiến theo phương châm thần tốc để giải phóng Sài Gòn.

Cảm xúc chột dâng trào, ông hào hứng kể: Khi tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị Đại đội 5 (thuộc Tiểu đoàn 2, Lữ 203, Quân đoàn 2) của ông có 08 chiếc xe tăng và 01 xe thiết giáp, ngày 26/4/1975, ngay sau trận đầu đánh vào căn cứ Nước Trong (Long Thành - Đồng Nai) - pháo đài từ thủ nằm án ngữ phía Đông bắc Sài Gòn, đại đội của ông chỉ còn lại 03 chiếc xe, đồng đội bị hy sinh và thương vong. Tối ngày 27 và 28, đơn vị ông liên tiếp được bổ sung thêm 04 xe tăng từ Đại đội 4, Tiểu đoàn 1 (cùng thuộc Lữ đoàn 203) tham gia đánh căn cứ Nước Trong ở thế giằng co, quyết liệt. Cho đến trưa ngày 29/4, bộ đội ta đã làm chủ hoàn toàn căn cứ Nước Trong.

Với phương châm thần tốc, táo bạo, bất

ngờ, thọc sâu vào sào huyết địch, khoảng 3 giờ sáng ngày 30/4/1975, đơn vị ông đã lên đường hành quân theo xa lộ 1 từ ngã ba Long Bình (Đồng Nai) tiến đánh vào Dinh Độc lập.

Trên đường tiến quân, đơn vị ông đã diệt 02 xe tăng và 01 xe chở vũ khí của địch làm nhiệm vụ chặn bước tiến quân ta ở cầu Đồng Nai; bắn cháy xe tăng M48, M41 của địch tại cầu Rạch Chiếc. Tại Thủ Đức, địch nã pháo chặn đường, Lữ đoàn 203 quyết định để lại 01 xe kim chân địch, đội hình hơn 10 chiếc còn lại nhanh chóng thọc sâu vào Sài Gòn. Chiếc xe tăng ở lại đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng tất cả đồng đội trên xe đều anh dũng hy sinh.

Cầu Sài Gòn - tuyến phòng thủ cuối cùng của ngụy quyền, trong cơn hấp hối địch điên cuồng điều máy bay đến ném bom, tàu chiến từ dưới sông bắn lên yểm hộ cho xe tăng địch ở bên kia cầu chặn đánh. Nhưng với tinh thần chiến đấu một ngày bằng 20 năm, lưới lửa phòng không, đại liên, pháo 12 ly 7...của ta đã buộc máy bay địch tháo chạy, tàu chiến địch bị tê liệt và xe tăng bị đánh bật trở lại. Đến cầu Thị Nghè, đội hình xe tăng của ta tiêu diệt nốt 02 xe tăng địch chốt chặn, vượt cầu

thẳng tiến về Dinh Độc lập không gặp bất cứ
kháng cự gì.

*

* *

Bất chợt nhớ tới hình ảnh lúc trước, trên
đường dẫn chúng tôi về thăm nhà, ông đã nhắc
bỗng chiếc xe ba gác nằm giữa lối đi vào ven
đường một cách dứt khoát và mạnh mẽ. Bây giờ
được tường tận nụ cười đôn hậu, nước da rạm
nắng, vóc dáng quắc thước, sẵn chắc của ông chan
hòa cùng với nắng gió núi đồi, chơi tạ đều đặn mỗi
ngày,...tôi càng thêm trân trọng và thấu hiểu hơn
về ông, về thế hệ của những người lính đã làm nên
Đại thắng Mùa xuân lịch sử, thống nhất non sông
liền một dải./.

Phạm Quỳnh

Người lính xe tăng và câu chuyện về Xuân Mậu Thân 1968

Những ngày này 50 năm về trước, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của quân và dân ta đang diễn ra ác liệt trên khắp chiến trường miền nam. Đó cũng chính là bước ngoặt vô cùng quan trọng có ý nghĩa quyết định trong toàn bộ sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Là người từng trực tiếp tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Thiếu tướng Lê Xuân Tấu, nguyên Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu anh dũng, ghi vào lịch sử những nét son chói lọi.

Sáng tạo để che mắt quân thù

Tôi có may mắn được gặp Thiếu tướng Lê

Xuân Tấu tại triển lãm “Bản hùng ca Xuân Mậu Thân 1968” do Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam tổ chức nhân kỷ niệm 50 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Dù đã ngoài 70 tuổi, nhưng những trận đánh của “một thời đạn bom” hào hùng và bi tráng ấy vẫn lưu giữ vẹn nguyên trong ký ức người cựu binh này.

Giữa năm 1965, Lê Xuân Tấu được điều về Đại đội 3, Tiểu đoàn 198, Trung đoàn Tăng 203 (nay là Lữ đoàn xe tăng 203) mới thành lập, với chức vụ Trưởng xe. Tiểu đoàn 198 có 2 đại đội: 3 và 9, trang bị 22 xe tăng loại nước PT-76. Ông được phân công tiếp nhận và chỉ huy xe tăng số hiệu 555 thuộc biên chế Đại đội 3.

Cuối năm 1967, Binh chủng Tăng - Thiết giáp lần đầu tiên kể từ khi thành lập (1959) được nhận lệnh đưa xe tăng vào chiến đấu tại chiến trường miền nam. Đơn vị đầu tiên được vinh dự nhận nhiệm vụ này là Tiểu đoàn 198 của Trung đoàn xe tăng 203. Sau hơn 2 tháng hành quân ròng rã, vượt ngót 1.000km đường quân sự dưới sự đánh phá, ngăn chặn ác liệt của không quân địch, Tiểu đoàn 198 đã có mặt ở Đường 9 sẵn

sàng nhận nhiệm vụ.

Nhớ lại cuộc hành quân ấy, đôi mắt Thiếu tướng Lê Xuân Tấu ánh lên niềm tự hào. Ông cho rằng, cuộc hành quân tuy gian khổ, ác liệt dưới mưa bom, bão đạn của kẻ thù, nhưng trong cái khó đã lộ cái khôn, quân ta đã có những sáng tạo trong cách bảo đảm bí mật, an toàn cũng như trong nghệ thuật, chiến thuật tác chiến. “Đêm đi, xe tăng thì to, tiếng động lớn, yêu cầu đặt ra là phải ngụy trang thật kĩ dọc đường hành quân, để đưa được xe, khí tài vào tiền tuyến một cách bí mật, an toàn, trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu” - Thiếu tướng Lê Xuân Tấu bồi hồi nhớ lại.

Để bảo đảm bí mật, an toàn, đơn vị của các ông làm cái giàn như giàn mướp ngụy trang trên nóc xe tăng, để nếu máy bay địch chụp xuống thì hình hài xe tăng không còn nguyên vẹn, nên địch không phát hiện ra xe tăng của ta. Việc xóa vết xích của xe tăng nặng nề khi di chuyển, các ông cũng rất sáng tạo. Ông và đồng đội buộc vào sau xe tăng đi cuối cùng một vài cây to, đi đến đâu kéo đến đó để xóa vết xích, không phải mất công sức của bộ đội. Để bảo đảm an toàn, ông cũng

ngiên cứu kỹ quy luật địch thường đánh bom trên những đoạn đường hành quân. “Việc nắm bắt quy luật là hết sức quan trọng. Điều đó giúp chúng tôi vượt qua hơn 1.000km, trong lúc thế giới chưa có một đơn vị nào, nước nào tổ chức hành quân bằng xe bánh xích xa như vậy” - Thiếu tướng Lê Xuân Tầu tâm sự.

Mở toang “cánh cửa thép” Làng Vây

Những năm 1967, 1968, Lê Xuân Tầu từng trực tiếp tham gia nhiều trận đánh lớn, nhỏ. Tuy nhiên, trận đánh ở Làng Vây (huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị) đêm mùng 6, rạng sáng ngày 7 - 2 - 1968 là trận đánh đã để lại trong ông nhiều kỷ niệm nhất. Làng Vây cách biên giới Việt - Lào khoảng 10km. Thời điểm đó, để phối hợp với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, tại các thành phố, thị xã toàn miền nam, quân ta tấn công địch quyết liệt tại mặt trận Đường 9 - Khe Sanh. Trong đó, trận hiệp đồng giữa bộ đội xe tăng cùng bộ binh tiến công Làng Vây đóng vai trò trận đánh then chốt. Đây là trận đánh “mở cửa” để tiến quân vào giải phóng Khe Sanh. Kẻ địch đánh giá, căn cứ Làng Vây là

“cánh cửa thép” nằm trong hệ thống phòng ngự của chúng ở phía Tây của Quảng Trị.

Trong chiến dịch này, Đại đội 3 xe tăng nhận lệnh phối hợp với Trung đoàn 24, Sư đoàn bộ binh 304 tiêu diệt địch ở Làng Vây. Nhưng, muốn đến được Làng Vây phải diệt được Đồn Tà Mây, nằm trong cụm cứ điểm Huội San, cách biên giới Lào - Việt khoảng 10km. Trong đó, cứ điểm Tà Mây nằm trên một điểm cao sát phía Bắc Đường 9 là quan trọng nhất. Đêm 23 - 1 - 1968, trước sự ném bom đánh phá ác liệt của Mỹ, nguy, được xe 551 bắn yểm trợ, Trung đội trưởng Lê Xuân Tấu lệnh cho xe 555 tăng tốc vọt lên xông vào công chính, đánh thẳng vào bên trong cứ điểm, dẫn dắt bộ binh đánh vào trung tâm, diệt sở chỉ huy địch. Lần đầu tiên, thấy xe tăng ta xung trận, quân địch hoàn toàn bị bất ngờ, bỏ chạy tán loạn. 8 giờ sáng ngày 24 - 1, ta hoàn toàn làm chủ Đồn Tà Mây.

Sau khi chiếm Tà Mây, quân ta nhận lệnh tiếp tục tiến công cứ điểm Làng Vây. Trong trận đánh này, để tiếp tục tạo bất ngờ cho địch, Bộ Tổng tư lệnh đã quyết định Đại đội 9 xe tăng tiến

công trên hướng Nam, lợi dụng lòng sông Sê Pôn để đưa xe tăng tập kết tại Làng Troài, từ đó tiếp cận Làng Vây rồi tiến công Làng Vây trên cả hai hướng (hướng Tây là Đại đội 3).

Đúng 23 giờ 15 phút, ngày 6 - 2 - 1968, xe tăng của ta trên các hướng bắt đầu xuất kích. Đại đội 9 xe tăng tiến công trên hướng Nam theo sông Sê Pôn. Địch không thể ngờ ta có thể dùng xe tăng tiến công từ hướng này. Từ hướng Tây, xe 555 do Trung đội trưởng Lê Xuân Tấu chỉ huy dẫn đầu đội hình Trung đội 3 của Đại đội xe tăng 3 tiến công vào cứ điểm địch, dùng hỏa lực chi viện cho bộ binh đánh chiếm vị trí tiền tiêu ở cao điểm 230. Địch chống cự yếu ớt rồi bỏ chạy về điểm cao 320.

Sau khi công binh mở được cửa, xe 555 đã nhanh chóng tiến thẳng vào vị trí địch, bắn sập nhiều lô cốt và ụ súng. Mặc cho địch chống cự điên cuồng, Lê Xuân Tấu bình tĩnh, dũng cảm lái xe vượt qua làn đạn địch, dẫn dắt bộ binh thọc sâu, chia cắt, tiêu diệt gọn một tiểu đoàn địch. Xe tăng 555 dưới sự chỉ huy của Lê Xuân Tấu đã cùng Trung đội 3 đánh chiếm khu Đại đội biệt

kích nguy số 103, rồi phối hợp với đơn vị bạn tiến vào sở chỉ huy địch. Bọn địch ở đây hoàn toàn tan rã và bị tiêu diệt phần lớn. Ba giờ sáng ta đã làm chủ hoàn toàn trận địa. “Chiến thắng Tà Mây - Làng Vây là chiến công đầu chói lọi, mở ra trang sử vàng truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng” của Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Chiến thắng ấy đã đi vào lịch sử và sẽ còn sống mãi” - Thiếu tướng Lê Xuân Tầu nhận định.

Thanh Thuận

Lính tăng miền Đông, vài chuyện chép lại

Anh Nguyễn Công Thành, hiện ở Q7, TP Hồ Chí Minh là một trong số những người lái xe tăng T54 đầu tiên từ miền Bắc vào tận miền Đông Nam bộ trong đội hình Tiểu đoàn 20 để biên chế vào Đoàn M26 Tăng - Thiết giáp Miền Đông Nam bộ.

1. Lái tăng từ Bắc vào Nam - khó ngờ có thật

Tăng T54 chạy suốt 2.000 km. Đáng nhớ, vì trước đó, nhiều đoàn cán bộ Tăng - Thiết giáp miền Bắc chỉ viện cho miền nam chỉ là đi người không, "xe chưa xung trận thì người xung trận trước" và đây là đoàn chỉ viện xe tăng bánh xích đầu tiên được lái thẳng từ Bắc vào.

“Bọn tôi lấy xe từ Hoà Bình, chạy xe lên

tàu hoả ga Giáp Bát. Các chuyến tàu đều phủ bạt kín đi đêm, mỗi xe chỉ dư mép xích 5 - 7 cm, về Vinh tập kết rồi xuống tàu há mồm vào Quảng Bình.

Nằm ở Quảng Bình đến đầu năm 1972 bọn tôi mới hành quân vào Nam. Gần hai tháng hành quân liên tục, đầu tháng 4 - 1972 đến đích an toàn. Tiểu đoàn 20 của tôi có 3 đại đội, 33 xe tăng, bốn xe tăng gắn pháo cao xạ tự hành, đại đội công binh, đại đội thông tin liên lạc. Tôi được chọn là lái chính qua huấn luyện rất khắc nghiệt. Thời đó, một giờ nổ máy xe tăng tập rất tốn kém khoảng 400 đồng tiền miền bắc. Một xe chỉ nổ máy 450 giờ là phải đưa đi sửa chữa. Thế mà mình lái vào Trường Sơn, đi suốt 2.000 km, cũng có thể coi là nằm ngoài dự định của nhà sản xuất. T54 thế hệ C, A mới có bộ định tâm. Xe T54 B có thêm bộ ổn định hướng, đã bắt được mục tiêu quay nòng pháo rồi thì xe có chạy hướng nào, nó vẫn bắt mục tiêu đúng. Đó là thế mạnh hơn hẳn so với M48 của địch.

Chuyên gia Liên Xô bảo: “Bộ đội Việt Nam chúng mày, lái T54 chỉ năm năm là phải chuyên! Sức vóc không chịu nổi đâu! Cần lái

nặng 25 kg. Chân ga 10 kg. Bàn đạp ly hợp 45 kg. Không chịu nổi đâu!”

Thế mà rồi, mình cũng làm tốt, lái miết. T54 hơn 36 tấn, thêm hai thùng nhiên liệu 400 lít đằng sau nữa, rồi người, rồi đủ các thứ chất lên, cũng phải hơn 37 tấn. Tiêu chuẩn thượng uý bấy giờ ngày ăn 9 hào. Còn lái tăng bọn tôi ăn một đồng một ngày, cứ thế cấp đủ lương thực thực phẩm cho ăn trong ba tháng đi đường. Lái ô tô thì chỉ từng chặng, từ binh trạm nọ đến binh trạm kia. Xe tăng chúng tôi là đi suốt. Ấy là cái khác của lính tăng miền Bắc.

Tiểu đoàn 20 của tôi vào tới nơi chỉ bị mất 1 xe T59. Từ Quảng Bình vào Lộc Ninh gần 2.000 km qua nhiều trọng điểm đánh phá ác liệt như Cổng Trời, Bạc, Sêcamăng...chúng tôi được đánh giá là đơn vị xe tăng đi xa nhất, đến đích đủ nhất, ít tổn thất dọc đường nhất. Mỹ đâu có đánh kiểu đó? Mình thì riêng chạy từ Bắc và trên đường mòn Hồ Chí Minh đã là một kỳ tích. Mà đường mòn gì?

Hỏi các cụ đi "xoi" đường 559 thì là đường mòn thật. Nhưng đến hồi tôi đi, xe cơ giới chạy tốt rồi, mình lại thỉnh thoảng có nghe đài

BBC dọc đường xem nó bình luận gì về chiến tranh không. Trận đầu Lộc Ninh chúng tôi có tham gia. Chuẩn bị từ đêm. Đến khoảng 3 - 4 giờ sáng thì tiếp cận đến chi khu Lộc Ninh. Chúng tôi tham gia đánh tám xe mà không cháy xe nào, chỉ có một chiếc bị hỏng, mắc kẹt, thế mới lạ. Yếu tố bất ngờ và phối hợp tốt đã tạo nên chiến thắng Lộc Ninh. Hồi đó, một lính xe tăng vào trận thì có khoảng 40 người phục vụ. Viên đại tá Nguyễn Văn Vĩnh, chỉ huy Chiến đoàn 9 nguy khi bị ta bắt nói “Chúng tôi không biết xe tăng của các ông từ đâu đến, xuất hiện nhanh quá, chúng tôi không kịp trở tay, phải chịu thua!”

Làm sao mà ngờ được! Trên đường Trường Sơn máy bay đánh phá, do thám, rồi thám báo, biệt kích, rồi đủ các loại thiết bị phát hiện điện tử, nhưng rồi xe tăng ta vẫn ém quân sát Lộc Ninh mà địch không biết. Mà không phải địch, bộ đội mình còn không ngờ được! Nhìn thấy tăng của ta hợp đồng binh chủng, bộ binh sướng lắm, phấn chấn lắm, nhất là anh em Tăng - Thiết giáp Miền gian khổ thiếu thốn phương tiện lâu nay.

Ngày 5 - 4 - 1972 đánh Lộc Ninh, đến

ngày 7 - 4 giải phóng hoàn toàn Lộc Ninh. Sau trận thắng vang dội Lộc Ninh, tôi nghe BBC bình luận “Không còn là đường mòn nữa, đường Hồ Chí Minh đã thành đại lộ khi xe tăng Bắc Việt hành tiến vào tận Lộc Ninh.

Ngày 8 - 4 đánh tiếp An Lộc thì tình thế khác. Đó là mình thừa thắng đánh tiếp quá gấp. An Lộc với chúng tôi rất đáng nhớ. Đó là một địa danh có ba tên gọi đều là nó cả: An Lộc, Thị xã Bình Long, Hớn Quán. Đánh vào đây sẽ mở ra Thủ đô giải phóng của Chính phủ Lâm thời Cộng hoà miền nam Việt Nam. Nó cũng tiếp tục phát triển vùng hành lang biên giới tự do nối với Campuchia. Đài tiếng nói Việt Nam nói “giải phóng Thị xã Bình Long” không sai vì ta chiếm Dinh Tỉnh trưởng, chiếm Đài phát thanh rồi. BBC nó nói là “trận An Lộc” cũng đúng. Trận An Lộc ta thiệt hại nhiều là do thiếu kinh nghiệm đánh trong thành phố ngoắt ngoắt. Địch lại quá thông thạo. Yếu tố bất ngờ của xe tăng ta ở trận Lộc Ninh đã không còn. Địch sau bất ngờ đã chủ động lật lại tình thế, gây thiệt hại cho xe tăng ta. Trong khi đó xe tăng ta vào quá nhanh mà không có bộ binh theo tràn ngập tiêu diệt các ô đề

kháng.

Sau trận An Lộc, BBC bình luận còn ghê hơn “Việt Nam có hai cõi xay thịt là Quảng Trị và An Lộc”.

Quả thật An Lộc là một kinh nghiệm chiến tranh quý giá. Chúng tôi lính chiến cũng chả ngại nói cái tổn thất. Nói để hiểu rõ lịch sử. Chiến tranh: Tình người trong bão táp. Nếu mà nhớ gì nhất thì tôi có mấy kỷ niệm, rất “đời”, rất lính.

Có cậu tên là Bắc, người Hà Tĩnh, dân sinh viên Hàng Hải cũng như tôi. Cậu ấy đi về phép 15 ngày cưới vợ. Vợ học Trung cấp sư phạm. Oái oăm thế. Hồi đó, có bầu là phải bỏ học về ngay.

Biết sao không? Trong rừng, có lần trong hầm chỉ có ba anh em, đạn bom tời bời, nó mới bản thân kể thương vợ, thương mình. Nó kể hồi cưới vợ, mỗi lần vợ chồng định gần gũi nhau, vợ lại nhìn chồng khóc: “Em mà có bầu thì bị đuổi học ngay!” Nó kể, suốt 15 ngày, cho đến lúc nó hết phép quay lại đơn vị, nó bảo, vợ chồng vẫn “thanh tân” Chúng tôi tin điều đó. Không phải như cái lối nghĩ của thanh niên giờ đâu. Hồi đó

tôi tin nó nói thật. Nhiều đứa bạn tôi vậy đó. Sống chết chưa biết lúc nào, bom đạn kinh hoàng, đồng đội với nhau còn nói dối nhau làm gì. Cũng thương nó. Sau đi đánh biên giới Campuchia bị thương và hy sinh vì đạn vào đầu nặng quá!

Trên đường Hồ Chí Minh cũng nhiều chuyện cảm động về đồng đội. Có lần, đến khoảng binh trạm 15, đổ xe nghỉ nấu cơm ăn. Chúng tôi xúc cơm cháy cũ bỏ đi, nấu cơm mới. Loanh quanh thế nào, quay ra đã thấy mất hút luôn số cơm cháy để đó. Hoảng quá, cả xe bốn người lòng tim, chỉ sợ có biệt kích thám báo. Rồi lại đoán non đoán già em binh trạm lấy nuôi heo.

Đi vào binh trạm tôi mới ngã ngựa người thấy anh em đang giã bắp. Hỏi gạo đâu mà giã bắp ăn, họ bảo ba tháng rồi không có hạt gạo nào, rồi thú nhận “lấy trộm cơm cháy của xe tăng về là cho người ăn, chứ không phải cho heo”. Chúng tôi nghe thương anh em quá, bảo ra xe lấy mấy bao gạo về ăn, lính tăng bọn tôi hay được cho gạo, đạn, thực phẩm dọc đường nhiều lắm, ăn không hết. Cậu biết họ trả lời sao không? - “Chúng tôi không lấy gạo của các anh đâu! Các

anh vào B2 còn nguy hiểm, gian khổ hơn ngoài này nhiều, dầu sao chúng tôi ngoài này vẫn còn được tiếp tế dễ hơn”. Họ cương quyết không nhận gạo, lại còn cho thêm rau, thịt heo.

Trước khi đi, không biết làm sao, chúng tôi đành bảo nhau nỗ máy chạy rồi vắn mấy bao gạo xuống để lại cho anh em. Tình đồng đội trên Trường Sơn cảm động đến thế, khó có thể nào quên được. Lạ thế. Anh em thiếu đói nặng, mà gạo không lấy, không xin, chỉ xin thuốc Lào! Cảm động nhất là những cây cột chuẩn bằng người!

Đường Trường Sơn trên núi dưới sông, trùng điệp phải đội đá, làm ngằm vì T54 chỉ đi được dưới 1 mét nước. Ngằm chỉ vòn vẹn thừa một tí bánh xích. Sơ sênh là mất xe, dè chết đồng đội ngay. Thế nên kinh nhất mà cũng yên tâm nhất là đi theo cọc tiêu bằng người do anh em công binh hoặc giao liên đứng. Vừa kinh, vừa rất yên tâm, hai cảm giác thật trái ngược. Trên núi cũng vậy, bên ta luy âm chỉ thừa ra 5 - 7 cm xe cũng men theo cọc tiêu người, chênh ra là xuống vực. Mà trên đầu máy bay, pháo bắn, vậy mà họ vẫn bình thản, tự giác, bình tĩnh điều khiển làm chuẩn cho mình đi.

Thật là sáng tạo.

Sáng tạo nữa, là chuyện kết bè bằng xuống gỗ, máy Côle chở T54 qua sông Sêsan. Ai ngờ được! Tôi là lái xe không nhường ai cầm lái xe tôi vào tận B2 bao giờ, mà tôi đích thân lái xe xuống cái phà ghép lạ lùng đó. Bao nhiêu chiếc ghe ghép lại, tôi không rõ, nhưng chắc chắn, trên một tấm mảng ken bằng gỗ dày, ở dưới là một nửa số ghe quay đuôi máy Côle bên phải. Một nửa quay đuôi máy Côle ngược lại. Để làm gì? Để điều chỉnh hướng. Đêm đó, cứ một xe tăng đi trên một chiếc bè này. Thật là kỳ lạ. Có ai ngờ T54 qua bè nổ máy Côle trên sông Sêsan ?

Sáng tạo trên Trường Sơn, trong đánh trận của lính tăng, khó có thể nói hết. Xe T45 chỉ có một bánh nặng hơn hai trăm kg. Nếu hỏng thay bình thường phải có cầu. Ở chiến trường thì làm thế nào? Lính ta khoét một lỗ to dưới đất. Căn chỉnh lái xe sao cho để bánh mình định thay lọt vào lỗ đó. Đánh xích ra, kéo bánh lên rồi khênh đi.

Một chuyện khác vẫn ám ảnh tôi. Cũng là một lát cắt khắc nghiệt của chiến tranh. Giải phóng Lộc Ninh, xong là mình rút về

Campuchia. Tôi bị bệnh, có đi bộ qua ngã ba Lộc Tấn mới giải phóng, cách Lộc Ninh khoảng mấy km. Dọc đường, kỷ niệm đáng nhớ là tôi có thấy hai người lính Việt Nam cộng hòa bị thương cụt chân, bò lê la xin ăn dọc đường. Ruồi nhặng bâu vào cái chân cụt trong bộ quân phục. Dân vắng lắm. Tôi cũng chả có gì cho họ cả. Thực sự đến giờ, có lúc nghĩ lại, lúc đó họ đã bại trận, đáng thương, có lẽ cũng nên làm một điều gì đó. Mà trận An Lộc, sau khi ta rút, địch đẩy cả quân giải phóng, lính Việt Nam cộng hòa, người dân thường bị chết xuống một cái hố chôn tập thể khoảng 3.000 người. Kinh khủng! Ta bị hy sinh, thương vong nhiều, thiệt hại nặng. Nhưng cũng nên có cử chỉ gì đó với họ, hai người lính Việt Nam cộng hòa cụt chân ấy.”

Chuyện của anh làm tôi cảm động. Chiến tranh đã lùi xa. Phía trước là thống nhất phát triển trong đại đoàn kết toàn dân tộc. Anh nhớ kỷ niệm đó về những người một thời ở bên kia chiến tuyến và muốn nói ra bên cạnh những kỷ niệm về đồng đội của mình. Bởi người lính cũng là một con người.

2. Ba lô lính chiến tăng 1972

Riêng tớ càng vào sâu, càng kinh nghiệm. Pháo 100 ly phải xin lên 50 quả. Muốn đề đâu thì đề, treo đâu thì treo, không xin gì chỉ xin thêm đạn. Ăn uống cũng phải dạy nhau. Tớ ăn một cân lương khô trong hai phút. Cắn một thanh lại tộp một ngụm nước. Tớ nạt lính trẻ, không biết cách, vào chiến trường chỉ có chết. Ăn nhanh lấy sức nhanh, nó mà đánh, mình đã xong rồi, chiến đấu được. Đề đói là chết.

Chuyện của cựu chiến binh, thương binh Lê Anh Dũng.

Năm 1972, chúng tớ đi hai tiểu đoàn từ Vĩnh Phú, mỗi tiểu đoàn hơn 30 chiếc. Có giai thoại trong lính cứ đồn rằng, đi B2 sâu mút mùa, chẳng biết thế nào, đói lắm. Thế nên, tớ nhớ nhất là lúc trang bị đi B. Bốn thằng, mỗi thằng 12 bộ gabađin, hai bộ phin, hai bộ áo công tác sơn hai chữ KT trên ngực, hai bộ quần áo lính. Mỗi người phải xếp đồ vào ba lô một danh mục... 43 thứ, từ kim tiêm, đá lửa, lưỡi câu, cước đến thuốc, lương khô, tăng, vông, màn....

Đồ ăn nói trước. Biết không, mỗi thằng 40 cân lương khô, một nửa là loại 701, một nửa là 702, mỗi thùng 10 cân. Bốn thằng là 160 cân.

Tiếp đó là mỡ nước đựng trong thùng sắt, 10 cân một thùng. Cũng 160 cân thịt hộp, cổ mà nhét, một nửa thịt xay, một nửa thịt kho. Rồi sữa bột cũng 160 cân, chia ra làm 320 hộp xanh to, loại 0,5 cân một hộp. Ruốc hành quân cũng 160 kg chia làm 320 gói nửa cân. Đường Cuba một tạ, gồm bốn bao loại 25 kg. Gạo 4 bao loại 70 kg, mỗi bao tính ra là 280 kg mỗi xe. 50 kg miến dong. Muối một tạ. Một con heo 70 kg...

Cuối cùng là 400 đồng tiền miền bắc để mua bán dọc đường trước khi vào Nam. Trị giá thế nào à? Thì cứ tính, lúc đó ăn ở miền Bắc, cứ trung bình một con gà là 5 đồng, từng ấy là mấy đàn gà? Từ Phà Mía - Sơn Tây vào trong, tiền chỉ để mua gà vịt, mua rượu bỏ bi đông. Ngày đầu tiên có tiền mua gà, tớ “làm” bốn con, mỗi con nửa luộc, nửa chiên. Bốn thằng bỏ một thùng 10 lít mỡ ra rán. Lần đầu tiên trong đời tớ được rán gà trong mỡ sâu như thế. Bốn con là 16 miếng. Luộc, rán trong nồi quân dụng, rồi còn làm một nồi miến nữa mà bốn thằng ăn gọn.

Ông Lai, tớ còn nhớ là Tham mưu trưởng Trung đoàn 207 Tăng - Thiết giáp dặn: “Đây là đồ cho các đồng chí ăn trong sáu tháng hành

quân vào B2”. Thế làm gì mà chả lắm. Chưa kê thuốc bệnh cấp một thùng đủ dùng cho một trung đội bộ binh. Nào thuốc sốt rét, bơm tiêm rồi vitamin tổng hợp, độ 10.000 viên.

Món bồi dưỡng khi ốm là bột trứng, bốn thùng loại 5 kg/thùng, chỉ cần đổ nước sôi ăn luôn, nếu không thì để đánh tan, rán trứng. Mì chính cũng một thùng sắt nặng 5 kg...

Quan trọng nhất là vũ khí. Pháo 100 ly 36 quả; loại 12ly7 là một vạn viên. Đạn súng máy là khoảng hai vạn nũa. 20 mắt xích thay, một bánh chịu nặng cột trên pháo. Hai phi dầu đăng sau dự trữ. Riêng nhiên liệu thì đi đến đâu, các binh trạm cấp đủ đến đó.

Riêng tớ, càng vào sâu, càng kinh nghiệm. Pháo 100 ly phải xin lên 50 quả. Muốn để đâu thì để, muốn treo đâu thì treo, không xin gì chỉ xin thêm đạn. Chuyện ăn uống cũng phải dạy nhau. Tớ ăn một cân lương khô trong hai phút. Cắn một thanh lại tợp một ngụm nước. Tớ nạt lính trẻ, không biết cách ăn nhanh, vào chiến trường chỉ có chết. Ăn nhanh lấy sức nhanh, nó mà đánh mình đã xong rồi, chiến đấu được. Để đói là chết.

Lính ta sáng tạo lắm. Chả có đâu, nước nào, bánh xích dự trữ dặt vào tháp pháo. Thịt hộp nhiều thế, 160 kg mỗi xe, tới 12 ba lô thịt trong xe, mấy thằng tính toán, quyết định tháo sàn xe đủ vừa lỗ dặt. Thế là diện tích sàn 3,2 mét x 6 mét, xếp hết thịt hộp, rồi hành quân trên Trường Sơn, đồ hộp cho cả vào pháo 100 ly. Cứ đồ nào ngon, hàng chiến lược cho vào xe, đồ nào tầm tầm bỏ ra ngoài xe. Vào Nam, cũng lính tăng cũ hỏi : “Sao chúng mày được cấp nhiều thế”, tớ bảo “Đâu biết. Trên cấp là chờ đi thôi”. Năm đó, có vẻ chuẩn bị đánh lớn. Dốc toàn lực. Xe tăng càng được ưu tiên, chắc thế!

Chiến trường, ngấm lại

Từ 1972, đánh Lộc Ninh, rồi An Lộc, Tăng - Thiết giáp của ta hao hụt lớn. Ở đó có bia liệt sĩ riêng của lính tăng thiết giáp. Theo tớ, là cái thằng lính chiến, đánh nhiều trận rồi, điểm yếu nhất là xe tăng không kết hợp tốt với bộ binh. Cho đến tận 1977 - 1978 đánh Tây Nam tớ góp ý nên có hệ thống thông tin sao đó để xe tăng nói chuyện thẳng với chỉ huy bộ binh. Chứ kiểu liên lạc như thời đánh Mỹ hồi ở An Lộc, xe lên không thấy bộ binh đâu; điện đài bộ binh

theo mã số bộ binh, xe tăng theo mã số xe tăng, đợi khi gọi về tuyến sau, chỉ huy gọi được lên điều hành xe phối hợp thì đã chậm mất thời gian độ 10 quả đạn pháo rồi. Tớ nói không ngoa là sau 1973 với Hiệp định Pari, Mỹ nó phải rút, chứ cứ thực tiễn chiến trường mà nói, nó đánh xe tăng khá lắm. Mà nếu mình đánh nó không phát huy được phương tiện do trình độ có hạn thì tổn thất ghê gớm.

Theo tớ đánh tăng của ta những trận thắng lớn là Làng Vây, Lộc Ninh, Phước Long. Còn thiệt hại nặng nề, phải nói đến Cửa Việt, An Lộc. Đánh An Lộc cũng vậy.

Thứ hai, kinh nghiệm xương máu của tớ là lính tăng càng được học văn hoá cao càng tốt. Hồi chúng tớ, ít nhất là lính lớp 10 thì mới sử dụng phát huy tương đối tốt. Sinh viên đại học vào sau càng tốt. Cùng với cán bộ thì phải có chính sách cán bộ tốt. Tớ nói thật thế này, bao nhiêu trận đánh thua, thiệt hại xe và người nặng nề đều do công tác cán bộ. Chính trị viên đa số chỉ làm tốt công tác chính trị thôi. Thiếu người, bắt họ chỉ huy xe là chệch choạc. Cán bộ kỹ thuật cũng vậy.

Chuyện khó tin hậu chiến

Ngày 18 - 11 - 2011, Đoàn đặc công 429 đi cải táng một liệt sĩ ở miền Tây. Đến nơi, tó trèo lên thắp nhang cho Lê Văn Quyền, pháo thủ 2 hy sinh. Rồi đến ông thứ hai hy sinh là Nguyễn Văn Thuyết, trung sĩ trường xe khác. Bỗng ở đâu, một con ong phóng lên, đốt thẳng vào tai đau buốt. Tó xuống đồi, liền gọi ngay cho một thằng bạn biết xem Kinh Dịch hỏi. Nó gieo quẻ, phán: “Thứ nhất, mày không phải chỉ đi thắp nhang cho hai mộ mà là đi làm cho bảy mộ. Thứ hai, con ong đốt mày là vì mày thắp cho ông quân hàm bé, binh nhất trước, rồi mới đến ông trung sĩ. Ông giận, xúi ong đốt. Quẻ nói vậy”. Tôi bảo liền: “Đề tao quay lên, nói lại với chúng nó”.

Tôi làm năm nhang nữa, lại leo lên khẩn tiếp: “Nếu bảo người lên biên giới này thắp nhang cho thằng Quyền và mày, thì tao là đưa lên nhiều nhất. Thằng Quyền ngồi xe tao, gần bó hơn, tao lại thấy mộ nó trước nên tao thắp trước. Chân tao, đánh nhau biên giới Tây Nam, Pôn Pốt nó lấy một cẳng rồi, bước thấp bước cao, không quỳ được, mày phải thông cảm cho tao chứ! Chúng mày giận gì mà xúi ong đốt tao?”

Chuyện có thật mà như là ma trôi. Thằng bạn tôi còn cam đoan “Thứ ba, quẻ này nói, mây không có tiền đâu!” Mà đúng phóc không à! Ở ngay đó, tớ đi khắp bốn bàn, bốn ông bán vé số mà không tìm được một tờ nào có số con ong (số 56). Về thị xã Tây Ninh, tớ lòng sục thử mua số 56 mà cũng không hề gặp. Quyết thử dò đến cùng, tớ gọi cho thằng bạn ở Long An bảo tìm mua “con 56” “đánh khá khá” lên một chút. Nó bảo hết tiền, chỉ còn đúng 3.000. Thế mà được 210.000 ngay đấy. Vậy mà riêng tôi lòng không được. Vì quẻ bảo là “không có tiền”.

Chuyện lính tăng, nhiều cái không biết thế nào. Tin quá thì lại có khi là mê tín. Mà không tin không được. Hồi ở ngoài Bắc, có ông tự nhiên nhòm tờ bảo : “Khoảng 26 - 27 tuổi dính nạn binh đao, thập tử nhất sinh, ông bà cứu, đồng đội cứu, may sống!” Cụt lủn, nguyên văn từng chữ vậy. Đây là năm 1970, trước khi vào lính. Lão còn bảo tiếp: “Tao thấy cái sống, chết của mây lúc ẩn, lúc hiện. Nhưng giờ, rõ là sống rồi”.

Băng đi chả nhớ làm quái gì. Lính tinh hơi đâu mà nhớ! Đánh miết đến 1975 chiến thắng. Ai ngờ! Tớ sinh năm 1952, đến 1975 là 23

tuổi. Hóa ra đến năm 1978 - 1979 lại binh đao, chả 26 - 27 tuổi rồi là gì. Ngày 27 - 9 - 1977, vừa mở mắt đã thấy bốn chiếc xe Hồng Hà lên sớm thế. Ông phụ trách tập hợp, đọc tên từng thằng đi nhận nhiệm vụ mới. Ngày 28 - 9 - 1977, họp tiếp. Trung đoàn trưởng thông báo: “Samát đã chiến tranh. Xe bọc thép, xe bánh lốp lên bị diệt hết rồi. Trên điều tăng T59 đi chiến đấu”

Thế là cái xe đi cùng đời binh nghiệp chống Mỹ của tôi T59 biển số B 366 tiếp tục lên đường (biển đầu 3 , 4 là dòng T59 thí dụ cùng loại với xe B 390 húc đồ Dinh độc lập; biển đầu 8, 9, 7 thí dụ xe 843 húc đồ Dinh độc lập, là T54) Tôi không quên một kỷ niệm buồn. Vừa hồi hận và tiếc. Khó tin là sao hồi đó mình lại làm vậy?

Chị em thanh niên xung phong hồi đó khổ lắm, áo quần rách tơi tả hết. Vậy mà hồi đó, xe đi qua trọng điểm, tôi chỉ tặng chị em thực phẩm lương khô, quần áo thì chỉ dám cho đồ lót mà không tặng quần áo dài trong khi mình có tới mười mấy bộ.

Khô! Hồi đó còn trẻ, nghe bảo “vào B2 khổ lắm”, lính miền Đông Nam Bộ đi vào sâu lắm, không biết sống chết thế nào, nên cứ lo chết

đói, chết rét không có tiếp tế. Mình trang bị tận răng, thanh niên xung phong có gì đâu, thế mà...! Vào đó, trà Lãngcôbơ, thuốc lá Chim Chơao, thuốc Miên, thuốc lá rom (rê) xài thoải mái, đồ có dùng đâu, chỉ rệt quần cộc áo bà ba, khăn rằn, biết thế, tớ đã tặng hết ngoài này rồi. Mà họ tràn lung làm đường, phá bom, dẫn lối cho mình. “Cậu biết không, vào B2, trung bình cứ 100 chiếc xe tăng mất khoảng 10 chiếc bị hỏng, bị bom, bị rơi xuống vực ... Thế mà mình có cái quần áo dài, cho còn tiếc. Nếu bảo chiến tranh có gì hồi tiếc, thì chuyện đó, càng nghĩ càng tự hận mình lắm.”

Tôi chuyển ngành về làm truyền hình ở phía nam, bộ phận tổ chức cán bộ. Có người bảo “màu mỡ tha hồ mà ăn!”. Vớ vẩn! Hồi đánh nhau, mình vác bao nhiêu thương binh, liệt sĩ ra vòng ngoài, đâu có ngã giá “tao mang mày ra, mày sống trả tao mấy chỉ, mấy cây”! Các “chú” mày nhằm to, chả hiểu đếch gì lính chúng tớ! Các “chú” vào mà “ăn”!

Lính tráng trước sau vẫn thế. Đến giờ vẫn thế. Mình còn sống là may mắn hơn đồng đội lắm rồi. Vẫn nhớ bạn bè chiến đấu lắm. Làm con người phải thanh thản. Có làm có hưởng. Nhưng

mình không phải có làm có lộc mà không biết chia nhường, san sẻ. Chỉ có dùng ăn bản.

3. Lạ lòng tác chiến Tăng - Thiết giáp B2

Thiếu tướng Mai Văn Phúc, nguyên Đoàn trưởng kiêm chính uỷ Đoàn 26 Tăng - Thiết giáp Miền, Nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 7

Tôi đã đọc hồi ký “Những chặng đường đời” của NXB QĐND của Thiếu tướng Mai Văn Phúc, nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 7, nguyên Tư lệnh Tăng - Thiết giáp Miền, do tác giả Nguyễn Đình Phụng thể hiện với sự ngưỡng mộ và cảm động.

Xe chưa xung trận, người xung trận trước

Nhờ sự giới thiệu của các cựu chiến binh Ban liên lạc truyền thống Tăng - Thiết giáp Nam Bộ, các anh Lê Cát Lợi, Nguyễn Công Thành, Lê Anh Dũng, Nguyễn Tuấn Minh...ông thân tình tiếp tôi tại gia, ấm áp và tin cậy như người trong nhà. Câu chuyện của ông, trước sau vẫn ấp ủ một niềm tự hào, những kỷ niệm chiến tranh, tình với đồng đội và một khát vọng một ngày Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT cho Đoàn M 26 Tăng - Thiết giáp Miền - đơn vị đi liên với

sự ra đời, trưởng thành của bộ đội Tăng - Thiết giáp miền Đông Nam bộ.

Đời ông khá tiêu biểu cho một cho thế hệ sĩ quan chỉ huy xe tăng Việt Nam. Thoát ly đi chiến đấu ở chiến trường Liên Khu 5 từ rất sớm, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, ông tập kết ra Bắc. Quyết định của Đảng, Nhà nước và Quân đội chuẩn bị tạo nguồn xây dựng các quân, binh chủng hiện đại như tăng thiết giáp, không quân, hải quân...đã dần hiện thực hoá mơ ước của người lính cụ Hồ thời chống Pháp như ông “trong tay chỉ có khẩu súng trường Mútcotông, vài quả lựu đạn, mặc quần xà lòn đi đánh giặc, nay sắp được “cuối” xe tăng trên tháp pháo có ngôi sao màu đỏ, vượt Trường Sơn về giải phóng quê hương”

Năm 1955, khi đang là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn trợ chiến, Trung đoàn 93, Sư 324, ông được cử đi học lớp bổ túc văn hoá tại trường D126 ở Hải Phòng, chuyên dạy văn hóa cho cán bộ chưa học hết cấp 2, cấp 3 và bồi dưỡng văn hoá, ngoại ngữ cho cán bộ chiến sĩ trước khi gửi sang Liên Xô, Trung Quốc đào tạo. Ông là một trong số 202 cán bộ đầu tiên đi đào tạo xe tăng tại

Trung Quốc và ngày 5 - 10 - 1959, khi Trung đoàn xe tăng đầu tiên của QĐND Việt Nam thành lập mang phiên hiệu Trung đoàn 202 gồm ba tiểu đoàn thì ông là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3.

Rồi cũng chính ông cùng cán bộ kỹ thuật Lâm Kim Chung, tháng 4 - 1964 đã nhận lệnh Bộ tăng cường trở lại miền nam xây dựng lực lượng Tăng - Thiết giáp Miền theo tinh thần chỉ đạo “xe chưa xung trận thì người xung trận trước”.

“Đó là chỉ đạo của Thượng tướng Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng từ năm 1963, trong điều kiện chưa thể bảo đảm cho các loại xe tăng - thiết giáp hành quân vào Nam hàng nghìn cây số trên đường Trường Sơn” ông kể.

Ba nhiệm vụ kéo dài suốt từ đầu năm 1964 cho đến 30 - 4 - 1975 giải thích chuyện ngược đời của lính tăng “người xung trận trước” là: Nắm tình hình xe địch để làm tham mưu cho Bộ; Cùng các đơn vị tiếp cận địch đánh địch lấy xe địch; Kết hợp chuẩn bị chiến trường, khi miền Bắc đưa xe vào thì đánh được ngay.

Và từ đó, bắt đầu những đặc sắc từ thực tiễn chiến trường: cán bộ xe tăng làm việc ở...

Phòng quân báo Miền; cán bộ xe tăng nằm trong cơ cấu Ban Cơ giới miền - Cơ quan của Binh chủng Tăng - Thiết giáp B2 với nhiệm vụ nghiên cứu đặc điểm, tính năng xe Tăng - Thiết giáp của địch, tìm cách “đoạt” xe địch để xây dựng lực lượng, sử dụng xe cơ giới thu được để vận chuyển thương binh, vũ khí, lương thực, đạn dược, cán bộ; hoạt động theo phương châm của... binh chủng đặc công: lấy ít địch nhiều, luôn sâu, đánh hiểm, “đánh đặc công, đoạt xe địch đánh địch”

Với sự chi viện liên tục các đoàn cán bộ Tăng - Thiết giáp như đoàn C15 vào năm 1964, đoàn 771 vào năm 1965 đông nhất với quân số biên chế một trung đoàn rút gọn, lực lượng Tăng - Thiết giáp B2 đã được cơ cấu lại thành J16 Cơ giới Miền tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đoạt bằng được xe địch, và trận Gò Đậu đánh thẳng vào căn cứ của Trung đoàn thiết giáp số 1 của ngụy năm 1965 là một minh chứng sáng tạo.

Chắc chỉ có ở Việt Nam mới có kiểu bộ đội xe tăng J16 Cơ giới Miền (không có xe tăng) phối hợp Sư đoàn 9, Tỉnh đội Bình Dương, Ban Binh vận Trung ương Cục hợp đồng tác chiến với

lực lượng khởi nghĩa của ta cài vào Trung đoàn thiết giáp số 1 nguy do đồng chí Phùng Văn Mười chỉ huy, đánh nội công ngoại kích. Kết quả ta đã diệt gần 200 tên địch, thu phá huỷ hơn 30 xe M41, M113 và đặc biệt lấy được chiếc M41 AL 247 do thiếu úy nội ứng Phùng Văn Mười lái an toàn về căn cứ tập kết, chuyển giao cho cán bộ kỹ thuật J16 lái tiếp trong đêm tối vượt hơn 30 km đường rừng về căn cứ Long Nguyên.

Một án tử hình vắng mặt của quân đội Sài Gòn dành cho Phùng Văn Mười cùng quyết định của Toà án binh nguy tổng giam Trung đoàn trưởng thiết giáp số 1 nguy; Một quyết định của Trung ương Mặt trận dân tộc Giải phóng miền nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng nhất cho lực lượng khởi nghĩa Gò Đậu và cho cá nhân Thiếu úy Phùng Văn Mười, năm anh em khác trong lực lượng khởi nghĩa đã nhận Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì và Ba, đã cho thấy tầm vóc bước ngoặt của sự kiện này, đánh dấu bước trưởng thành của J16 Cơ giới Miền.

Chiếc xe “báu vật” và chiến công huyền thoại đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao

của các đồng chí trong Bộ chỉ huy Miền như Tư Chí (Trần Văn Trà), Sáu Nam (Lê Đức Anh), Năm Ngà (Nguyễn Minh Châu). Việc “nuôi sống” chiếc xe để phục vụ huấn luyện và nghiên cứu là một kỳ công. Trong điều kiện địch thực hiện “thiết xa vận” và “trục thẳng vận” lùng sục, đánh phá, bộ đội đã phải đào hầm rộng 4 mét, dài 8 mét, sâu 4 mét để giấu xe, chung quanh là hầm hào liên hoàn bảo vệ. Lực lượng giữ xe từ một trung đội, sau đó do địch đánh phá ác liệt, rút còn một tiểu đội cảm tử, có những đảng viên cảm tử đã chống càn tới viên đạn cuối cùng, hy sinh để bảo vệ xe.

Để giữ xe M41 “sống” được trong điều kiện bí mật phải hạn chế nổ máy để nạp ắc quy điện, anh em đã lợi dụng trời mưa để nổ máy; lợi dụng lúc máy bay địch ném bom vào khu vực gần nơi đóng quân; thậm chí đồng chí Sáu Nam còn đề cập khả năng cho quân ta chủ động pháo kích vào khu vực để tạo tiếng ồn cho bộ đội tăng nổ máy nạp ắc quy điện; duy trì sự sống cho chiếc xe quý giá. Rồi chuyện tiếp tế xăng bằng cách mua xăng từ Bến Súc, cho vào can thả trôi trên sông, đến nơi vớt lên, đào hố, cho vào thùng

phuy chôn xuống như những ngôi mộ giả, khi cần đào đất lên, dùng ống nhựa hút xăng, gửi về căn cứ.

Hồi ký của vị tướng đã kể lại sinh động lối đánh đặc công ban ngày, nhiều mũi nhiều hướng, đánh nở hoa trong lòng địch, đánh bồi, đánh nhồi càng phát triển khi chiến tranh ngày một ác liệt. Bộ chỉ huy Miền sáp nhập B18 Đặc công với J16 Cơ giới thành Phòng Đặc công - Cơ giới. Sự phối hợp chặt chẽ giữa hai binh chủng Đặc công và Tăng - Thiết giáp chính là một sáng tạo độc đáo chỉ có ở mặt trận miền Đông Nam bộ, cho thấy tinh thần khắc phục khó khăn của bộ đội Tăng - Thiết giáp B2.

Hàng loạt các trận đánh, chiến dịch: Bình Giã, Đồng Xoài, Bàu Bàng, Thủ Đức, Gò Đậu, núi Bà Đen, Trảng Lớn, Dầu Tiếng, Bà Chiêm, Túc Ních, Đồng Dù, Chơn Thành, Lai Khê, Cà Tum, Tân Sơn Nhất, Trại Phù Đồng...giai đoạn từ 1963 đến 1969 mà cán bộ Tăng - Thiết giáp tham gia, cho thấy một sự thật không ngờ là “cán bộ chiến sĩ xe tăng do yêu cầu cách mạng đã xuống xe chiến đấu bằng chiến thuật đặc công” góp phần làm phá sản chiến thuật “trục thẳng vận

và “thiết xa vận của địch”.

Từ sau năm 1969, không còn phiên hiệu J16 Đặc Cơ nữa, song cán bộ chiến sĩ tăng - thiết giáp trong màu áo các đơn vị Lữ đoàn Đặc công 429, tiếp đó tách ra thành M26 Cơ giới Miền, vừa tiếp tục chiến đấu xây dựng lực lượng từ xe Tăng - Thiết giáp của địch, vừa chuẩn bị cơ sở vật chất tiếp nhận lực lượng Tăng - Thiết giáp từ miền Bắc hành quân vào chi viện cho chiến trường miền nam.

Chuẩn bị cho chiến dịch Nguyễn Huệ, M26 đã hình thành hai lực lượng: Đại đội 33 Tăng - Thiết giáp với các xe chiến lợi phẩm thu được của địch, đánh địch ở Sa Mát, Thiên Ngôn khiến chỉ huy địch phải hồ nghi tột độ “doạ đưa ra toà án binh” kẻ báo tin thấy xe tăng Việt Cộng!; Lực lượng thứ hai là hai Tiểu đoàn 20, 21, trang bị tăng T54, T59, xe bọc thép lội nước K63 - 85; BTR - 50PK từ miền Bắc hành quân vào đánh địch.

Lịch sử đã ghi nhận một kỳ tích trên đường Hồ Chí Minh đó là cuộc hành quân của tiểu đoàn 20 xe tăng T54, M26 vào Nam - đoàn tăng đầu tiên từ miền Bắc hành quân vào tận

Đông Nam bộ, vượt gần 2.000 km, trải qua đủ kiểu đánh phá, ngăn chặn, lùng sục của máy bay do thám, B52, thám báo, biệt kích để góp phần làm nên trận Lộc Ninh thắng lợi to lớn với yếu tố bất ngờ của xe tăng.

Rồi ngoạn mục cuộc hành quân vượt sông Vàm Cỏ Đông chở binh đoàn 232, Bộ tư lệnh Sư đoàn 3, Sư đoàn 9, chở bộ binh thọc sâu đánh qua Quang Trung, Phú Lâm về Sài Gòn của tiểu đoàn 23 tăng - thiết giáp, M26 đánh vào Biệt khu thủ đô bắt sống tướng Lâm Quang Phát. Rồi một tình huống chiến tranh hiếm có, cuộc hành quân của đại đội 45 xe tăng bơi nước K63 - 85, Tiểu đoàn 23 vượt Đồng Tháp Mười chốt chặn lộ 4 chặn địch ở Sài Gòn và Cần Thơ không ứng cứu được cho nhau, đã bị sa lầy 49 lần, và đã tự kéo 39 lần qua Đồng Tháp Mười an toàn. Tiếp đó là cuộc vượt sông Vàm Cỏ Tây truy kích địch, xe tăng bơi nước bắn chìm một giang thuyền của địch trên sông.. - mỗi sự kiện là một bài học sáng tạo về nghệ thuật quân sự, một câu chuyện chiến tranh thú vị.

Từ không đến có, Tăng - Thiết giáp B2 đã làm nên những chiến thắng to lớn độc đáo, góp

phần vào trang sử vẻ vang của binh chủng Tăng - Thiết giáp Việt Nam

Giá của chiến thắng

Ngày 30 - 4 - 1975, khi hai chiếc xe tăng 390, 843 húc đổ Dinh Độc lập, khoảnh khắc lịch sử đó là kết cục tất yếu của ý chí của cả một dân tộc, một quân đội, một binh chủng đã làm nên chiến thắng nhờ đường lối quân sự và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nhân dân đúng đắn của Đảng ta, quân đội ta.

Giờ phút huy hoàng ấy mà hai xe 390, 843 là biểu tượng, cũng là kết tinh của bao mất mát, hy sinh và chiến công của binh chủng Tăng - Thiết giáp nói chung, lực lượng Tăng - Thiết giáp B2 nói riêng, kế tục, tiếp nối xứng đáng các trận đánh: Làng Vây, Cửa Việt, Lộc Ninh, An Lộc, Phước Long, Xuân Lộc, Chiến dịch Hồ Chí Minh của bộ đội tăng thiết giáp.

Trong câu chuyện của vị tướng, ông nhớ về sự hy sinh của đồng đội, về những tấm gương chiến đấu anh hùng của cán bộ chiến sĩ M26, đặc biệt còn đau đáu bài học về phối hợp chỉ huy, tác chiến trong trận An Lộc. “Một nửa quân số hy sinh, bị thương, mất tích và bị địch bắt, đoàn

M26 như một người vừa qua trận ồm nặng, hai tiểu đoàn tăng 20 và 21 được tăng viện từ miền Bắc vào chỉ còn 20 chiếc. An Lộc với cá nhân ông, đã đi vào lịch sử binh chủng tăng - thiết giáp như “một kinh nghiệm quý để chúng ta có được thắng lợi sau đó ở Phước Long, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, mặt trận Tây Nam”.

Hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho Đoàn Tăng - Thiết giáp 26 Miền (B2), nay là Trung đoàn Tăng - Thiết giáp 26, Quân khu 7 khiến tôi thật sự ấn tượng. Đã tham gia phối hợp với các đơn vị bạn đánh thắng địch trong chiến dịch Nguyễn Huệ; Đánh địch lần chiếm bảo vệ vùng giải phóng sau Hiệp định Pari; Tham gia chiến dịch giải phóng Phước Long và Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chiến tranh biên giới Tây Nam bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế cao cả ở Campuchia.

Sau những năm giải phóng, M26 vẫn còn hơn ba trăm liệt sĩ chưa tìm được hài cốt. Ba đơn vị của Đoàn M26 là Tiểu đoàn 21, Đại đội 10 - Tiểu đoàn 20 và Đại đội 33 đã được phong tặng

là đơn vị Anh hùng LLVTND. Năm cán bộ của đoàn đã được tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND.

Trong hồi ức bằng thơ cảm động của cựu chiến binh Lê Đình Bình, đại đội 42, Tiểu đoàn 23, Đoàn M26 đọc cho tôi nghe tại buổi họp mặt Ban liên lạc cựu chiến binh Tiểu đoàn 23 ở nhà riêng Trung tá Lê Cát Lợi, Trưởng ban liên lạc D23, mấy câu thơ đã làm những cựu binh vào sinh ra tử lặng đi:

*Các anh ngã xuống với ba lô rỗng trống.
Tài sản mang theo là những chiến công...
Mong các anh trở về cội vĩnh hằng
Lòng thanh thản phiêu diêu miền cực lạc
Nếu linh hồn còn phảng phất đâu đây
Ngày 30 - 4 nhớ về sum họp.*

Tôi hiểu, khi cựu chiến binh Đặng Quốc Anh, Lê Cát Lợi và những cựu chiến binh Tiểu đoàn 23 giới thiệu những người thật việc thật cho tôi - cựu chiến binh Nguyễn Công Thành của Tiểu đoàn 20, cựu chiến binh, thương binh Lê Anh Dũng của Tiểu đoàn 21 - tôi tin rằng, trong sâu thẳm trái tim của các anh và những cựu chiến binh khác dù ở đơn vị nào, thì truyền thống anh

hùng của bộ đội Tăng - Thiết giáp miền Đông Nam bộ từ những ngày đầu trứng nước luôn song hành với họ trong cuộc sống hôm nay, cả những hy sinh, mất mát, những trăn trở, nỗi niềm bên niềm tự hào về những chiến công chung đã trở thành bất tử.

Song Hà

Ký ức người lính trên chiếc xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập

Thời khắc xe tăng T54B số hiệu 843 tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975 như một dấu chấm đầy ấn tượng cho sự kết thúc của chế độ nguy quyền Sài Gòn, chấm dứt chia cắt, non sông thu về một mối.

Chiến tranh đã lùi xa 45 năm, nhưng trong ký ức hào hùng của cựu chiến binh Nguyễn Văn Kỳ, tổ 21, phường Hưng Thành (thành phố Tuyên Quang) - người lính trên chiếc xe tăng năm đó vẫn hiện rõ mỗi lần ông kể chuyện.

Ông Nguyễn Văn Kỳ vốn người gốc Tuyên Quang. Năm 1971, ông lên đường nhập ngũ khi mới tròn 18 tuổi và đóng quân tại Tiểu đoàn 203, Quân đoàn 2, Binh đoàn Hương Giang. Ông Kỳ

vinh dự là một trong 4 người lính điều khiển chiếc xe tăng mang số hiệu 834. Đây là kíp lái được mệnh danh "kíp lái thép" do Đại đội trưởng, Trung úy Bùi Quang Thận (quê Thái Bình) chỉ huy; lái xe, hạ sĩ Lữ Văn Hòa (quê Hà Nam), pháo thủ số 1 Thái Bá Minh (quê Nghệ An) và ông - pháo thủ số 2, luôn tiên phong trong các trận đánh lớn.

Ông Kỷ nhớ lại, trận đánh lớn đầu tiên trong đời lính của ông là trận đánh chống quân nguy lân chiếm vùng giải phóng tại Thành cổ Quảng Trị tháng 3/1972. Địch bắn súng, thả bom xối xả, quân ta vẫn ngoan cường, anh dũng chiến đấu. Tháng 3/1975, đơn vị ông được lệnh tiên phong đánh vào Huế từ ngày 5 - 29/3. Sau khi giải phóng Huế, xe tiếp tục tiến công các lực lượng quân địch tại Đà Nẵng và giải phóng thành phố này. Đà Nẵng giải phóng, đơn vị của ông tiếp tục nhận lệnh truy quét quân địch, giải phóng các quận, huyện ven biển Nam Trung Bộ.

Nhớ lại những ngày tháng 4 lịch sử, ông Kỷ kể: Ngày 24/4/1975, đơn vị ông nhận lệnh tập kết tại một đồn điền cách Sài Gòn 100km chuẩn bị tấn công Sài Gòn từ hướng Đông. Ngày 29/4, Đại

đội trưởng Bùi Quang Thận thông báo, đơn vị được nhận nhiệm vụ triển khai đánh chiếm Dinh Độc Lập, chiến dịch mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh. Nghe vậy, anh em trong đơn vị ai cũng phấn chấn, tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” dâng cao.

Khoảng 9h ngày 30/4, đơn vị ông cùng với Đại đội tăng số 4 được lệnh phá vỡ thế phòng ngự địch, mở đường quyết tử vượt cầu Sài Gòn và nhanh chóng chiếm cầu Thị Nghè. Tại cầu Thị Nghè, xe tăng 843 bắn cháy 2 xe thiết giáp M41 và M113 của địch. Kể đến đây, giọng ông bỗng nghẹn lại, rồi ông chậm rãi: “Trận hôm ấy, Tiểu đoàn trưởng chỉ huy Tiểu đoàn xe tăng, anh hùng lực lượng vũ trang Ngô Xuân Nhữ đã hi sinh”.

Đến Dinh Độc Lập, xe 843 húc không đồ công chính. Đại đội trưởng, Trung úy Bùi Quang Thuận cho xe dừng lại rồi nhanh chóng lên nóc Dinh Độc Lập cầm cờ chiến thắng của quân ta. Tại công vào, khi xe 843 bị kẹt lại thì chiếc xe thứ 2 số hiệu 390 đã húc đồ công chính, đưa quân ta bắt sống toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn.

Sau giải phóng, ông được giao nhiệm vụ

cùng đồng đội làm công tác dân vận, vận động bà con trong vùng giải phóng đi theo chế độ của ta; vận động bà con xây dựng lại nhà cửa, ổn định đời sống; tham gia đăng ký xây dựng vùng kinh tế mới. Chiến tranh lùi xa, người lính oai hùng trên chiến trường năm xưa không sợ bom đạn quân thù, nay về với đời thường vẫn phát huy truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ, hăng hái phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống no ấm. Ông bảo: "Là anh lính Cụ Hồ không sợ vất vả, chỉ sợ bệnh tật và đói nghèo thôi". Ham công tiếc việc là vậy, nhưng mỗi khi được các cơ quan, đơn vị mời đi nói chuyện truyền thống, ông đều gác bỏ việc nhà và nhận lời ngay.

Mấy chục năm đến các trường học, các địa phương kể chuyện lịch sử, bàn chân ông đã đặt đến nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Ông đã đến trường THPT Chu Văn An (Hà Nội); nói chuyện tại Đền Đô (Bắc Ninh); giao lưu với các chiến sỹ tại Sư Đoàn 313 ở Đoàn Hùng (Phú Thọ)... và rất nhiều trường học, địa phương trên địa bàn tỉnh. Trong những cuộc tọa đàm ấy, mỗi lần ông kể chuyện, hàng nghìn ánh mắt ngưỡng mộ hướng về ông, rồi những tràng pháo tay không ngớt vang lên.

Chia tay ông Kỳ, tôi vẫn nhớ mãi câu nói giản dị nhưng ý nghĩa của người lính pháo thủ oai hùng: “Những đồng đội đã ngã xuống yên nghỉ vĩnh hằng trong lòng đất mẹ mới thật sự là những người anh hùng vĩ đại. Vì vậy, nếu còn sức khỏe, tôi vẫn sẽ tiếp tục nhận lời mời đi kể chuyện lịch sử cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Đó cũng là một cách đền tri ân và ghi lòng, tạc dạ với những đồng đội tôi”./.

Theo Báo DTĐCSVN

Niềm tự hào của người lính lái chiếc xe tăng sớm nhất tiến vào Dinh Độc Lập

Vào thời khắc cuối cùng của chế độ nguy quân, nguy quyền Sài Gòn 45 năm về trước, trong đoàn quân đi đầu của lực lượng "đột kích thọc sâu" thực hiện nhiệm vụ đặc biệt của Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh "nhanh chóng chiếm những vị trí trọng yếu thuộc nội đô Sài Gòn", có một người lính giải phóng quân quê Hà Nam - người lái cỗ "chiến xa" huyền thoại T54 - 843 có mặt sớm nhất tại dinh lũy cuối cùng của địch trưa ngày 30/4/1975. Người lính ấy là Lữ Văn Hòa ở tổ dân phố Mễ Nội, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý.

Nhớ về một thời hào hùng, người chiến sỹ Lữ Văn Hòa năm xưa cho biết, gia đình ông có 5

anh em trai đều tình nguyện lên đường nhập ngũ và tham gia chiến đấu tại chiến trường miền nam trong những năm đánh Mỹ ác liệt nhất. Năm 1970, vừa tốt nghiệp trường Trung cấp cơ khí I ở Vĩnh Phú, đáp lại lời kêu gọi của Đảng "cả nước hành quân ra tuyến lửa", Lữ Văn Hòa khoác ba lô lên đường hòa mình vào những đoàn quân "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước".

Sau ba tháng huấn luyện cơ bản, Lữ Văn Hòa được điều động về Trung đoàn 203, Binh chủng Tăng thiết giáp. Không khí thời chiến sục sôi cùng với sự say mê và chút vốn hiểu biết cơ khí nên anh thích nghi được ngay với những nội dung huấn luyện chuyên sâu của Binh chủng, đề rồi nhanh chóng làm chủ kiến thức và thực hiện thuần thục những bài tập kỹ thuật, chiến thuật đặc biệt của người lính tăng.

Tháng 3/1971, Lữ Văn Hòa cùng trưởng xe Bùi Quang Thận (quê ở Thái Bình) và hai pháo thủ Thái Bá Minh (quê ở Nghệ An), Nguyễn Văn Kỳ (quê Tuyên Quang) trên chiếc xe tăng T54 843 nhận lệnh lên đường. Lữ Văn Hòa chia sẻ: "Hơn ai hết, chúng tôi hiểu sâu sắc niềm tự hào khi được vinh dự cùng những đoàn quân đang có mặt ở

chặng đường quan trọng nhất - chặng đường thể hiện cao nhất sức mạnh và khát vọng của cả dân tộc hướng tới đích là giải phóng miền nam, thống nhất đất nước.

Thời gian chuẩn bị mở chiến dịch, lính tăng chúng tôi cùng những "pháo đài di động" hành quân đêm ngày cùng nắng gió, cơm nắm, rau măng, nước suối Trường Sơn. Suốt đêm hành quân không nghỉ, đến nơi tập kết, lại lập tức đào công sự, ngủ ngay trên xe. Vất vả, hy sinh là không thể tính đếm nhưng trước không khí hùng hục của chiến dịch không ai thấy mệt". Và chính trong những ngày vất vả chuẩn bị cho chiến dịch đó, Lữ Văn Hòa vinh dự được kết nạp Đảng ngay tại mặt trận.

Vào thời điểm ấy, với những thắng lợi quan trọng của ta trên cả ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao ngày càng đẩy Mỹ - ngụy vào thế thất bại và cô lập. Tháng 1/1973, Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết. Khí thế của quân và dân ở cả hai miền nam Bắc càng sôi trào. Sự xuất hiện của những cỗ "chiến xa" thế hệ mới T54 trên chiến trường càng làm nức lòng đồng đội ở các cánh quân trên đường ra trận. Lữ Văn Hòa cùng trưởng xe Bùi Quang Thận và hai pháo thủ trên cỗ "chiến

xa" T54 - 843 càng như nóng lòng chờ xuất trận, để trút sấm sét lên đầu thù. Thế rồi thông tin "mở chiến dịch" cũng được bí mật truyền đến, anh em lính tăng ôm ghì lấy nhau, không nói nên lời, ai cũng sung sướng và hồi hộp chờ đợi. Ngày 20/3/1975, Trung đoàn 203 Tăng - Thiết giáp được Bộ Tư lệnh Quân đoàn II phiên chế vào lực lượng đột kích cơ động mạnh nhận mật lệnh tập trung hỏa lực từ núi Bông đánh ngược lên sân bay Phú Bài (Thừa Thiên Huế). Với phương châm đã trở thành mệnh lệnh của cả chiến trường "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng", những chú "voi sắt" T54 ngao nghễ từ rừng già vươn nòng trút lửa nghiền nát những ổ hỏa lực ngoan cố của địch, yểm trợ đắc lực cho các cánh quân bộ binh tràn lên làm chủ chiến trường.

Ngày 26/3/1975, xe tăng T54 - 843 do chiến sỹ Lữ Văn Hòa lái có mặt tại cửa biển Thuận An, từ đây, dọc theo Quốc lộ 1, hành quân, truy kích địch, tiến về giải phóng Đà Nẵng và hàng loạt các tỉnh Nam Trung bộ rồi cùng những cánh quân khép chặt "vòng đai lửa" quanh Sài Gòn. Ông Hòa vẫn còn nhớ như in, 3 giờ sáng ngày 29/4/1975, tại cầu Buông (Biên Hòa) Trung đoàn 203 Tăng -

Thiết giáp nhận lệnh tập trung hỏa lực đánh thẳng vào các mục tiêu quan trọng của địch như: ngã ba Tam Hiệp, xa lộ Biên Hòa, cầu Sài Gòn...

Đến 9h30 phút ngày 30/4/1975, chiếc T54 - 843 áp sát cầu Thị Nghè, trưởng xe Bùi Quang Thận ra lệnh hạ thấp nòng pháo tiêu diệt xe tăng cùng các ồ hỏa lực của địch đang ngoan cố, điên cuồng chống trả hòng cản bước tiến của quân giải phóng. Vượt qua cầu Thị Nghè, cỗ "chiến xa" T54 - 843 ngạo nghễ lăn xích sắt trên những đại lộ Sài Gòn. Quân chúng cách mạng hai bên đường vây chào và dẫn đường cho quân giải phóng tiến vào các mục tiêu quan trọng. 11h trưa ngày 30/4/1975, tòa nhà chính Dinh Độc Lập hiện ra trước mắt họ. Cỗ "chiến xa" T54 - 843 sạm đầy khói lửa chiến trường gầm lên cùng đoàn tăng tiến vào trong sân và chỉ ít phút sau, lá cờ giải phóng do Trung úy trưởng xe Bùi Quang Thận mang theo đã tung bay trên nóc tòa nhà, báo hiệu thời khắc lịch sử thiêng liêng, huy hoàng "Toàn thắng về ta".

Là người trực tiếp chiến đấu, có mặt trong đội hình tiến vào sào huyệt cuối cùng, chứng kiến sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền ngụy, chia sẻ cảm xúc về thời khắc lịch sử ấy ông Hòa nói:

"Không thể nào diễn tả hết cảm xúc của anh em chúng tôi lúc ấy. Đó là sự bất ngờ về bước chân thần tốc của các cánh quân, là niềm tự hào trước tầm vóc của chiến thắng, là sự cảm kích trước sự hy sinh của hàng trăm nghìn đồng bào, đồng đội ở khắp các mặt trận và ở ngay cửa ngõ Sài Gòn. Và hơn hết, thêm một lần chúng tôi có dịp cảm nhận sâu sắc rằng Đại thắng mùa Xuân lịch sử 1975 chính là kết tinh sức mạnh vô song và khát vọng cháy bỏng của toàn dân tộc ta vì mục tiêu giải phóng miền nam, thống nhất đất nước như ý nguyện của Bác Hồ kính yêu hằng mong mỏi".

45 năm đã trôi qua, người chiến sỹ lái xe tăng Lữ Văn Hòa năm xưa, giờ đây đã trở thành người ông, người cha bên gia đình hạnh phúc và êm ấm. Dù cuộc sống còn nhiều bộn bề lo toan, nhưng ông luôn giữ vững phẩm chất người lính Bộ đội Cụ Hồ, bình dị và gần gũi. Với ông, phần thưởng cao quý nhất chính là sự tin yêu của đồng chí, đồng đội, sự kính trọng, quý mến của bà con lối xóm. Hơn cả là sự bình yên và trưởng thành của hai cô con gái.

Nguyễn Chinh (TTXVN)

MỤC LỤC

- Lời nói đầu	5
- Lính xe tăng và câu chuyện ngày trở về	9
- Câu chuyện của những chiến sĩ lái xe tăng	17
- Chuyện vui lính xe tăng trên đường hành quân chiến đấu!	31
- Xe tăng 555, vết xích và những chiến công	39
- “Bí ẩn” và “bất ngờ” về xe tăng mãnh hổ của Việt Nam!	45
- Câu chuyện của người lính xe tăng qua tấm hình “Quảng Trị hè đỏ lửa 1972”	53
- Trận đấu tăng của kíp xe 377 anh hùng trong chiến dịch Bắc Tây Nguyên Xuân hè 1972.	61
- Trận quyết chiến Buôn Ma Thuột	69
- Từ binh pháp “Nở hoa trong lòng địch” đến “Lấy xe tăng địch đánh địch”	75

- Ký ức của người lính xe tăng	83
- Chiến thắng Xuân Lộc, mở cánh cửa thép tiến vào giải phóng Sài Gòn	183
- Chuyện ít biết về xe tăng 377 và 5 anh em...	193
- Chuyện cô gái trẻ ngồi trên xe tăng dẫn đường cho bộ đội tiến vào giải phóng Sài Gòn	199
- 40 năm giải cứu Campuchia	207
- Lá thư cuối cùng của người lính xe tăng cảm tử	213
- Bắt sống xe tăng Mỹ	221
- “Sáu anh em trên một chiếc xe tăng” chuyện bây giờ mới kể	229
- Người lính xe tăng và câu chuyện về Xuân Mậu Thân 1968.	237
- Lính tăng miền Đông, vài chuyện chép lại	245
- Ký ức người lính trên chiếc xe tăng tiến vào Dinh Độc Lập	277
- Niềm tự hào của người lính lái chiếc xe tăng sớm nhất tiến vào Dinh Độc Lập	283

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.39260024 - Fax: 024.392 60031

Câu chuyện
về người lính xe tăng

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: Lý Bá Toàn

Biên tập
Nguyễn Khắc Oánh
Bìa: Nguyễn Cường
Trình bày: Quốc Đại
Sửa bản in: Bon Bi

In 700 cuốn. Khổ 13, 5 x 20, 5. Tại Công ty TNHH in & TM Thái Dương. Địa chỉ số 3, ngõ 51 Phú Minh, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Số XNĐKXB: 57-2021/CXBIPH/206-03/HĐ. Số QĐXB của NXB: 203/QĐ-NXBHĐ ngày 19/1/2021. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2021; Mã số tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-321-174-0



0000521039

Câu chuyện
về
**Người
Lính
xe tăng**

ISBN: 978-604-321-174-0



9786043 211740

Giá: 78.000